

TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12

---*---

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Cơ sở:

TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12
– CƠ SỞ 1

Địa chỉ:

Số 592 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12,
Thành phố Hồ Chí Minh.

TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12

---*---

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Dự án:

TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12 – CƠ SỞ 1

Địa chỉ:

Số 592 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12,
Thành phố Hồ Chí Minh.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ *Thư*



Trần Nguyên Thục

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC BẢNG	5
DANH MỤC HÌNH ẢNH	6
Chương 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1.1. Tên chủ cơ sở	7
1.2. Tên cơ sở	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	8
1.3.1 Công suất hoạt động của cơ sở	8
1.3.2 Công nghệ hoạt động của cơ sở.....	9
1.3.3 Sản phẩm của cơ sở	10
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	10
1.4.1 Nguyên, nhiên liệu sử dụng.....	10
1.4.2 Nhu cầu sử dụng điện	10
1.4.3 Nhu cầu sử dụng nước	11
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	12
1.5.1 Danh mục máy móc, thiết bị tại cơ sở	12
1.5.2 Vị trí địa lý của cơ sở.....	14
1.5.3 Các hạng mục công trình của cơ sở.....	15
Chương 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	19
Chương 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	20
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	20
3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa.....	20
3.1.2 Thu gom, thoát nước thải.....	21
3.1.3 Xử lý nước thải	23
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	31
3.2.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí phát sinh từ hoạt động giao thông	31
3.2.2. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi khu vực chứa rác, hệ thống xử lý nước thải, hố ga thoát nước.....	33
3.2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ máy phát điện.....	34

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	35
3.3.1 Chất thải sinh hoạt	35
3.3.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường	36
3.4. Chất thải nguy hại	38
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có)	40
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	41
Chương 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	52
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải	52
4.1.1 Nội dung cấp phép xả nước thải	52
4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải	53
4.2. Nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải.....	57
4.2.1 Nội dung cấp phép khí thải.....	57
4.2.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải	57
4.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường	57
4.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	58
Chương 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	61
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	61
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	61
5.3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định).....	62
Chương 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	63
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	63
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	63
6.2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	63
6.2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	63
6.2.3 Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	
63	
6.2.4 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	64
Chương 7. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	65

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	:	Nhu cầu oxy sinh học
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên Môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CP	:	Chính phủ
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
DO	:	Oxy hòa tan
DV	:	Dịch vụ
HTXLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
NĐ	:	Nghị định
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QCXD	:	Quy chuẩn xây dựng
QĐ	:	Quyết định
STT	:	Số thứ tự
TCXD	:	Tiêu chuẩn xây dựng
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	:	Chất rắn lơ lửng
TT	:	Thông tư
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VN	:	Việt Nam

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu phục vụ tại cơ sở.....	10
Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở.....	11
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở	11
Bảng 1.4. Lượng nước sử dụng và lượng nước thải phát sinh tại cơ sở	11
Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị.....	12
Bảng 1.6. Bảng tọa độ địa lý giới hạn của cơ sở.....	14
Bảng 1.7. Các hạng mục công trình tại cơ sở	15
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của 01 bể tự hoại.....	24
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải	27
Bảng 3.3. Thông số, nguyên tắc hoạt động của các thiết bị công nghệ.....	27
Bảng 3.4. Vị trí lấy mẫu nước thải tại cơ sở	30
Bảng 3.5. Kết quả phân tích chất lượng nước thải tại cơ sở	30
Bảng 3.6. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở ...	37
Bảng 3.7. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	38
Bảng 3.8. Các sự cố nhận thường gặp trong quá trình vận hành	46
Bảng 3.9. Một số nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung	47
Bảng 4.1. Thông số giám sát chất lượng nước thải.....	52
Bảng 4.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải	55
Bảng 4.3. Thông số, nguyên tắc hoạt động của các thiết bị công nghệ	55
Bảng 4.4. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	58
Bảng 4.5. Thông số và giá trị giới hạn của ô nhiễm tiếng ồn	58
Bảng 4.6. Thông số và giá trị giới hạn của ô nhiễm độ rung.....	58
Bảng 4.7. Bảng tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	58
Bảng 5.1. Vị trí lấy mẫu nước thải tại cơ sở	61
Bảng 5.2. Kết quả phân tích chất lượng nước thải tại cơ sở	61
Bảng 5.3. Vị trí lấy mẫu không khí tại cơ sở	61
Bảng 5.4. Kết quả phân tích chất lượng không khí tại cơ sở.....	62
Bảng 6.1. Chương trình giám sát môi trường định kỳ	63

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Quy trình hoạt động của trường học	9
Hình 1.2. Vị trí cơ sở với các đối tượng xung quanh.....	15
Hình 1.3. Khuôn viên cơ sở	18
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở	20
Hình 3.2. Hệ thống thu gom nước mưa tại cơ sở.....	21
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải phát sinh tại cơ sở.....	23
Hình 3.4. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....	24
Hình 3.5. Quy trình công nghệ xử lý nước thải của cơ sở	25
Hình 3.6. Hệ thống xử lý nước thải hiện hữu tại cơ sở.....	31
Hình 3.7. Hình ảnh cây xanh đã bố trí cơ sở.....	33
Hình 3.8. Sơ đồ quản lý chất thải sinh hoạt tại cơ sở.....	36
Hình 3.9. Bố trí các thùng thu gom rác thải trong khuôn viên cơ sở.....	36
Hình 3.10. Sơ đồ quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại cơ sở.....	37
Hình 3.11. Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp tại cơ sở	38
Hình 3.12. Sơ đồ quản lý chất thải nguy hại tại cơ sở	39
Hình 3.13. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại cơ sở.....	40
Hình 3.14. Bố trí thiết bị PCCC tại cơ sở	43

Chương 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12

– Địa chỉ văn phòng: Số 592 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

– Đại diện pháp luật: Ông. Trần Nguyên Thục – Chức vụ: Hiệu Trưởng.

– Quyết định số 5921/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 ngày 20/11/2012.

– Quyết định số 2973/QĐ-GDĐT-TC của Sở Giáo dục và Đào tạo - Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/11/2019 về việc bổ nhiệm công chức quản lý.

1.2. Tên cơ sở

TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12 – CƠ SỞ 1

– Địa điểm thực hiện cơ sở: Số 592 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

– Quyết định xác lập quyền sở hữu nhà của nhà nước số 72101/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 ngày 06/08/1996, mục đích sử dụng đất: cơ sở giáo dục – đào tạo.

– Quyết định thành lập trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 số 5921/QĐ – UBND ngày 20/11/2012.

– Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 309/GXN-UBND-TNMT ngày 17/01/2017 do UBND quận 12 cấp cho dự án: Xây dựng mở rộng cơ sở 1 trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12.

– Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1941/TD-PCCC do Cảnh sát PCCC Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2017 về Xây dựng mở rộng cơ sở 1 Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12.

– Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 434/TD-PCCC do Cảnh sát PCCC & CNCH cấp ngày 15/05/2019 về điều chỉnh thiết kế công trình Xây dựng mở rộng cơ sở 1 Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12.

– Giấy phép xả nước thải vào nguồn số 6314/GP-UBND-TNMT do UBND quận 12 cấp ngày 18/08/2020.

– Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng số 2017/TB-SXD-QLCLXD ngày 27/02/2020.

– Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 41/2023/HĐ-CTRS-TC giữa Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 và Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 12.

– Hợp đồng kinh tế về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 1572/HĐ.MTĐT-NH/23.4.VX ngày 03/01/2023 giữa Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 và Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

– Năm 2017, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp TP Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân quận 12 cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án: Xây dựng mở rộng cơ sở 1 Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 số 309/GXN-UBND-TNMT ngày 17/01/2017.

– Hiện tại, Cơ sở đang thực hiện các mục tiêu theo giấy xác nhận đã được phê duyệt. Do đó, Cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện lập giấy phép môi trường (theo khoản 2 điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020) với tên cơ sở “*Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12 – Cơ sở 1*”.

– Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): thuộc nhóm B (cơ sở có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng đến dưới 800 tỷ đồng). Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 194.549.000.000 VNĐ (*một trăm chín mươi tư tỷ năm trăm bốn mươi chín triệu đồng*).

– Cơ sở thuộc nhóm II, mục 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Tuy nhiên cơ sở đã được UBND Quận 12 cấp Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, theo đó theo khoản 2 điều 39 và khoản 4 điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 thì cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và thẩm quyền cấp giấy phép môi trường là UBND Quận 12. Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở được viết theo mẫu tại Phụ lục XII (mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III).

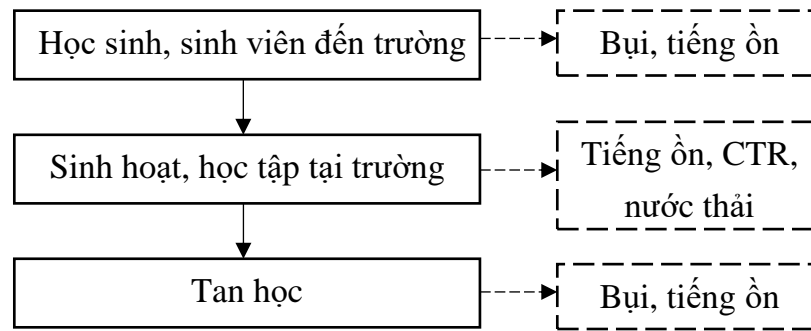
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

1.3.1 Công suất hoạt động của cơ sở

Cơ sở giáo dục: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 – Cơ sở 1.

1.3.2 Công nghệ hoạt động của cơ sở

Quy trình hoạt động của trường học như sau:



Hình 1.1. Quy trình hoạt động của trường học

❖ Thuyết minh quy trình:

Học sinh, sinh viên đến trường

Tùy theo từng giờ học, ca học của các lớp mà học sinh, sinh viên sẽ đến trường để tham gia học tập theo đúng lịch trình của mình. Vào giờ cao điểm sinh viên vào học và tan học như buổi sáng – buổi trưa – buổi chiều sẽ có lượng lớn xe tham gia hoạt động giao thông gần khu vực trường học, dẫn đến gia tăng lượng bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông. Quá trình này chỉ diễn ra trong thời ngắn nên lượng bụi, khí thải từ phương tiện giao thông phát sinh không đáng kể. Tuy nhiên, chủ cơ sở sẽ có biện pháp quản lý nội vi để hạn chế ô nhiễm khí thải này.

Sinh hoạt, học tập tại trường

Sau khi đến trường, các học sinh, sinh viên sẽ được tham gia sinh hoạt tại trường tùy theo từng ngành học, môn học của các sinh viên tại cơ sở bố trí phòng học và phương pháp giảng dạy thích hợp bao gồm học phần thực hành và học phần lý thuyết. Tại cơ sở có căn tin để phục vụ nhu cầu ăn uống cho sinh viên và cán bộ công nhân viên học tập sinh hoạt tại trường tuy nhiên, tại đây, không diễn ra hoạt động nấu nướng, tại căn tin chủ yếu phục vụ đồ ăn nhanh được chủ cơ sở nhập về từ các nguồn cung cấp bên ngoài. Quá trình học tập và sinh hoạt tại trường sẽ làm phát sinh tiếng ồn (chủ yếu do các lớp học thực hành về máy móc...) và nước thải, rác thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt. Tuy nhiên, chủ cơ sở sẽ có các biện pháp khống chế và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tan học

Sau khi kết thúc tiết học, ca học sinh viên sẽ tan học. Cũng giống như hoạt động đến trường, khi sinh viên tan học sẽ gia tăng lượng bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông. Quá trình này chỉ diễn ra trong thời gian ngắn nên lượng bụi, khí thải từ phương tiện giao thông phát sinh không đáng kể. Tuy nhiên, chủ cơ sở sẽ có biện pháp quản lý nội vi để hạn chế ô nhiễm khí thải này.

1.3.3 Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở giáo dục: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 – Cơ sở 1.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1 Nguyên, nhiên liệu sử dụng

Nhu cầu nguyên, nhiên liệu sử dụng tại cơ sở được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu phục vụ tại cơ sở

ST T	Nguyên, nhiên liệu, hóa chất	Đơn vị	Số liệu	Ghi chú
I	Nguyên, vật liệu chính trong hoạt động giảng dạy			
1	Giấy	Kg/tháng	150	Hoạt động văn phòng, giảng dạy
2	Mực in văn phòng	Kg/tháng	10	
3	Văn phòng phẩm (bút, bìa, bảng tên..)	Bộ/tháng	120	
II	Nguyên, vật liệu cho hoạt động của căn tin			
1	Đồ uống, nước giải khát các loại	Thùng/tuần	50	Hoạt động của căn tin
2	Đồ ăn vặt, bánh mì ngọt	Cái/tuần	1.200	
3	Suất ăn chế biến sẵn	Phần/ngày	200	
4	Trái cây	Kg/ngày	20	
5	Khăn giấy, khăn lạnh	Gói/tuần	200	
III	Nguyên, nhiên, vật liệu trong quá trình sinh hoạt			
1	Nhu cầu sử dụng nước	m ³ /ngày	14,38	
2	Nhu cầu điện	kWh/tháng	12.028,5	
3	Chlorine	kg/ngày	0,5	Xử lý nước thải
4	Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sử dụng cho chăm sóc cây xanh	kg/năm	15	Chăm sóc cây xanh
5	Dầu DO	Lít/tháng	120	Chạy máy phát điện, máy móc
6	Dung dịch vệ sinh, nước lau sàn	Lít/tháng	100	Vệ sinh sàn, nhà vệ sinh

Nguồn: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 – Cơ sở 1

1.4.2 Nhu cầu sử dụng điện

Cơ sở sử dụng nguồn điện của Chi nhánh tổng công ty điện lực TP Hồ Chí Minh TNHH – Công ty Điện lực An Phú Đông.

Điện được sử dụng chủ yếu chạy thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động dạy và học và các thiết bị thắp sáng trong khuôn viên nhà trường.

Nhu cầu sử dụng điện hiện tại của cơ sở theo số liệu thống kê tiền điện 3 tháng liền kề được thể hiện như sau:

Bảng 1.2. Nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở

Tháng 04/2023 (kwh/tháng)	Tháng 05/2023 (kwh/tháng)	Tháng 06/2023 (kwh/tháng)	Trung bình (kwh/tháng)
13.436,5	11.504	11.145	12.028,5

Nguồn: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 – Cơ sở 1

1.4.3 Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước sử dụng tại cơ sở được cấp từ Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. Nhu cầu sử dụng nước hiện tại của cơ sở theo số liệu thống kê tiền nước 3 tháng liền kề được thể hiện như sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở

Tháng 03/2023 (m ³ /tháng)	Tháng 04/2023 (m ³ /tháng)	Tháng 05/2023 (m ³ /tháng)	Trung bình (m ³ /tháng)
433	503	359	431,67

Nguồn: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 – Cơ sở 1

Tại cơ sở chỉ cấp nước cho hoạt động sinh hoạt, hoạt động của căn tin (căn tin không nấu ăn nên chỉ có sử dụng nước để vệ sinh dụng cụ ăn uống ly tách, bàn ghế) và nước tưới cây rửa đường do đó chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt. Lượng nước cấp cho tưới cây, rửa đường chiếm tối thiểu 8% lượng nước sinh hoạt (theo mục 2.10 QCVN 01:2021/BXD), theo thống kê hóa đơn sử dụng nước tại cơ sở đã nêu ở bảng 1.3, nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở được thể hiện như sau:

Bảng 1.4. Lượng nước sử dụng và lượng nước thải phát sinh tại cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Định mức	Xả thải	Lượng nước cấp sử dụng nhiều nhất trong ngày (m ³ /ngày)	Lượng nước thải phát sinh nhiều nhất (m ³ /ngày)
1	Nước sử dụng sinh hoạt	Tại cơ sở có 1.260 sinh viên, 95 giáo viên, và 43 cán bộ - công nhân viên.	Xả thải hoàn toàn hằng ngày	14,45	14,45
2	Nước sử dụng	Nhu cầu thực tế	Xả thải hoàn toàn	1,0	1,0

STT	Mục đích sử dụng	Định mức	Xả thải	Lượng nước cấp sử dụng nhiều nhất trong ngày (m ³ /ngày)	Lượng nước thải phát sinh nhiều nhất (m ³ /ngày)
	cho căn tin		hằng ngày		
3	Nước tưới cây	Lượng nước cấp cho quá trình tưới cây khoảng 0,75 m ³ /lần	0	0,75	0
4	Nước rửa đường	Lượng nước cấp cho quá trình rửa đường khoảng 0,4 m ³ /lần	0	0,4	0
Tổng (m³/ngày)				16,6	15,45

Nguồn: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 – Cơ sở 1

Lượng nước dự kiến cho hoạt động phòng cháy chữa cháy (PCCC)

Lưu lượng nước cấp cho một đám cháy phải đảm bảo ≥ 20 l/s; số lượng đám cháy đồng thời cần được tính toán ≥ 2 (theo QCVN 06:2020/BXD).

Tính lượng nước cấp chữa cháy cho 3 đám cháy đồng thời xảy ra trong thời gian 40 phút là:

$$Q_{cc} = 20 \text{ lít/giây} \cdot \text{đám cháy} \times 2 \text{ đám cháy} \times 20 \text{ phút} \times 60 \text{ giây/1.000} = 48 \text{ m}^3$$

Phương án cấp nước chữa cháy: Cơ sở đã bố trí bể chứa nước chữa cháy với thể tích 60 m³ đảm bảo cho quá trình chữa cháy khi có đám cháy xảy ra, đảm bảo lượng nước chữa cháy đủ cung cấp trong 3 giờ đầu khi có đám cháy xảy ra.

Cơ sở đã được Cảnh sát PCCC Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 1941/TD-PCCC do ngày 14/02/2017 và Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 434/TD-PCCC do Cảnh sát PCCC & CNCH cấp ngày 15/05/2019.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1 Danh mục máy móc, thiết bị tại cơ sở

Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng	Năm sản xuất
I	Máy móc, thiết bị đối với hoạt động giảng dạy				
1	Đồ dùng				
1.1	Bàn giảng viên	Cái	25	Sử dụng tốt	2018
1.2	Ghế giảng viên	Cái	25	Sử dụng tốt	2018
1.3	Bàn sinh viên	Cái	900	Sử dụng tốt	2018
1.4	Ghế sinh viên	Cái	1.800	Sử dụng tốt	2018
1.5	Bàn máy tính	Cái	100	Sử dụng tốt	2018
1.6	Tivi	Cái	30	Sử dụng tốt	2018
1.7	Bảng	Cái	30	Sử dụng tốt	2018
1.8	Quạt	Cái	120	Sử dụng tốt	2018
2	Thiết bị dạy học				
2.1	Máy chiếu	Cái	30	Sử dụng tốt	2018
2.2	Máy tính	Cái	70	Sử dụng tốt	2018
2.3	Phương tiện kết nối mạng máy tính	Cái	20	Sử dụng tốt	2018
2.4	Tai nghe	Cái	40	Sử dụng tốt	2018
2.5	Máy in	Cái	5	Sử dụng tốt	2018
II	Máy móc thiết bị đối với hoạt động của cơ sở				
1	Hệ thống PCCC	Hệ thống	1	Sử dụng tốt	2018
2	Hệ thống liên lạc	Hệ thống	1	Sử dụng tốt	2018
3	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	1	Sử dụng tốt	2019
3.1	Bơm nước thải	Cái	6	Sử dụng tốt	2019
3.2	Bơm bùn	Cái	2	Sử dụng tốt	2019
3.3	Bơm định lượng	Cái	1	Sử dụng tốt	2019
3.4	Đồng hồ lưu lượng	Cái	1	Sử dụng tốt	2019
3.5	Máy thổi khí	Cái	2	Sử dụng tốt	2019
3.6	Tủ điện	Cái	1	Sử dụng tốt	2019
4	Thùng chứa CTSH	Cái	30	Sử dụng tốt	2018
5	Thùng chứa CTNH	Cái	6	Sử dụng tốt	2018
6	Thùng chứa CTTT	Cái	6	Sử dụng tốt	2018
7	Máy phát điện	Cái	1	Sử dụng tốt	2018
8	Hộp dụng cụ sơ cứu	Bộ	1	Sử dụng tốt	2018

Nguồn: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 – Cơ sở 1

1.5.2 Vị trí địa lý của cơ sở

Cơ sở “Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12 – Cơ sở 1” được thực hiện tại địa chỉ số 592 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

- Phía Bắc giáp: đất nhà dân.
- Phía Nam giáp: đất nhà dân.
- Phía Tây giáp: đường Nguyễn Ảnh Thủ
- Phía Đông giáp: đường Nguyễn Thành Vĩnh

Tọa độ địa lý giới hạn khu đất cơ sở (VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiều 3^o), xem bảng sau:

Bảng 1.6. Bảng tọa độ địa lý giới hạn của cơ sở

ĐIỂM	X(m)	Y(m)
1	1201035	0593832
2	1201015	0593865
3	1201015	0593870
4	1200990	0593911
5	1201001	0593920
6	1200971	0593970
7	1200927	0593943
8	1200961	0593893
9	1200959	0593893
10	1200990	0593846
11	1200988	0593845
12	1201008	0593815

Nguồn: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 – Cơ sở 1



Hình 1.2. Vị trí cơ sở với các đối tượng xung quanh

1.5.3 Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở “Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12 – Cơ sở 1” được thực hiện tại địa chỉ số 592 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh. Tại địa điểm của cơ sở đã được nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng theo thông báo số 2017/TB-SXD-QLCLXD ngày 27/02/2020, các hạng mục công trình tại cơ sở được thể hiện như sau:

Bảng 1.7. Các hạng mục công trình tại cơ sở

STT	Nội dung	Diện tích xây dựng (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	Hạng mục công trình chính			
1	Khu hành chính, phòng học	1.804,4	29,57	
1.1	Tầng 1 (tầng trệt)	1.804,4	--	
1.2	Tầng 2 (lầu 1)	1.804,4	--	
1.3	Tầng 3 (lầu 2)	1.804,4	--	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Nội dung		Diện tích xây dựng (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1.4	Tầng 4 (lầu 3)		1.804,4	--	
1.5	Tầng 5 (lầu 4)		1.804,4	--	
2	Khu văn phòng tuyển sinh		80	1,31	
II	Hạng mục công trình phụ trợ				
1	Nhà bảo vệ		13	0,21	
2	Cột cờ		2	0,03	
3	Mái che nhà xe		335,5	5,50	
4	Trạm điện		--	--	Dưới mái che nhà xe
5	Máy phát điện		--	--	
6	Bể nước PCCC		60	--	Xây dựng ngầm
7	Bể nước ngầm sinh hoạt		70	--	Xây dựng ngầm
8	Căn tin		40	0,65	
9	Sân bãi, đường nội bộ		2.574,1	42,18	
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường				
1	Cây xanh		1.220,5	20,00	
2	Nhà vệ sinh	Khối nhà hành chính	--	--	06 khu nhà vệ sinh bố trí bên trong khối nhà hành chính
		Khối phòng học thực hành	--	--	03 khu nhà vệ sinh bố trí trong khối phòng học thực hành
		Khối phòng học thực hành (phía sau khối phòng học)	--	--	05 khu nhà vệ sinh bố trí trong khối phòng học thực hành (phía sau khối phòng học)
3	Khu vực tập kết chất thải sinh hoạt		5	0,082	
4	Khu vực lưu trữ chất thải thông thường		5	0,082	
5	Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại		3	0,05	
6	Khu vực xử lý nước thải		20	0,33	
Tổng cộng			6.102,5	100,0	

Nguồn: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 – Cơ sở 1

Ghi chú: Tại cơ sở có căn tin để phục vụ nhu cầu ăn uống cho sinh viên và cán bộ công nhân viên học tập sinh hoạt tại trường. Tuy nhiên, tại đây, không diễn ra hoạt

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

động nấu nướng, tại căn tin chủ yếu phục vụ đồ ăn nhanh được chủ cơ sở nhập về từ các nguồn cung cấp bên ngoài.

Đồng thời, tại cơ sở đã xây dựng 01 bể nước PCCC với thể tích 60m³ đảm bảo cung cấp nước cho PCCC khi có hỏa hoạn xảy ra.

Hình ảnh tại cơ sở:





Hình 1.3. Khuôn viên cơ sở

**Chương 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG
CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

Nội dung này hoàn toàn không thay đổi so với Bản đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại số 309/GXN-UBND-TNMT ngày 17/01/2017 của UBND quận 12, do đó báo cáo không thực hiện nội dung này.

Chương 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1 Thu gom, thoát nước mưa

– *Thông số kỹ thuật:* Nước mưa trên mái công trình được thu gom bằng các máng xối, dẫn bằng ống nhựa RWP DN100 xuống mặt đất và chảy tràn vào các hố ga thu gom nước mưa. Các hố ga thu nước mưa nối với nhau bằng các đoạn ống RWP DN 300, DN400, DN500, độ dốc $i = 0,2-0,4\%$ (tùy đoạn) hòa chung với dòng nước mưa được thu gom dưới đất.

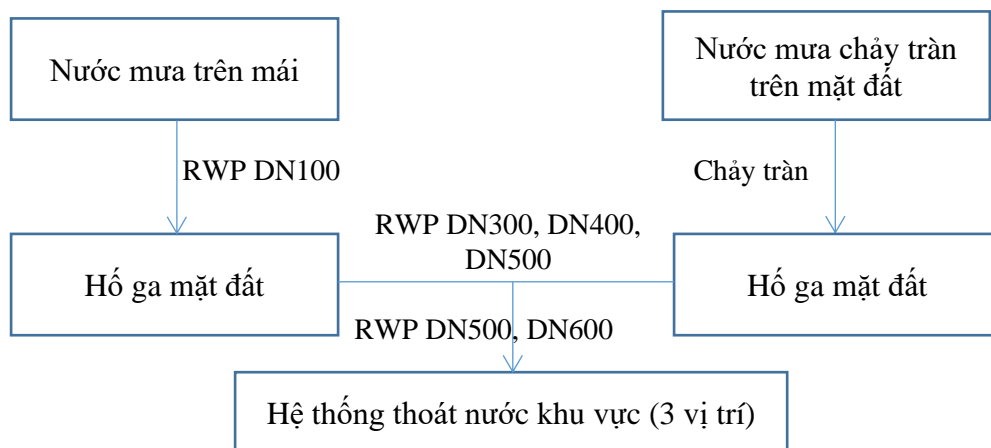
– *Thu gom, thoát nước mưa bề mặt:* Nước mưa trên bề mặt được thoát vào cống ven đường và các mương thu nước mưa có nắp đậy sau đó dẫn tới các hố ga để đổ vào đường ống thu gom RWP DN 300, DN400, DN500, độ dốc $i = 0,2-0,4\%$ chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ. Toàn cơ sở có 22 hố ga thu gom nước mưa kích thước mỗi hố gom $L \times B \times H = 1.2000 \times 1.200 \times 1.4000 \text{mm}$, tổng chiều dài tuyến ống thu gom khoảng 429m.

– *Số lượng:* 1 hệ thống.

– *Vị trí thoát nước mưa:* Toàn bộ lượng nước mưa phát sinh được thu gom và tự chảy ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước mưa chung của khu vực nằm trên đường Nguyễn Ảnh Thủ thông qua đường ống RWP D600, $i = 0,2\%$ và RWP D500, $i = 0,25\%$ tại 03 vị trí với tọa độ $X1 = 1201031$; $Y1 = 0593831$; $X2 = 1201024$; $Y2 = 0593827$; $X3 = 1201010$; $Y3 = 05838156$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

– *Sơ đồ minh họa:*

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa tại cơ sở được minh họa qua sơ đồ sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở



Hình 3.2. Hệ thống thu gom nước mưa tại cơ sở

3.1.2 Thu gom, thoát nước thải

– Công trình thu gom nước thải:

Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở với lưu lượng khoảng $14,45 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ được thu gom bằng các đường ống WP-DN200, $i=0,45-0,5\%$ với tổng chiều dài thiết kế là 268m, chi tiết các nguồn phát sinh và đường ống thu gom như sau:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 6 khu nhà vệ sinh bố trí bên trong khối nhà hành chính được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó được thu gom bằng ống WP-DN200, $i=0,45\%$, chiều dài 116m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $20\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 5 khu nhà vệ sinh bố trí bên trong khối phòng học thực hành (phía sau khối phòng học) được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó được thu gom bằng ống WP-DN200, $i=0,5\%$, chiều dài 120m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $20\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 3 khu nhà vệ sinh bố trí bên trong khối phòng học thực hành được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó được thu gom bằng ống WP-DN200, $i=0,5\%$, chiều dài 152m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $20\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh bố trí bên trong nhà bảo vệ được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó được thu gom bằng ống WP-DN200, $i=0,5\%$, chiều dài 5m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $20\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 5: Nước thải từ căn tin khoảng $1\text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom bằng ống WP-DN200, $i=0,5\%$, chiều dài 147m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $20\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở để tiếp tục xử lý.

– *Công trình thoát nước thải:*

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn và nước thải từ căn tin được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất $20\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, $K=1$. Nước thải sau xử lý sẽ tự chảy theo đường ống WP-DN200, $i=0,5\%$ vào hố ga giám sát nước thải của cơ sở, sau đó sẽ theo đường ống WP-DN200, $i=0,5\%$ với chiều dài 10m xả thải ra cống thoát nước chung của khu vực nằm trên đường Nguyễn Ảnh Thủ tại 01 điểm với tọa độ xả thải $X = 1201027$, $Y = 0593820$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^\circ45'$, múi chiếu 3°).

– *Điểm xả nước thải sau xử lý:*

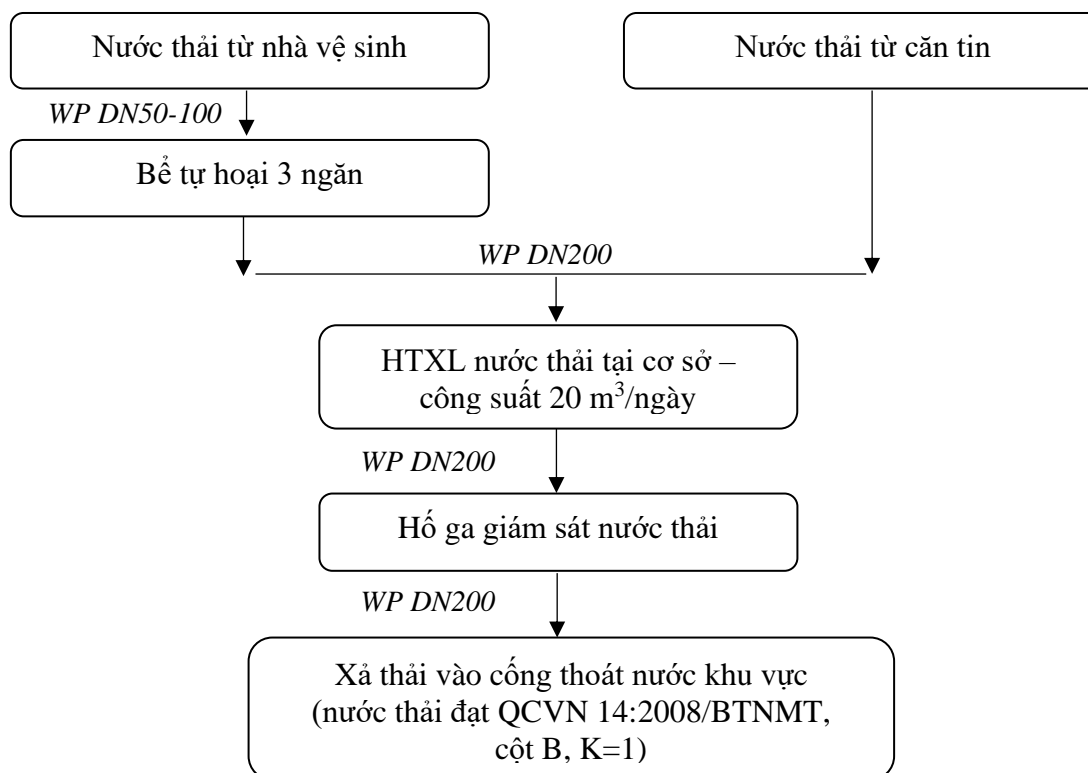
- Vị trí xả nước thải: Tại vị trí hố ga giám sát nước thải nằm ngoài hàng rào của cơ sở nằm trên đường Nguyễn Ảnh Thủ với tọa độ $X = 1201027$, $Y = 0593820$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^\circ45'$, múi chiếu 3°).

- Yêu cầu kỹ thuật: Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, $K=1$;

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Xả thải vào Cống thoát nước chung của khu vực.

– Sơ đồ minh họa:

Hệ thống thu gom và thoát nước thải tại cơ sở được minh họa qua sơ đồ sau:



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, thoát nước thải phát sinh tại cơ sở

3.1.3 Xử lý nước thải

a. Bể tự hoại 3 ngăn

❖ **Tên đơn vị thiết kế, thi công xây dựng:** Công TNHH Tư vấn Xây dựng CC.
Đại diện: Trương Ngọc Linh; Chức vụ: Giám đốc.

– **Chức năng:** Xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.

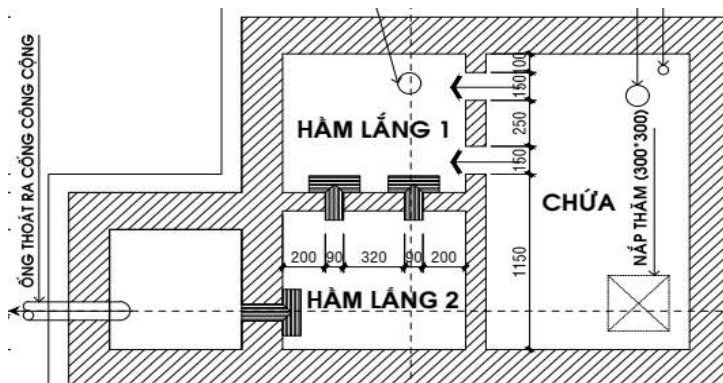
– **Công suất:** 4 bể tự hoại có tổng thể tích 61 m³/bể (02 bể thể tích 3m³/bể, kích thước 2,0x0,88x1,7m; 01 bể thể tích 25m³, kích thước 7,195x1,27x2,74m; 01 bể thể tích 30m³, kích thước 7,525x1,735x2,3m).

– **Quy trình bể tự hoại 3 ngăn:**

Bể tự hoại 3 ngăn có dạng hình chữ nhật, được xây bằng bê tông cốt thép, đáy bằng tấm đan. Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý của bể này theo chất lơ lửng đạt 65 - 70% và BOD₅ là 60 - 65%.

Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 6 tháng sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý.

Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba rồi dẫn qua 2 ngăn lắng và lọc trước khi chảy ra hồ ga thu gom nước thải, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của cơ sở để tiếp tục xử lý.



Hình 3.4. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

❖ Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải sinh hoạt

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật của 01 bể tự hoại

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước xây dựng L x B x H (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể tự hoại	2	2,0 x 0,88 x 1,7	6	BTCT
2		1	7,195 x 1,27 x 2,74	25	
3		1	7,525 x 1,735 x 2,3	30	
Tổng cộng				61	

- Chế độ vận hành: liên tục.
- Hóa chất sử dụng: không có.
- Định mức tiêu hao điện năng sử dụng: không có.
- Định mức tiêu hao hóa chất sử dụng: không có.
- Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn: Nước thải sau xử lý chảy về HTXL nước thải tập trung tại cơ sở tiếp tục xử lý.
- CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có): không có.

b. Hệ thống xử lý nước thải

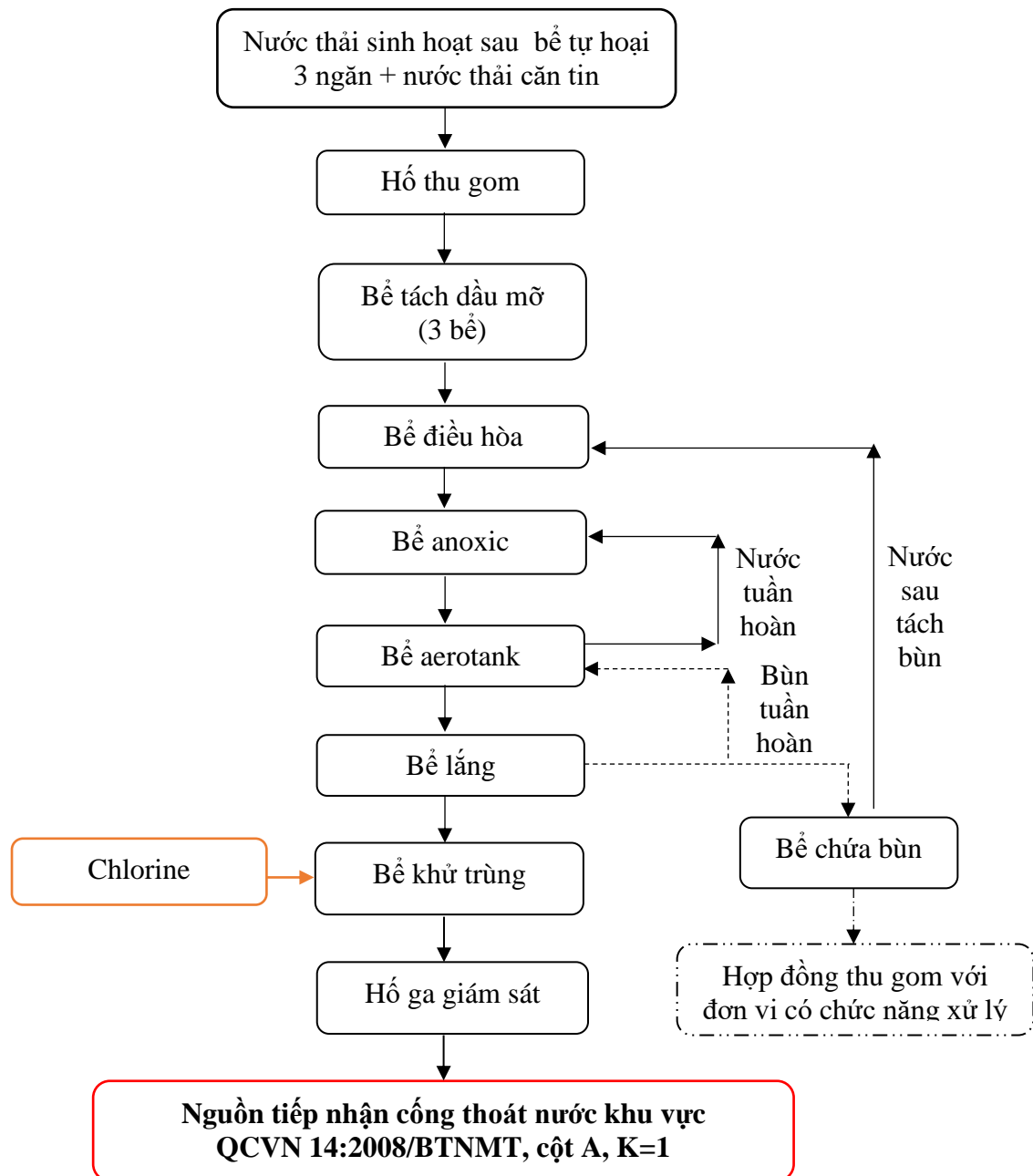
b.1. Quy mô, công suất, quy trình vận hành, hóa chất, chất xúc tác sử dụng của từng công trình xử lý nước thải đã xây dựng

❖ Tên đơn vị thiết kế, thi công xây dựng

- Tên đơn vị thi công: Công ty TNHH MTV Trung Thịnh Phong.
- Đại diện pháp luật: Ông. Trần Văn Trung; Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: 55/10 đường TA 11, KP3, P. Thới An, Quận 12, TP Hồ Chí Minh.

❖ Hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm

- Chức năng: Xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở.
- Công suất hệ thống: 20 m³/ngày.đêm.
- Công nghệ: xử lý sinh học.
- Quy trình công nghệ xử lý:



Hình 3.5. Quy trình công nghệ xử lý nước thải của cơ sở

❖ **Thuyết minh quy trình:**

Bể thu gom

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn và nước thải từ căn tin cùng được dẫn qua song chắn rác nhằm loại bỏ rác thô trước khi dẫn về hố thu gom.

Bể tách dầu mỡ

Nước thải được đưa từ hồ thu gom nước thải qua bể tách dầu mỡ. Ngăn đầu tiên và ngăn thứ 2 có bố trí các ống lọc dầu để tách dầu mỡ. Dầu mỡ có trong nước thải sẽ được thu vào các ống lọc này, định kỳ sẽ tiến hành thu gom và làm sạch đường ống, dầu mỡ được thu gom và xử lý như chất thải công nghiệp thông thường.

Bể điều hòa

Nước thải căn tin và nước thải sinh hoạt được thu gom chảy về bể điều hòa. Bể điều hòa có tác dụng điều hòa toàn bộ lưu lượng, nồng độ chất hữu cơ và nhiệt độ trong nước thải nhằm tránh gây hiện tượng quá tải vào các giờ cao điểm cũng như thời gian mà lượng nước gia tăng đột ngột. Trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống phân phối khí đáy bể. Hệ thống này có tác dụng đảo trộn nước thải, đồng nhất nồng độ nước thải tại mọi thời điểm. Mặt khác, lượng không khí được cấp vào bể nhằm hạn chế mùi hôi, thối phát sinh trong quá trình kỵ khí và đồng thời khử một phần chất hữu cơ (10%).

Bể anoxic

Từ bể điều hòa nước thải tự chảy sang bể anoxic, bể có nhiệm vụ khử BOD, nitrat hóa, khử NH_4^+ và khử NO_3^- thành N_2 , khử Phospho. Với việc lựa chọn bể bùn hoạt tính xử lý kết hợp đan xen giữa quá trình xử lý thiếu khí, hiếu khí sẽ tận dụng được lượng cacbon khi khử BOD, do đó không phải cấp thêm lượng cacbon từ ngoài vào khi cần khử NO_3^- , tiết kiệm được 50% lượng oxy khi nitrat hóa khử NH_4^+ do tận dụng được lượng oxy từ quá trình khử NO_3^- .

Bể aerotank

Nước thải sau khi xử lý từ bể Anoxic được chảy sang bể Aerotank, bể có nhiệm vụ xử lý các chất hữu cơ trong nước thải. Trong bể Aerotank diễn ra quá trình oxi hóa các chất hữu cơ hòa tan và dạng keo trong nước thải dưới sự tham gia của vi sinh vật hiếu khí. Trong bể Aerotank có hệ thống sục khí trên khắp diện tích bể nhằm cung cấp oxy, tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật hiếu khí sống, phát triển và phân giải các chất ô nhiễm. Vi sinh vật hiếu khí sẽ tiêu thụ các chất hữu cơ dạng keo và hòa tan có trong nước để sinh trưởng. Vi sinh vật phát triển thành quần thể dạng bông bùn dễ lắng gọi là bùn hoạt tính. Khi vi sinh vật phát triển mạnh, sinh khối tăng tạo thành bùn hoạt tính. Hàm lượng bùn hoạt tính nên duy trì ở nồng độ khoảng 2500 – 4000 mg/l; Do đó, một phần bùn lắng tại bể lắng sẽ được bơm tuần hoàn trở lại vào bể Aerotank để đảm bảo nồng độ bùn nhất định trong bể.

Bể lắng

Nước thải sau xử lý sinh học có mang theo bùn hoạt tính cần phải loại bỏ, vì vậy bể lắng này có nhiệm vụ lắng và tách bùn hoạt tính ra khỏi nước thải. Nước thải được phân phối vào ống lắng trung tâm và đi theo hướng từ dưới lên. Dưới tác động của trọng lượng phần bùn sẽ được lắng xuống đáy bể; phần bùn lắng được ở đáy bể sẽ

bơm tuần hoàn lại bể sinh học nhằm đảm bảo hàm lượng bùn trong bể luôn ổn định; phần bùn dư sẽ được bơm về bể phân huỷ bùn để xử lý.

Phần bùn dư từ bể lắng sinh học sẽ được bơm về bể phân huỷ bùn. Tại bể phân huỷ bùn xảy ra quá trình phân huỷ bùn kỵ khí; bùn sẽ được tách nước, phần nước sau khi tách bùn sẽ chảy về hồ gom để xử lý. Phần bùn lắng sẽ được phân huỷ kỵ khí và định kỳ được hút bỏ.

Bể khử trùng

Phần nước sau khi qua bể lắng sẽ được bơm vào bể khử trùng. Tại đây, hóa chất khử trùng sẽ được cấp vào để mục đích tiêu diệt các vi trùng gây bệnh như E.Coli, Coliform,... có trong nước thải.

Quá trình chlor hóa diễn ra theo phản ứng tổng hợp như sau:



Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1, sẽ được dẫn ra hồ ga giám sát nằm ngoài hàng rào của cơ sở để đấu nối vào cống thoát nước thải chung của khu vực thông qua 1 điểm đấu nối nước thải nằm trên đường Nguyễn Ảnh Thủ với tọa độ X = 1201027, Y = 0593820 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°45; múi chiếu 3°).

Bể chứa bùn

Bể chứa bùn có nhiệm vụ giảm khối lượng của hỗn hợp bùn cặn bằng cách gạn 1 phần hay phần lớn lượng nước có trong hỗn hợp để giảm kích thước thiết bị xử lý đồng thời phân huỷ chúng thành các hợp chất hữu cơ ổn định và các hợp chất vô cơ để dễ dàng tách nước ra khỏi bùn cặn. Bùn thải định kỳ được đơn vị chức năng hút đi xử lý theo đúng quy định với tần suất 3 tháng/lần.

❖ Thông số kỹ thuật của HTXL nước thải

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Bể tách dầu 1	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH = 0,6m x 0,4m x 2,8m - Thời gian lưu: 05,-1 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
2	Bể tách dầu 2	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH = 0,597m x 0,4m x 2,8m - Thời gian lưu: 05,-1 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
3	Bể tách dầu 3	BỂ		- Kích thước: LxBxH = 0,597m x 0,4m x 2,8m - Thời gian lưu: 05,-1 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
4	Bể điều hòa	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH = 2,097m x 1,8m x 2,8m - Thời gian lưu: 8 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
5	Bể anoxic	BỂ	02	- Kích thước: LxBxH = 2,5m x 1,15m x 2,8m - Thời gian lưu: 6 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
6	Bể aerotank	BỂ	02	- Kích thước: LxBxH = 2,5m x 1,741m x 2,8m - Thời gian lưu: 10 -12 giờ. - Vật liệu: BTCT phủ composite mặt trong
7	Bể lắng sinh học	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH= 1,3m x 1,3m x 2,8m. - Thời gian lưu: 2 - 2,5 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
8	Bể khử trùng	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH= 1,197m x 0,688m x 2,8m. - Thời gian lưu: 0,3 - 0,5 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
9	Bể chứa bùn	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH= 1,197m x 0,609m x 2,8m. - Vật liệu: thép hợp khối

Bảng 3.3. Thông số, nguyên tắc hoạt động của các thiết bị công nghệ

Stt	Tên máy	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Chế độ hoạt động	
				Tay	Tự động
01	Bơm nước thải bể tách mỡ	02	Bơm chìm Lưu lượng: 9 m ³ /h Cột áp: 6 m H ₂ O Điện áp: 220v/50Hz	Man/Auto	Chạy theo phao mực nước bể tách mỡ
02	Bơm nước thải bể điều hòa	02	Bơm chìm Lưu lượng: 3 m ³ /h Cột áp: 6 m H ₂ O Công suất: 0.37 kW Điện áp: 220v/50Hz	Man/Auto	Chạy theo phao mực nước bể tách mỡ
03	Bơm tuần hoàn nước từ bể	02	Bơm chìm Lưu lượng: 3 m ³ /h Áp suất: 6 mH ₂ O	Man/Auto	Chạy tự động theo timer

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Stt	Tên máy	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Chế độ hoạt động	
				Tay	Tự động
	Aerotank về bể Anoxic		Công suất: 0.37 kW Điện áp: 220v/50Hz		
04	Bơm bùn bể lắng	04	Bơm chìm Lưu lượng: 3m ³ /h Cột áp: 6 m H ₂ O Công suất: 0.37 kW Điện áp: 220v/50Hz	Man/Auto	Chạy tự động theo timer
05	Bơm định lượng Chlorine	02	Loại: bơm màng (Teflon) Đầu bơm: polypropylen Lưu lượng 0- 30 lít/h Cột áp 2 bar Vật liệu đầu bơm PP Công suất 0.045kW, 380V/50Hz.	Man/Auto	Chạy tự động theo timer
06	Máy thổi khí	02	Lưu lượng: 1m ³ /phút Cột áp: 450mmAq Công suất motor: 2 HP Điện áp: 380v/50Hz	Man/Auto	Chạy tự động theo timer
07	Đĩa phân phối khí bể anoxic (Đức)	01	Lưu lượng 80-140 m ³ /phút Đường kính DN 270mm, màng EPDM Đầu nối ren: RN 27mm Vật liệu màng khuếch tán: EPDM		Hoạt động khi máy thổi khí chạy. Điều chỉnh bởi van phân phối khí.

– Chế độ vận hành: Liên tục.

– Hóa chất sử dụng: Clorine.

– Định mức tiêu hao điện năng sử dụng:

$$2.000 \text{ VNĐ/kW} \times 20 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \times 5\text{kW/m}^3 = 200.000 \text{ VNĐ/ngày.đêm.}$$

– Định mức tiêu hao hóa chất sử dụng:

$$\text{Chlorine: } 40.000 \text{ VNĐ/kg} \times 0,5 \text{ kg/ngày} = 20.000 \text{ VNĐ/ngày.}$$

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1.
- CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý nước thải đồng bộ, hợp khối (nếu có): Không có.

❖ Hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải

Để đánh giá hiệu quả xử lý nước thải tại cơ sở, cơ sở đã thực hiện quan trắc nước thải sau hệ thống xử lý tại cơ sở.

- Vị trí lấy mẫu

Bảng 3.4. Vị trí lấy mẫu nước thải tại cơ sở

STT	Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu
1	NT01	Hố ga sau HTXL nước thải	05/07/2021
2	NT02		07/12/2021
3	NT03		02/06/2022
4	NT04		16/11/2022

- Kết quả phân tích:

Bảng 3.5. Kết quả phân tích chất lượng nước thải tại cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B, K=1
			NT01	NT02	NT03	NT04	
1	pH	-	6,81	7,08	6,08	6,12	5 - 9
2	TSS		17	14	11	15	100
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	58	56	21	23	50
4	COD	mg/L	29	30	48	46	--
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	14,3	14,2	3,52	3,2	10
6	Nitrat NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	3,6	3,2	14,1	12,8	50
7	phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	3,9	3,4	4,63	2,6	10
8	Coliform	MPN/100mL	4.600	4.300	2.700	2.400	5.000

Nhận xét:

Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau HTXL nước thải tại cơ sở cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1.



Hình 3.6. Hệ thống xử lý nước thải hiện hữu tại cơ sở

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí phát sinh từ hoạt động giao thông

Sự tham gia của các phương tiện giao thông trong giai đoạn cơ sở hoạt động là không thể tránh khỏi. Tại các thời gian cao điểm, lượng phương tiện giao thông ra vào cơ sở sẽ tăng lên rất nhiều, do đó bụi và khí thải phát sinh cũng tăng lên. Vì vậy, để

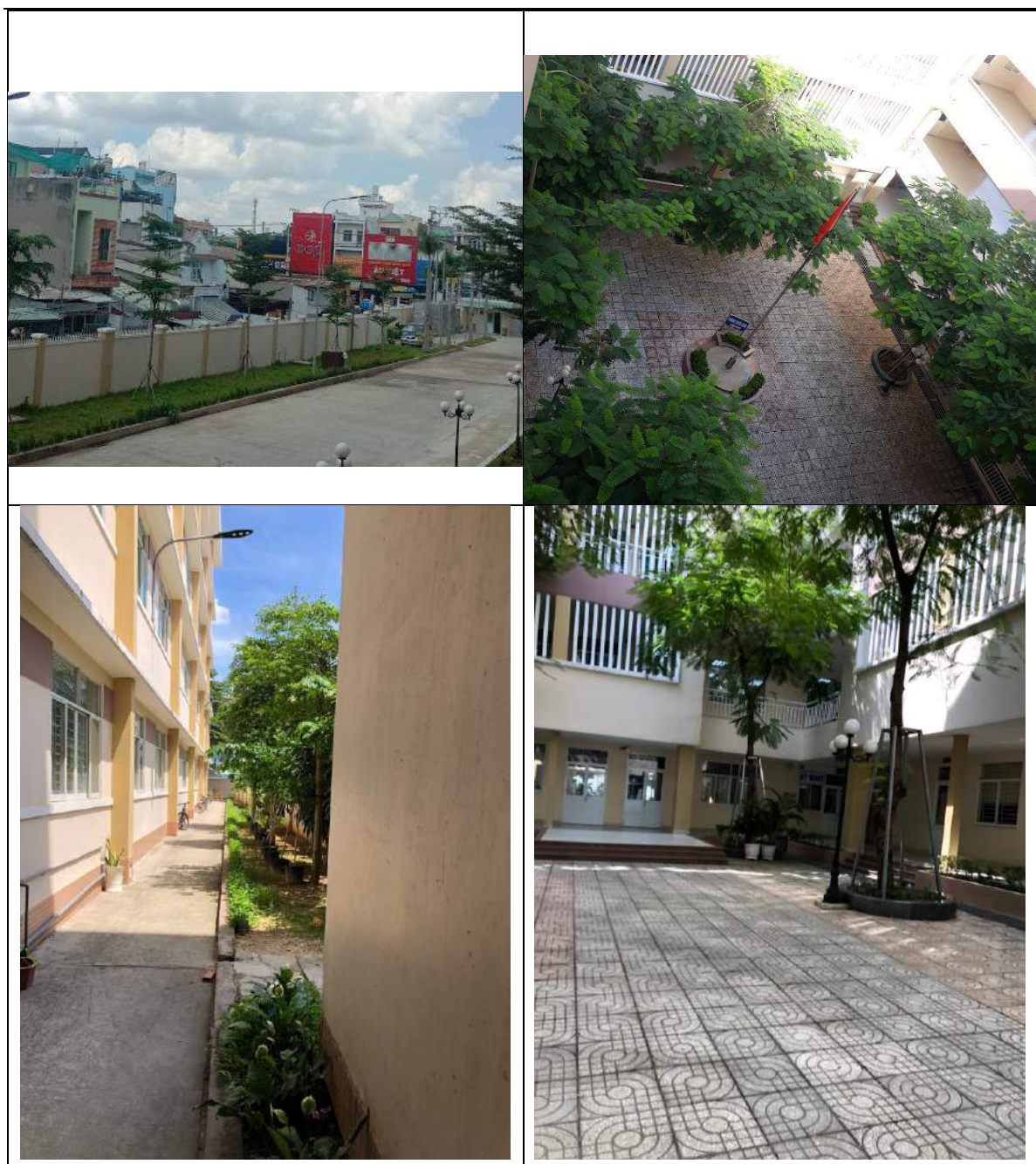
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

hạn chế bụi và khí thải giao thông tại khu vực cơ sở, chủ cơ sở đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện một số biện pháp sau:

- Cơ sở đã tiến hành bê tông hóa tất cả tuyến đường nội bộ thuộc khuôn viên của cơ sở.
- Lắp đặt các biển báo quy định về dừng đỗ xe trước cổng cơ sở, đặc biệt là vào các thời gian cao điểm tránh gây ùn tắc giao thông đoạn qua cơ sở.
- Nghiêm cấm các hành vi điều khiển phương tiện giao thông vào khu vực khuôn viên sân trường, có các quy định rõ ràng như vị trí đỗ xe, tắt máy trong khuôn viên...để giảm thiểu lượng phát sinh khí thải trong khu vực cơ sở.
- Bố trí trồng cây xanh dọc các tuyến đường trong khu vực cơ sở nhằm giảm thiểu bụi, tăng mỹ quan cho cơ sở, cải thiện vi khí hậu và giảm thiểu tiếng ồn.

❖ Hình ảnh cây xanh đã bố trí tại cơ sở:





Hình 3.7. Hình ảnh cây xanh đã bố trí cơ sở

3.2.2. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi khu vực chứa rác, hệ thống xử lý nước thải, hố ga thoát nước

Mùi phát sinh sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và hoạt động sinh hoạt của học, sinh viên, giáo viên và cán bộ công nhân viên trong cơ sở, mùi chủ yếu phát sinh từ hệ thống thoát nước thải, tại các hố ga thoát nước, tại trạm xử lý nước thải và các vị trí thùng rác, khu tập trung CTNH.

Để giảm thiểu tác động này đến môi trường và con người, chủ cơ sở đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau:

- Tại các vị trí hố ga nước thải: các hố ga có nắp đậy, khi có dấu hiệu hư hỏng cần phải được sửa chữa hoặc thay thế mới.

– Các hồ ga được nạo vét thường xuyên tránh tình trạng bùn lắng đọng lên men kỵ khí gây ra mùi.

– Vị trí hệ thống xử lý nước thải được bố trí cách xa khu hành chính và khối phòng học, đồng thời bố trí nhiều cây xanh quanh khu vực trạm xử lý nước thải.

– Hệ thống xử lý nước thải được vận hành liên tục và ổn định để hạn chế phát sinh mùi.

– Chủ cơ sở sẽ thường xuyên kiểm tra tình trạng của các bể xử lý và sử dụng chế phẩm sinh học khử mùi nước thải để hạn chế tối đa mùi hôi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải.

– Tại các thùng rác quanh khuôn viên trường học bố trí các thùng rác có nắp đậy, bố trí người thu gom thường xuyên, không để thời gian lâu gây bốc mùi.

– Tại khu chứa CTNH được chủ cơ sở bố trí người thường xuyên quét dọn.

– Đối với rác thải sinh hoạt, Chủ cơ sở thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp quản lý chặt chẽ từ quá trình thu gom, lưu chứa và vận chuyển, xử lý rác ngay trong ngày, tránh tình trạng ứ đọng rác thải lâu ngày. Quá trình lưu chứa rác thải tại khu vực chứa, Chủ cơ sở đã đang và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau:

+ Ngăn cách khu vực chứa rác với các khu vực lân cận.

+ Sử dụng các chế phẩm sinh học để hạn chế mùi phát sinh từ rác thải.

– Bố trí thời gian thu gom rác hợp lý, tránh các trường hợp thu gom cùng giờ đến trường hay giờ tan học.

3.2.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí từ máy phát điện

Tại cơ sở có bố trí 1 máy phát điện dự phòng công suất 100KVA, hoạt động của máy phát điện sẽ phát sinh khí thải. Để đảm bảo chất lượng môi trường tại khu vực này, Chủ cơ sở đã, đang và sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp quản lý nội quy cụ thể như sau:

– Chỉ sử dụng máy phát điện trong trường hợp mất điện và chỉ dùng cho các hoạt động cấp thiết.

– Máy phát điện được đặt gần khu vực xử lý nước thải của cơ sở, đặt xa các dãy phục vụ giảng dạy và học tập của cơ sở.

– Cơ sở sử dụng dầu DO hàm lượng S = 0,05% để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát thải ra môi trường.

– Trồng cây xanh quanh khu vực để hạn chế tiếng ồn và khí thải từ máy phát điện.

– Ngoài ra máy phát điện đã được trang bị các phụ kiện đi kèm nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường như: vỏ cách âm làm đơn giản công tác lắp đặt, bảo vệ máy và đảm bảo độ ồn không quá 70 dBA.

– Máy phát điện được đặt trên móng bê tông gia cố chắc chắn hạn chế tác động của độ rung.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1 Chất thải sinh hoạt

– Cơ sở đã bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường có diện tích 5m².

– Công trình xử lý chất thải sinh hoạt:

+ *Chức năng*: Lưu giữ, quản lý chất thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng do hoạt động của học sinh, sinh viên, giáo viên và cán bộ công nhân viên.

+ *Quy mô*:

Với lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình của mỗi người là 0,5 kg/người.ngày thì tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở ước tính khoảng 942,5 kg/ngày (tương ứng với 1.885 người).

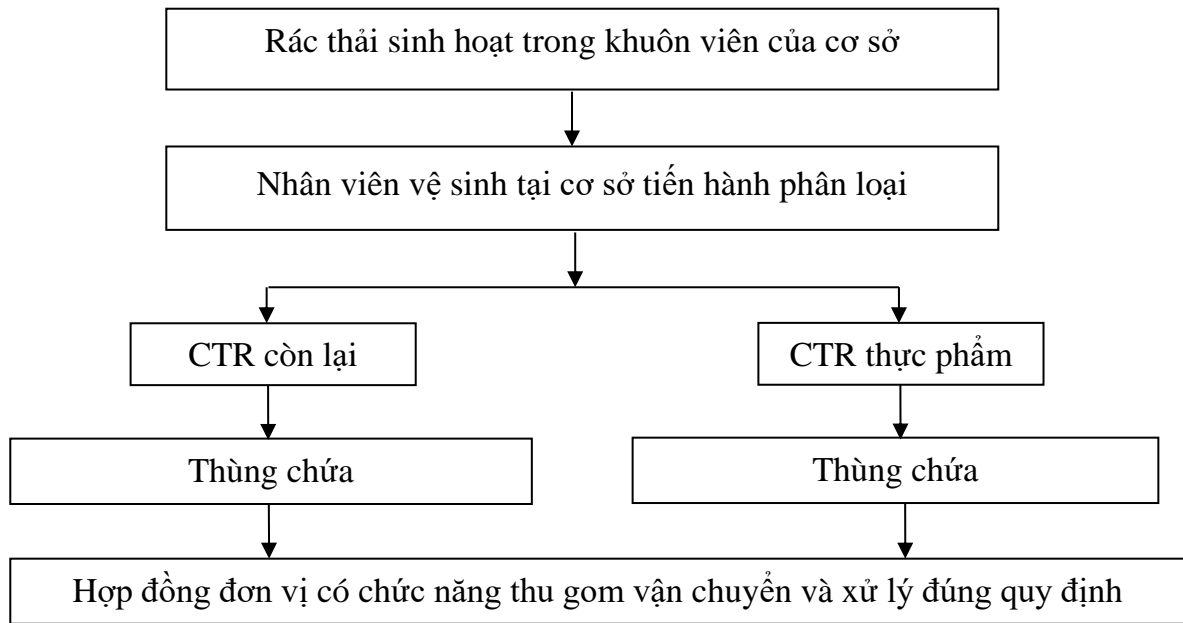
Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn hoạt động là 942,5 kg/ngày, với khối lượng riêng của rác thải sinh hoạt khoảng 300 kg/m³, hệ số đầy của thùng 0,85.

$$\frac{942,5\text{kg}}{0,85 \times 300 \text{ kg/m}^3} = 3,7\text{m}^3 = 3.700\text{lít}$$

Chủ cơ sở đã bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy, chất liệu nhựa PVC dung tích 240 lít dọc các tuyến đường trong khuôn viên cơ sở, đồng thời bố trí các thùng rác PVC có nắp đậy dung tích 20 lít, 50 lít trong các khu nhà vệ sinh và dọc theo các hành lang ở mỗi tầng.

+ *Công nghệ xử lý*: Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt số 41/2023/HĐ-CTRSH-TC giữa trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 và Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận 12, tần suất thu gom 2 lần/tuần.

+ *Quy trình vận hành*: Chất thải sinh hoạt phát sinh hằng ngày tại cơ sở được thu gom và phân loại lưu chứa tạm trong các thùng chứa tạm tại nhà vệ sinh, văn phòng, định kỳ cách 1-2 tiếng (tùy thuộc vào thời điểm sinh viên đến trường), công nhân vệ sinh sẽ thu gom, phân loại và đưa về khu chứa chất thải sinh hoạt tập trung của công ty, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định. Với quy trình quản lý, vận hành chất thải sinh hoạt tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:



Hình 3.8. Sơ đồ quản lý chất thải sinh hoạt tại cơ sở



Hình 3.9. Bố trí các thùng thu gom rác thải trong khuôn viên cơ sở

3.3.2 Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Cơ sở đã bố trí khu vực tập kết chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường có diện tích 5m².
- Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:
 - + Chức năng: Lưu giữ, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở.
 - + Quy mô:

++ Nhóm chất thải và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở được ước tính qua bảng sau:

Bảng 3.6. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

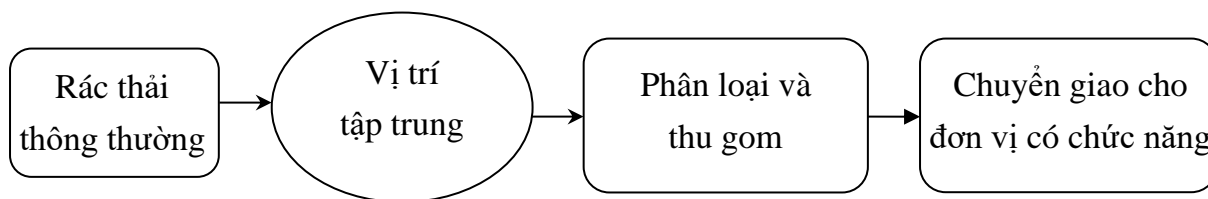
TT	Tên chất thải	Công đoạn phát sinh	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)
1	Thùng carton thải không dính hóa chất, các thành phần nguy hại	Hoạt động văn phòng, nhập nguyên liệu	20
2	Bao nylon, bao bì thải không dính các thành phần nguy hại		30
3	Giấy văn phòng thải		100
4	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Xử lý nước thải	112,8
Tổng cộng			248,47

Nguồn: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 – Cơ sở 1

- Bố trí các thùng rác PVC loại 120 lít tại khu vực tập kết chất thải rắn công nghiệp thông thường. Rác thải công nghiệp phát sinh tại cơ sở chủ yếu là giấy, thùng carton, chủ cơ sở sẽ thu gom và chuyển giao cho các đơn vị thu mua phế liệu, các loại rác thải khác sẽ được lưu trữ và bàn giao cho đơn vị thu gom và xử lý có chức năng.

+ Công nghệ xử lý: Hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng xử lý theo quy định.

+ Quy trình vận hành: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hằng ngày tại cơ sở được thu gom và phân loại cuối mỗi ngày và đưa về khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, định kỳ cơ sở chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định. Với quy trình quản lý, vận hành chất thải rắn công nghiệp thông thường tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:



Hình 3.10. Sơ đồ quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tại cơ sở



Hình 3.11. Khu vực tập kết rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp tại cơ sở

3.4. Chất thải nguy hại

– Cơ sở đã bố trí công trình lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường có diện tích 3 m², chiều cao công trình H = 3m có mái che, gờ chống tràn và dán nhãn cảnh báo đúng theo quy định.

– Công trình xử lý chất thải nguy hại:

+ Chức năng: Lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.

+ Quy mô:

Nhóm chất thải nguy hại và khối lượng phát sinh được ước tính qua bảng sau:

Bảng 3.7. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	70	16 01 06
2	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	35	17 02 03
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	120	18 01 03
6	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) (phòng y tế)	Rắn	20	13 01 01
Tổng cộng			305	

Nguồn: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 – Cơ sở 1

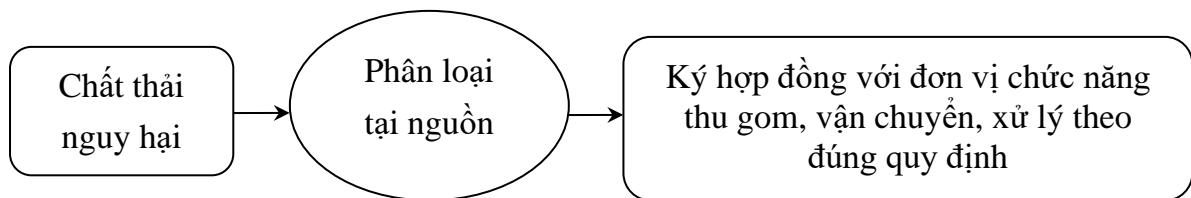
– Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa PVC có nắp đậy loại 120 lít màu vàng có dán nhãn mã số CTNH và các bao PP chống thấm trong khu vực chứa

chất thải nguy hại có diện tích 3 m², chiều cao công trình H = 3m. Cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý 6 tháng/lần → Do đó khu chứa chất thải nguy hại tại cơ sở đảm bảo đáp ứng lượng chất thải nguy hại phát sinh.

- **Thiết kế, cấu tạo:** Khu chứa chất thải nguy hại được thiết kế mái che, gờ chống tràn và dán nhãn cảnh báo đúng theo quy định. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

+ **Công nghệ xử lý:** Hợp đồng kinh tế về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 1572/HĐ.MTĐT-NH/23.4.VX ngày 03/01/2023 giữa Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 và Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

+ **Quy trình vận hành:** Chất thải nguy hại phát sinh hằng ngày tại cơ sở được thu gom và phân loại lưu chứa tạm trong các thùng chứa tạm tại cơ sở, được nhân viên vệ sinh đưa về nhà chứa chất thải nguy hại tập trung tại cơ sở; các chất thải nguy hại được phân loại, bảo quản theo chủng loại trong các thùng chứa, bao bì chuyên dùng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, bảo đảm không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định. Với quy trình quản lý, vận hành chất thải nguy hại tại cơ sở theo đúng quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể:



Hình 3.12. Sơ đồ quản lý chất thải nguy hại tại cơ sở



Hình 3.13. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại tại cơ sở

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có)

❖ Quy mô:

Tiếng ồn:

Nguồn ồn phát sinh do những nguyên nhân sau:

- + Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động học tập của một số lớp học thực hành.

- + Tiếng ồn từ hoạt động sinh hoạt của giáo viên, cán bộ công nhân viên và học sinh, sinh viên.
- + Tiếng ồn phát sinh từ của hệ thống xử lý nước thải.
- + Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- + Một số nguồn gây tiếng ồn đáng kể nữa là tiếng ồn từ phương tiện giao thông xe máy, xe tải ra vào khuôn viên cơ sở.

Độ rung:

Trong quá trình hoạt động của cơ sở độ rung chủ yếu phát sinh từ hoạt động của một số máy móc thiết bị và phương tiện giao thông.

❖ *Biện pháp giảm thiểu:*

Để hạn chế ảnh hưởng tới mức thấp nhất đến sức khỏe của giáo viên, cán bộ công nhân viên và học sinh, sinh viên trong cơ sở, chủ cơ sở đã đang và sẽ áp dụng các biện pháp sau nhằm khống chế tác động của nguồn ô nhiễm này:

- Trồng các dải cây xanh dọc các tuyến đường giao thông trong khu vực nhằm giảm thiểu tiếng ồn do giao thông mang lại.
- Hạn chế các xe máy, xe ô tô đi vào các tuyến đường nội bộ của trường học.
- Các máy móc thiết bị có độ ồn, rung cao như máy phát điện, máy bơm, máy thổi khí... được bố trí ở khu vực riêng biệt lắp trên các bệ bê tông hoặc lót đệm cao su để giảm độ rung và tiếng ồn phát tán ra xung quanh.
- Không đặt các máy móc này kế gần tường, tránh gây hiện tượng rung cộng hưởng.
- Đối với hoạt động học tập, giảng dạy:
 - + Âm thanh tạo ra từ lời nói ít nhất nên ở mức 15dB so với mức tiếng ồn nền của phòng.
 - + Mức độ tiếng ồn nền từ 30-40 dBA hoặc thấp hơn khi không có người.
 - + Mức âm thanh tổng thể (bao gồm giọng nói của giáo viên và giọng nói của học sinh) không lớn hơn 65-70dBA trong toàn phòng.
 - + Các vật liệu hấp thụ âm thanh được lắp đặt trong phòng để hạn chế tối đa thời gian âm vang, xuống mức thấp nhất. Và chúng cần phải hấp thụ ít nhất 40% âm thanh phản xạ trên trần nhà.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Biện pháp phòng chống cháy nổ

❖ *Quy mô:*

- Nguyên nhân:

Dùng điện quá tải: Khi sử dụng nhiều dụng cụ tiêu thụ điện khác nhau, điện phải cung cấp nhiều, cường độ của dây dẫn lên cao có thể gây hiện tượng quá tải.

Cháy do chập mạch: Chập mạch là hiện tượng các pha chập vào nhau, dây nóng chạm vào dây nguội, dây nóng chạm đất làm điện trở mạch ngoài rất nhỏ, dòng điện trong mạch tăng rất lớn làm cháy lớp cách điện của dây dẫn và làm cháy thiết bị điện.

Cháy do nối dây không tốt (lỏng, hở): ở mỗi nối lỏng, hở sẽ có hiện tượng phóng điện qua không khí. Hiện tượng tia lửa điện thường xuất hiện ở những vị trí có tiếp giáp không chặt như ở điểm nối dây, cầu chì, cầu dao, công tắc,... Tia lửa điện có nhiệt độ 1.500°C đến 2.000°C, điểm phát quang bị oxy hóa nhanh, thiết bị dễ bị hư hỏng. Các chất dễ cháy ở gần như xăng, dầu,... có thể bị cháy.

Cháy do tia lửa tĩnh điện: Tĩnh điện phát sinh ra do sự ma sát giữa các vật cách điện với nhau hoặc giữa các vật cách điện và vật dẫn điện, do va đập của các chất lỏng cách điện (xăng, dầu) hoặc va đập của chất lỏng cách điện với kim loại.

Cháy do sét đánh: Sự cố do sét đánh là một trường hợp tự nhiên, nguy cơ sẽ xảy ra vào mùa mưa và cũng là một nguồn hiểm họa vô cùng.

Do sự bất cẩn của các cán bộ, công nhân viên, giáo viên hay học sinh, sinh viên để lửa rơi vào khu vực dễ bắt cháy.

- Tác động: khi sự cố cháy nổ xảy ra sẽ ảnh hưởng, thiệt hại rất nhiều đến tài sản, tính mạng con người và gây ô nhiễm môi trường chẳng hạn như bụi, khói thải, nhiệt độ phát tán vào không khí gia tăng nguy cơ gây hiệu ứng nhà kính... Do vậy chủ cơ sở đã trang bị đầy đủ một số phương tiện PCCC như hệ thống báo cháy tự động, thiết bị PCCC cầm tay, bố trí các họng nước PCCC dọc theo các tuyến đường nội bộ nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xảy ra sự cố.

❖ *Công suất:* Không có.

❖ *Quy trình vận hành:*

Để phòng ngừa khả năng gây cháy nổ trong quá trình hoạt động của cơ sở, các biện pháp áp dụng bao gồm:

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, đảm bảo hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy chữa cháy;

- Lắp đặt các họng cứu hỏa theo tuyến đường nội bộ (bán kính cấp nước khoảng 150m);

- Bố trí hệ thống nước PCCC và hệ thống PCCC; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố và các quy định kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình vận hành cơ sở.

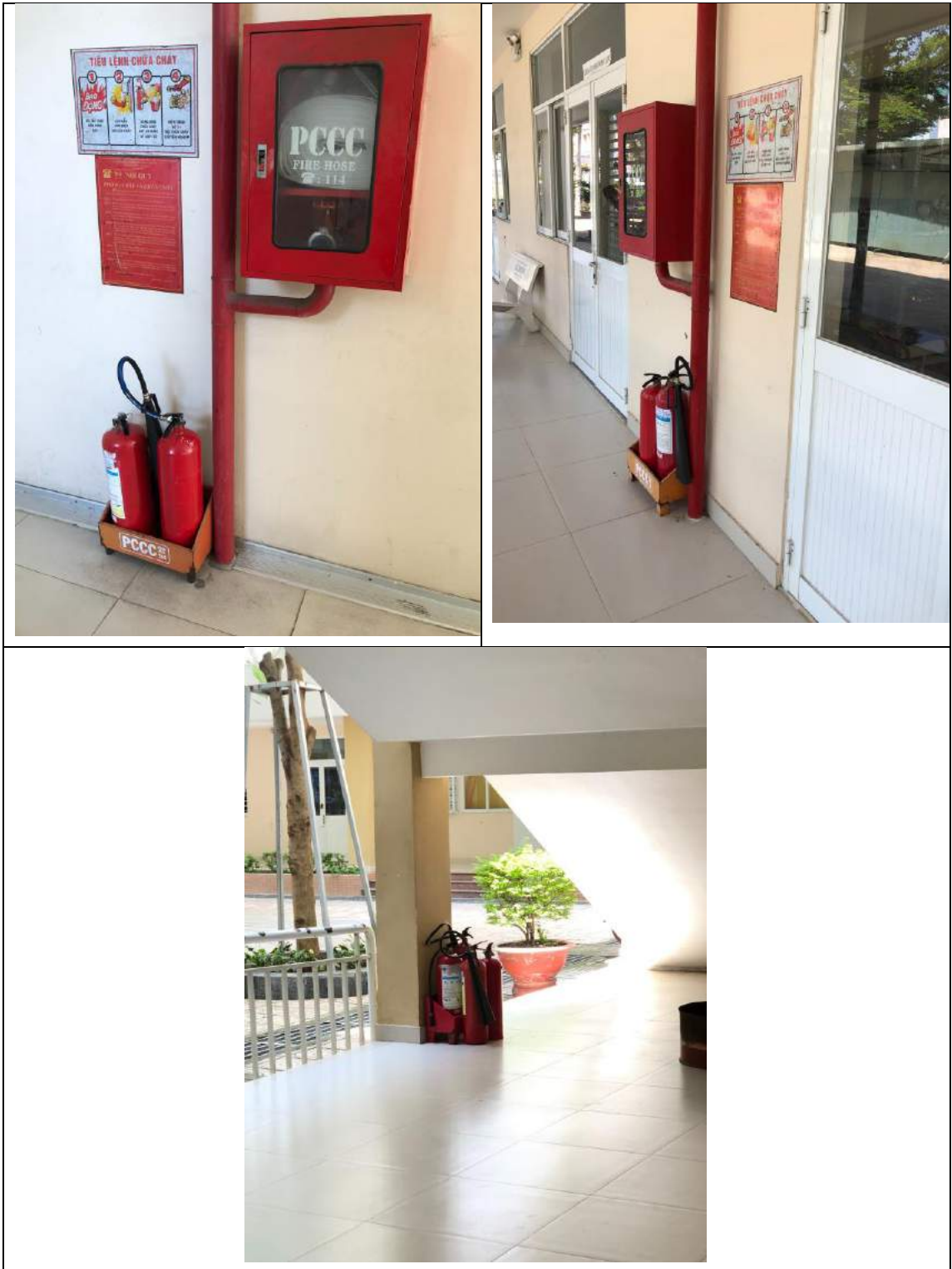
- Hệ thống dẫn điện chiếu sáng thiết kế riêng biệt, tách rời khỏi các công trình khác để dễ dàng sửa chữa, tránh chập cháy nổ;

- Đặt các biển báo dễ cháy, yêu cầu mọi người tuân thủ nghiêm các quy định PCCC.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

- Nghiêm cấm việc sử dụng lửa trong quá trình hoạt động tại các khu vực dễ cháy tại cơ sở.

❖ Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình: Không có.



Hình 3.14. Bố trí thiết bị PCCC tại cơ sở

b. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố vận hành thang máy

❖ Quy mô:

- Nguyên nhân: Thang máy gặp sự cố mất điện đột ngột, thang máy bị kẹt; hệ thống đèn, bản điều khiển hay nút gọi khẩn cấp không hoạt động, thang máy rơi tự do.

– Tác động: Khi xuất hiện sự cố thang máy có thể làm chậm quá trình di chuyển, lưu thông trong trường đồng thời gây hoang mang, lo sợ cho các cá nhân đang sử dụng thang máy, trong nhiều trường hợp còn có thể gây tổn thương cơ thể hoặc đe dọa tính mạng người sử dụng.

❖ *Công suất*: Không có.

❖ *Quy trình vận hành*:

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố vận hành thang máy tại cơ sở đã đang và sẽ được thực hiện nghiêm túc với các biện pháp đảm bảo an toàn như sau:

– Các tài liệu công cụ như đèn pin, chìa khóa cửa tầng, tài liệu hướng dẫn cần được bảo quản ở những nơi dễ dàng tìm kiếm.

– Thường xuyên kiểm tra xem thang máy đã được vận hành đúng cách hay chưa. Có nguy cơ tiềm ẩn phát sinh sự cố hay không để loại bỏ.

– Thực hiện kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng định kỳ đối với thang máy

– Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu khi sử dụng thang máy, tuyệt đối không chở quá trọng lượng quy định.

– Không sử dụng thang máy khi xảy ra hỏa hoạn.

– Dán biển hướng dẫn hoặc số điện thoại của nhân viên vận hành trong thang máy để người sử dụng có thể thực hiện theo trong một số trường hợp như kẹt thang, mất điện đột ngột

❖ *Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình*: Không có

c. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

d.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

❖ *Quy mô/công suất*:

– *Nguyên nhân*: Phương tiện đi lại nhiều tại khu vực lắp đặt hệ thống thoát nước; rơi, vãi dụng cụ có trọng lượng lớn trên đường ống thoát nước nổi trên mặt bằng cơ sở; do quá trình lắp đặt đường ống không đúng kỹ thuật gây rò rỉ nước thải.

– *Tác động*: sự cố rò rỉ, vỡ đường ống trên xảy ra sẽ dẫn đến toàn bộ các chất ô nhiễm và vi sinh vật trong nước thải phát thải toàn bộ vào môi trường với nồng độ chưa đạt quy chuẩn quy định gây ô nhiễm môi trường. Nước thải chảy tràn trên mặt bằng các công trình gây mất mỹ quan và tạo mùi hôi thối gây ảnh hưởng đến hoạt động học tập và giảng dạy của giáo viên – sinh viên tại trường.

❖ *Quy trình vận hành*:

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước tại cơ sở đã đang và sẽ được thực hiện nghiêm túc với các biện pháp đảm bảo an toàn như sau:

– Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn, đối với các đường ống đi âm dưới lòng đất cần đảm bảo đủ độ sâu để hạn chế lực tác động do các phương tiện, hoạt động thường nhật gây ra.

– Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

– Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

→ Trường hợp khi có sự cố chủ cơ sở phải khắc phục ngay lập tức, kiểm tra các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn và tiến hành sửa chữa hoặc thay mới đường ống. Chỉ hoạt động lại các hoạt động phát sinh nước sau khi đường ống cấp thoát nước đã khắc phục xong.

❖ **Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình:** Không có.

d.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố từ bể tự hoại

❖ **Quy mô/công suất:**

– Nguyên nhân: Tác nghẽn bồn cầu; tắc đường ống dẫn do có rác kích thước lớn thải vào; tắc đường ống dẫn khí; bùn bể tự hoại đầy mà không tiến hành thu gom, xử lý.

– Tác động: Phân, nước tiểu không tiêu thoát được gây ứ đọng gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu; Bùn bể tự hoại đầy gây ứ đọng và khó phân hủy dẫn đến tràn bùn qua ngăn lọc và ra hố ga thoát nước sau xử lý.

❖ **Quy trình vận hành:**

Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố từ bể tự hoại tại cơ sở đã đang và sẽ được thực hiện nghiêm túc với các biện pháp đảm bảo an toàn như sau:

– Tác nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

– Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

– Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

→ Trường hợp khi có sự cố chủ cơ sở sẽ khắc phục ngay lập tức, kiểm tra các đường ống dẫn và tiến hành thông ống dẫn khí, hút hầm cầu. Chỉ sử dụng nhà vệ sinh và các hoạt động sinh hoạt của công nhân sau khi bể tự hoại đã khắc phục xong.

❖ **Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình:** Không có.

d.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

❖ **Quy mô/công suất:**

- Nguyên nhân: Các sự cố về thiết bị điện ở các tủ điện điều khiển trong quá trình vận hành của công nhân, gây cháy nổ, nguy hiểm đến tính mạng của công nhân vận

hành; hư hỏng bơm định lượng hóa chất...; Sự cố của các thiết bị điều khiển tự động, các đèn tín hiệu... Sự cố về các công trình và thiết bị khác như đường ống, van, máy bơm nước... do chất lượng thiết bị ngay từ giai đoạn chuẩn bị vật tư và thi công lắp đặt không đảm bảo, gây ảnh hưởng tới hoạt động của toàn bộ hệ thống xử lý (ngừng hoạt động, quá tải,...).

- Tác động: Sự cố HTXL nước thải xảy ra sẽ dẫn đến tình trạng nước thải phát sinh không được xử lý kịp thời gây ứ đọng, phát sinh mùi hôi. Đồng thời trong trường hợp hệ thống vận hành nhưng không đạt hiệu quả sẽ phát tán nước thải với nồng độ chưa đạt chuẩn ra ngoài môi trường, dẫn đến ô nhiễm nước mặt nguồn tiếp nhận.

❖ Quy trình vận hành:

- Luôn giữ khu vực sạch để tránh sự rò rỉ của nước, hoá chất.
- Giữ cho đường đi, hành lang, cầu thang luôn thông thoáng và dễ quan sát.
- Không được đi ra ngoài khu vực dành cho người vận hành khi không cần thiết.
- Mặc trang bị bảo hộ thích hợp bao gồm cả mũ bảo hiểm, giày an toàn và trong trường hợp cần thiết phải sử dụng găng tay cao su và kính bảo hiểm khi làm việc với hoá chất

- Thực hiện vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ.
- Nhân viên vận hành phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

- Kiểm tra tình trạng các bể xử lý để có biện pháp kịp thời khi có sự cố.
- Đảm bảo lưu lượng khí trong bể sinh học luôn đều và liên tục nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Bên cạnh đó phải chuẩn bị các phương án không chế các sự cố dự phòng nhằm có thể xử lý kịp thời các sự cố có thể xảy ra.

- Đối với sự cố hệ thống xử lý nước thải: hệ thống sử dụng các thiết bị mới, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Đồng thời sẽ trang bị các bơm dự phòng để khi xảy ra sự cố như máy bơm hư, cháy thì cái kia hoạt động đảm bảo quá trình xử lý liên tục cho hệ thống. Việc bảo trì, kiểm tra luôn được thực hiện định kỳ bởi các đơn vị có đủ năng lực, trình độ.

- Nhân viên vận hành hệ thống xử nước thải phải được đào tạo bài bản, đảm bảo các quá trình xử lý được thực hiện một cách liên tục và hiệu quả.

- Cần nhận biết kịp thời các sự cố phát sinh trong quá trình vận hành thiết bị:

Bảng 3.8. Các sự cố nhận thường gặp trong quá trình vận hành

Các sự cố	Nguyên nhân
Nhận biết thông qua quá trình hoạt động	
Tiếng ồn	- Vỡ bạc đạn các thiết bị có chuyển động quay - Khô dầu mỡ bạc đạn các thiết bị chuyển động

Các sự cố	Nguyên nhân
	- Nghẹt bơm - Quá tải
Độ rung	- Vỡ bạc đạn các thiết bị có chuyển động quay - Khô dầu mỡ bạc đạn các thiết bị chuyển động - Nghẹt bơm - Quá tải
Nhiệt	- Nhiệt phát sinh trong quá trình hoạt động - Quá tải động cơ - Lỏng các đầu nối cáp điện - Vỡ bạc đạn các thiết bị có chuyển động quay - Khô dầu mỡ bạc đạn các thiết bị chuyển động
Rò rỉ	- Hỏng gioăng làm kín các bích, các đường ống - Mài mòn, ăn mòn lâu ngày
Nhận biết thông qua đèn báo, tín hiệu	
Lỗi khởi động	Bị lỗi CB kiểm soát Bị lỗi CB tổng
Role nhiệt	Quá tải
Mức nước cao hoặc thấp	Lưu lượng đầu vào quá lớn hoặc lưu lượng đầu ra quá nhỏ
Dòng chảy	Nghẹt bơm Bị lỗi các thiết bị điều chỉnh dòng chảy (van)
Áp lực	Nghẹt bơm Bị lỗi các thiết bị điều chỉnh dòng chảy (van)
Nhiệt độ	Bị lỗi các thiết bị truyền nhiệt

– Trong trường hợp hệ thống ngưng hoạt động do sự cố bất thường phải tiến hành sửa chữa ngay và nuôi cấy lại vi sinh cho hệ thống xử lý hoạt động trở lại. Toàn bộ nước thải được dự trữ tại các bể trong hệ thống tránh nước thải chưa qua xử lý thải ra môi trường:

Bảng 3.9. Một số nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Hạng mục	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Sự cố về máy móc và thiết bị			
Máy bơm nước, bơm	Phát ra tiếng ồn và độ	- Bạc đạn của các chi tiết chuyển động bị vỡ.	- Thay bạc đạn mới.

Hạng mục	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
định lượng, máy thổi khí	rung bất thường	<ul style="list-style-type: none"> - Khô dầu các bạc đạn của các chi tiết chuyển động. - Tắc bơm, đường ống... - Chi tiết chuyển động chạm vào. - Lỏng bulông neo. - Vật lạ lọt vào. 	<ul style="list-style-type: none"> - Châm thêm dầu mỡ bôi trơn. - Vệ sinh. - Cân chỉnh lại. - Xiết chặt bulông. - Kiểm tra và loại bỏ.
	Nóng quá mức	<ul style="list-style-type: none"> - Bạc đạn của các chi tiết chuyển động bị vỡ - Khô dầu các bạc đạn của các chi tiết chuyển động - Chi tiết chuyển động chạm vào. - Lỏng các đầu cáp nối dây điện. - Quá tải động cơ. - Thông gió/ giải nhiệt động cơ không tốt - Do chuyển động của khí, chất lỏng hoặc nhiệt phản ứng, va đập thủy lực. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thay bạc đạn mới. - Châm thêm dầu mỡ bôi trơn. - Cân chỉnh lại - Kiểm tra và đấu lại - Giảm tải cho động cơ - Kiểm tra và khắc phục
	Rò rỉ	<ul style="list-style-type: none"> - Hỏng gioăng (gon) làm kín - Các mối hàn không kín - Các mối nối bulông không chặt. - Ăn mòn/mài mòn 	<ul style="list-style-type: none"> - Thay gioăng (gon) mới - Kiểm tra và sửa chữa - Xiết chặt - Thay bằng vật liệu ít bị ăn mòn/mài mòn.
	Motor không chạy	<ul style="list-style-type: none"> - Motor bị kẹt/hỏng - Do phần điện hư hỏng/hoặc không CB, hỏng khởi động từ/role nhiệt, cháy cầu chì... - Role nhiệt nhảy 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra và sửa chữa - Kiểm tra và sửa chữa - Reset lại - Kiểm tra và khắc phục

Hạng mục	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
		- Tín hiệu đầu vào như phao, công tắc áp lực, đầu dò ...	
	Lưu lượng quá thấp/quá cao	- Áp lực thấp/cao - Do tắt hoặc đóng mở Van không hợp lý.	- Hạ/tăng áp lực - Kiểm tra lưu lượng nước thải đầu vào...
Sự cố về công nghệ			
Nước đầu ra	Nước không trong	Do hiệu quả các quá trình xử lý trước đó không đạt	Kiểm tra lượng hóa chất, các chỉ số DO, F/M, bùn hoạt tính,...
	Có nhiều cặn	Do hệ thống lắng kém hiệu quả	Kiểm tra chỉ tiêu SVI và rửa lại hệ thống lắng và hóa chất trợ lắng.

→ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong các bể của hệ thống xử lý nước thải trong thời gian khắc phục sự cố. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, Cơ sở phải báo ngay với cơ quan có chức năng để kịp thời xử lý và dừng các công đoạn phát sinh nước thải để khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong nước thải sẽ được bơm từ các bể lưu chứa lên bể điều hòa rồi tiếp tục xử lý theo quy trình công nghệ xử lý của hệ thống.

❖ Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình: Không có.

d.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố khu chứa chất thải nguy hại

❖ Quy mô/công suất:

+ Nguyên nhân: CTR nếu không được lưu trữ theo quy định sẽ phát sinh mùi hôi phát tán ra môi trường không khí xung quanh; Bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn; Kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ. Vị trí, khu vực có khả năng xảy ra sự cố: Nhà chứa CTNH và không nguy hại.

+ Tác động: Gây ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, có thể xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động rất lớn đến môi trường, con người và tài sản.

❖ *Quy trình vận hành:*

Các biện pháp an toàn trong lưu trữ, vận chuyển thải bỏ CTNH trong quá trình hoạt động đã đang và sẽ áp dụng như sau:

CTNH trước tiên sẽ được thu gom, đóng gói và dán nhãn để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình vận chuyển xử lý. CTNH được lưu giữ tại cơ sở tại nhà chứa chất thải trong một thời gian ngắn trước khi được công ty có chức năng vận chuyển đi xử lý đúng quy định. Trong thời gian tồn trữ tại cơ sở, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn. Cụ thể:

Trong công tác thu gom và dán nhãn CTNH thải bỏ

Thu gom: Quá trình thu gom chất thải tại nguồn được thực hiện bởi các công nhân vệ sinh của cơ sở. Thu gom và chuyển tới nhà lưu trữ CTNH ngay khi chất thải phát sinh. Lượng CTNH được thu gom theo tính chất của từng loại chất thải, tùy theo tính chất hóa học và trạng thái vật lý (rắn, lỏng) để có phương án thu gom thích hợp. Việc thu gom cần hết sức chú ý nhằm tránh tràn đổ, rò rỉ hay gây ra cháy nổ.

Dán nhãn: Trên các thùng chứa, bao chứa CTNH được dán nhãn để đơn vị thu gom dễ dàng trong công tác vận chuyển và bảo quản, đồng thời ghi rõ các hiệu lệnh cảnh báo để tránh xảy ra các sự cố đáng tiếc do thiếu hiểu biết của công nhân hay những người tiếp xúc. Mã số của chất thải và dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa theo công ước Basel EPA và TCVN 6707-2000.

Trong công tác lưu giữ CTNH:

+ Vị trí khu vực lưu trữ: nằm ngay bên cạnh đường, tạo điều kiện thuận lợi cho xe ra vào vận chuyển chất thải đi xử lý. Các thùng chứa chất thải nguy hại đặt thẳng đứng, thùng có nắp đậy.

+ Nhân viên phụ trách phải được đào tạo về bảng dữ liệu an toàn của tất cả các chất được lưu giữ và vận chuyển (theo tiêu chuẩn TCVN 5507-1991), nắm được các hướng dẫn và công tác an toàn vệ sinh cũng như các hướng dẫn và những biện pháp ứng cứu khi có sự cố.

+ Bố trí chất thải trong kho: tuân thủ các quy định an toàn trong lưu trữ: có khoảng trống giữa tường với các thùng lưu giữ chất thải gần tường nhất và chừa lối đi lại bên trong để kiểm tra, chữa cháy. Chất thải sắp xếp sao cho không cản trở xe ra vào thu gom và các thiết bị ứng cứu sự cố khác, chiều cao khối lưu trữ không vượt quá 3m.

+ Không để rác thông thường trong khu vực lưu trữ CTNH.

Vận chuyển, thải bỏ và xử lý CTNH: Công tác vận chuyển, thải bỏ và xử lý CTNH thải bỏ được chuyển giao cho đơn vị chức năng theo định kỳ vận chuyển xử lý đúng quy định.

→ Trường hợp khi có sự cố chủ cơ sở phải khắc phục ngay lập tức, chất thải sẽ được lưu chứa tạm vào các thùng chứa, khu vực có mái che chắn và gọi ngay cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý kịp thời.

❖ *Các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình:* Không có.

Chương 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

4.1.1 Nội dung cấp phép xả nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải:

Tại cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt với tổng lưu lượng khoảng 15,45 m³/ngày:

- + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 6 khu nhà vệ sinh bố trí bên trong khối nhà hành chính.
- + Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 5 khu nhà vệ sinh bố trí bên trong khối phòng học thực hành (phía sau khối phòng học).
- + Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 3 khu nhà vệ sinh bố trí bên trong khối phòng học thực hành..
- + Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh bố trí bên trong nhà bảo vệ.
- + Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ căn tin.

b. Dòng nước thải xả nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

b.1. Dòng nước thải:

01 dòng nước thải từ đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

b.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải sau xử lý được xả ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước khu vực nằm trên đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

b.3. Vị trí xả thải:

Tại vị trí hồ ga giám sát nước thải nằm ngoài hàng rào của cơ sở nằm trên đường Nguyễn Ảnh Thủ với tọa độ X = 1201027, Y = 0593820 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

b.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: công suất thiết kế 20 m³/ngày.đêm (hiện tại 15,45 m³/ngày.đêm).

- *Phương thức xả nước thải:* tự chảy.
- *Chế độ xả nước thải:* liên tục theo thời gian hoạt động cơ sở.
- *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:*

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận tại cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B, hệ số K=1, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Thông số giám sát chất lượng nước thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	-	-	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Công trình xử lý chất thải tại cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục.
2	pH	-	5 - 9		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	10		
10	Coliform	MNP/100ml	5.000		

4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

a. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

a.1. *Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải*

❖ *Mạng lưới thu gom nước mưa*

Hệ thống thoát nước mưa đã được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

Nước mưa trên mái công trình được thu gom bằng các máng xối, dẫn bằng ống nhựa RWP DN100 xuống mặt đất và chảy tràn vào các hố ga thu gom nước mưa. Các hố ga thu nước mưa nối với nhau bằng các đoạn ống RWP DN 300, DN400, DN500, độ dốc $i = 0,2-0,4\%$ (tùy đoạn) hòa chung với dòng nước mưa được thu gom dưới đất.

Nước mưa trên bề mặt được thoát vào cống ven đường và các mương thu nước mưa có nắp đậy sau đó dẫn tới các hố ga để đổ vào đường ống thu gom RWP DN 300, DN400, DN500, độ dốc $i = 0,2-0,4\%$ chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ. Toàn cơ sở có 22 hố ga thu gom nước mưa kích thước mỗi hố gom $L \times B \times H = 1.2000 \times 1.200 \times 1.4000 \text{mm}$, tổng chiều dài tuyến ống thu gom khoảng 429m.

Toàn bộ lượng nước mưa phát sinh được thu gom và tự chảy ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước mưa chung của khu vực nằm trên đường Nguyễn Ảnh Thủ thông qua đường ống RWP D600, $i = 0,2\%$ và RWP D500, $i = 0,25\%$ tại 03 vị trí với tọa độ X1 = 1201031; Y1 = 0593831; X2 = 1201024; Y2 = 0593827; X3 = 1201010; Y3 = 05838156 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

❖ *Mạng lưới thu gom nước thải*

Hệ thống thu gom, thoát nước thải đã được xây dựng tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

Tại cơ sở chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng 15,45 m³/ngày.đêm được thu gom bằng các đường ống WP-DN200, $i = 0,45-0,5\%$ với tổng chiều dài thiết kế là 268m, chi tiết các nguồn phát sinh và đường ống thu gom như sau:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 6 khu nhà vệ sinh bố trí bên trong khối nhà hành chính được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó được thu gom bằng ống WP-DN200, $i = 0,45\%$, chiều dài 116m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20m³/ngày.đêm của cơ sở để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 5 khu nhà vệ sinh bố trí bên trong khối phòng học thực hành (phía sau khối phòng học) được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó được thu gom bằng ống WP-DN200, $i = 0,5\%$, chiều dài 120m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20m³/ngày.đêm của cơ sở để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 3 khu nhà vệ sinh bố trí bên trong khối phòng học thực hành được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó được thu gom bằng ống WP-DN200, $i = 0,5\%$, chiều dài 152m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20m³/ngày.đêm của cơ sở để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh bố trí bên trong nhà bảo vệ được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó được thu gom bằng ống WP-DN200, $i = 0,5\%$, chiều dài 5m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20m³/ngày.đêm của cơ sở để tiếp tục xử lý.

+ Nguồn số 5: Nước thải phát sinh từ căn tin được thu gom bằng ống WP-DN200, $i = 0,5\%$, chiều dài 147m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 20m³/ngày.đêm của cơ sở để tiếp tục xử lý.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn và nước thải từ căn tin được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 20 m³/ngày.đêm của cơ sở để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1. Nước thải sau xử lý sẽ tự chảy theo đường ống WP-DN200, $i = 0,5\%$ vào hố ga giám sát nước thải của cơ sở, sau đó sẽ theo đường ống WP-DN200, $i = 0,5\%$ với chiều dài 10m xả thải ra cống thoát nước chung của khu vực nằm trên đường Nguyễn Ảnh Thủ tại 01 điểm với tọa độ xả thải X = 1201027, Y = 0593820 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

a.2. Công nghệ, thiết bị xử lý nước thải

– Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 3 ngăn + nước thải từ căn tin → Hố thu gom → Bể tách dầu mỡ (3 bể) → Bể điều hòa → Bể Anoxic

→ Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Hồ ga giám sát nước thải của cơ sở → Nguồn tiếp nhận (công thoát nước chung của khu vực).

– Thông số kỹ thuật của hệ thống

Bảng 4.2. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật
1	Bể tách dầu 1	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH = 0,6m x 0,4m x 2,8m - Thời gian lưu: 05,-1 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
2	Bể tách dầu 2	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH = 0,597m x 0,4m x 2,8m - Thời gian lưu: 05,-1 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
3	Bể tách dầu 3	BỂ		- Kích thước: LxBxH = 0,597m x 0,4m x 2,8m - Thời gian lưu: 05,-1 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
4	Bể điều hòa	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH = 2,097m x 1,8m x 2,8m - Thời gian lưu: 8 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
5	Bể anoxic	BỂ	02	- Kích thước: LxBxH = 2,5m x 1,15m x 2,8m - Thời gian lưu: 6 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
6	Bể aerotank	BỂ	02	- Kích thước: LxBxH = 2,5m x 1,741m x 2,8m - Thời gian lưu: 10 -12 giờ. - Vật liệu: BTCT phủ composite mặt trong
7	Bể lắng sinh học	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH= 1,3m x 1,3m x 2,8m. - Thời gian lưu: 2 - 2,5 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
8	Bể khử trùng	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH= 1,197m x 0,688m x 2,8m. - Thời gian lưu: 0,3 - 0,5 giờ. - Vật liệu: thép hợp khối
9	Bể chứa bùn	BỂ	01	- Kích thước: LxBxH= 1,197m x 0,609m x 2,8m. - Vật liệu: thép hợp khối

Bảng 4.3. Thông số, nguyên tắc hoạt động của các thiết bị công nghệ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Stt	Tên máy	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Chế độ hoạt động	
				Tay	Tự động
01	Bơm nước thải bể tách mỡ	02	Bơm chìm Lưu lượng: 9 m ³ /h Cột áp: 6 m H ₂ O Điện áp: 220v/50Hz	Man/Auto	Chạy theo phao mực nước bể tách mỡ
02	Bơm nước thải bể điều hòa	02	Bơm chìm Lưu lượng: 3 m ³ /h Cột áp: 6 m H ₂ O Công suất: 0.37 kW Điện áp: 220v/50Hz	Man/Auto	Chạy theo phao mực nước bể tách mỡ
03	Bơm tuần hoàn nước từ bể Aerotank về bể Anoxic	02	Bơm chìm Lưu lượng: 3 m ³ /h Áp suất: 6 mH ₂ O Công suất: 0.37 kW Điện áp: 220v/50Hz	Man/Auto	Chạy tự động theo timer
04	Bơm bùn bể lắng	04	Bơm chìm Lưu lượng: 3m ³ /h Cột áp: 6 m H ₂ O Công suất: 0.37 kW Điện áp: 220v/50Hz	Man/Auto	Chạy tự động theo timer
05	Bơm định lượng Chlorine	02	Loại: bơm màng (Teflon) Đầu bơm: polypropylen Lưu lượng 0- 30 lít/h Cột áp 2 bar Vật liệu đầu bơm PP Công suất 0.045kW, 380V/50Hz.	Man/Auto	Chạy tự động theo timer
06	Máy thổi khí	02	Lưu lượng: 1m ³ /phút Cột áp: 450mmAq Công suất motor: 2 HP Điện áp: 380v/50Hz	Man/Auto	Chạy tự động theo timer
07	Đĩa phân phối khí bể anoxic	01	Lưu lượng 80-140 m ³ /phút		Hoạt động khi máy thổi khí chạy. Điều

Stt	Tên máy	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Chế độ hoạt động	
				Tay	Tự động
	(Đức)		Đường kính DN 270mm, màng EPDM Đầu nối ren: RN 27mm Vật liệu màng khuếch tán: EPDM		chính bởi van phân phối khí.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày.đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

a.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động (nếu có):

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

b. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

4.2. Nội dung cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

4.2.1 Nội dung cấp phép khí thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do cơ sở không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý khi đi vào vận hành chính thức).

4.2.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

- Bố trí trồng cây xanh dọc các tuyến đường trong khu vực cơ sở nhằm giảm thiểu bụi, tăng mỹ quan cho cơ sở, cải thiện vi khí hậu và giảm thiểu tiếng ồn.
- Tại các thùng rác quanh khuôn viên trường học bố trí các thùng rác có nắp đậy, bố trí người thu gom thường xuyên, không để thời gian lâu gây bốc mùi. Tại khu chứa CTNH được chủ cơ sở bố trí người thường xuyên quét dọn.
- Thường xuyên quét dọn, tưới nước sân bãi, đường nội bộ hạn chế bụi bay, giữ vệ sinh khuôn viên cơ sở.

4.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường

a. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động học tập từ khối phòng học thực hành.

b. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Bảng 4.4. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

STT	Vị trí phát sinh	Toạ độ Vn-2000 (Kinh tuyến trục TP Hồ Chí Minh: 105 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
1	Nguồn số 1	1201000	0593829
2	Nguồn số 2	1201020	0593844
3	Nguồn số 3	1200954	0593949

c. Chất lượng tiếng ồn, độ rung

Chất lượng tiếng ồn và độ rung tại cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

c.1. Tiếng ồn

Bảng 4.5. Thông số và giá trị giới hạn của ô nhiễm tiếng ồn

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	--	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì cơ sở sẽ tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

c.2. Độ rung

Bảng 4.6. Thông số và giá trị giới hạn của ô nhiễm độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	60	--	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì cơ sở sẽ tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

4.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

a.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 4.7. Bảng tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại	Rắn	70	16 01 06

STT	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
	thủy tinh hoạt tính thải			
2	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	50	18 02 01
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	35	17 02 03
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	120	18 01 03
6	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) (phòng y tế)	Rắn	20	13 01 01
Tổng cộng			305	

a.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 248,47 kg/tháng bao gồm: thùng carton thải không dính hóa chất, các thành phần nguy hại; bao nilon, bao bì thải không dính các thành phần nguy hại; giấy vụn phòng thải; bùn từ hệ thống xử lý nước thải.

a.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 942,5 kg/ngày, chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

b. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

b.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

– *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa PVC có nắp đậy loại 120 lít màu vàng có dán nhãn mã số CTNH và các bao PP chống thấm trong khu vực chứa chất thải nguy hại.

– *Khu vực lưu chứa:*

+ Diện tích kho: diện tích 3 m²;

+ Thiết kế, cấu tạo: có mái che, nền bê tông và dán nhãn cảnh báo đúng theo quy định. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

b.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

– *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí các thùng rác PVC loại 120 lít tại khu vực tập kết chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 5m². Khi khối lượng phát sinh lớn sẽ tiến hành bán cho đơn vị thu gom phế liệu.

b.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

– *Thiết bị lưu chứa:* Chủ cơ sở đã bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy, chất liệu nhựa PVC dung tích 240 lít dọc các tuyến đường trong khuôn viên cơ sở, đồng thời bố trí các thùng rác PVC có nắp đậy dung tích 20 lít, 50 lít trong các khu nhà vệ sinh và dọc theo các hành lang ở mỗi tầng.

– *Khu vực tập kết:* diện tích 5m².

Chương 5. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

- Vị trí lấy mẫu

Bảng 5.1. Vị trí lấy mẫu nước thải tại cơ sở

STT	Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu
1	NT01	Hố ga sau HTXL nước thải	05/07/2021
2	NT02		07/12/2021
3	NT03		02/06/2022
4	NT04		16/11/2022

- Kết quả phân tích:

Bảng 5.2. Kết quả phân tích chất lượng nước thải tại cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B, K=1
			NT01	NT02	NT03	NT04	
1	pH	-	6,81	7,08	6,08	6,12	5 - 9
2	TSS		17	14	11	15	100
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	58	56	21	23	50
4	COD	mg/L	29	30	48	46	--
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	14,3	14,2	3,52	3,2	10
6	Nitrat NO ₃ ⁻ (tính theo N)	mg/L	3,6	3,2	14,1	12,8	50
7	phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	3,9	3,4	4,63	2,6	10
8	Coliform	MPN/100mL	4.600	4.300	2.700	2.400	5.000

Nhận xét:

Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau HTXL nước thải tại cơ sở cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K=1.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

- Vị trí lấy mẫu

Bảng 5.3. Vị trí lấy mẫu không khí tại cơ sở

STT	Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu
1	KK01	Khu vực cổng cơ sở	05/07/2021

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

2	KK02		07/12/2021
3	KK03		02/06/2022
4	KK04		16/11/2022

- Kết quả phân tích:

Bảng 5.4. Kết quả phân tích chất lượng không khí tại cơ sở

TT	Ký hiệu mẫu	Thông số				
		Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)
1	KK01	60,1	011	0,052	0,056	<6
2	KK02	59	0,1	0,053	0,062	<6
3	KK03	60,5	0,15	0,058	6,45	0,085
4	KK04	60	0,1	0,06	5,5	0,076
QCVN 26:2010/BTNMT		70	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT		--	0,3	0,2	0,35	30

Nhận xét:

Kết quả phân tích chất lượng không khí tại cơ sở cho thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 05:2013/BTNMT.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định)

Chương 6. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Căn cứ theo điểm h khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ thì cơ sở của chúng tôi không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1 Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Quan trắc nước thải: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6.2.2 Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Công trình xử lý chất thải tại cơ sở **không** thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục.

6.2.3 Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý của hệ thống, chúng tôi xin đề xuất giám sát nước thải định kỳ, cụ thể như sau:

Bảng 6.1. Chương trình giám sát môi trường định kỳ

Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
01 mẫu tại hố ga giám sát trước khi đầu nối vào cống thoát nước chung của khu vực	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , chất rắn lơ lửng (TSS), sunfua (tính theo H ₂ S), amoni (tính theo N), nitrat NO ₃ ⁻ (tính theo N), tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat (PO ₄ ³⁻), coliform	06 tháng/lần	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B hệ số k=1

6.2.4 Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm tại cơ sở dự kiến khoảng 10.000.000VNĐ.

**Chương 7. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Không có.

Chương 8. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chúng tôi cam kết về các nội dung:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.
- Cam kết đảm bảo công tác quản lý, vận hành và bảo trì hệ thống xử lý nước thải, các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cam kết ngừng ngay hoạt động của cơ sở trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp phải sự cố và tiến hành khắc phục ngay, chỉ hoạt động trở lại sau khi khắc phục hoàn toàn các sự cố.
- Cam kết thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Cam kết thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Cam kết đền bù thiệt hại khi xảy ra sự cố môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 11948/STNMT-CCBVM
V/v hướng dẫn thực hiện hồ sơ môi trường của
cơ sở “Trường Trung cấp Kinh tế – Kỹ thuật
Quận 12 – Cơ sở 1”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG TC KT - KT QUẬN 12

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2023

ĐẾN

Số:
Ngày: 25/12/2023

Chuyển:

1. QTB C810

25/12/2023

Kính gửi: Trường Trung cấp Kinh tế – Kỹ thuật Quận 12

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Công văn số 160/TCKTKTQ12 ngày 09 tháng 11 năm 2023 Trường Trung cấp Kinh tế – Kỹ thuật Quận 12 về hướng dẫn thực hiện hồ sơ môi trường của cơ sở “Trường Trung cấp Kinh tế – Kỹ thuật Quận 12 – Cơ sở 1”. Theo nội dung đề nghị của Trường Trung cấp Kinh tế – Kỹ thuật Quận 12 tại Công văn nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Tại Công văn số 160/TCKTKTQ12 của Trường Trung cấp Kinh tế – Kỹ thuật Quận 12 thể hiện, dự án “Xây dựng mở rộng Cơ sở 1 Trường Trung cấp Kinh tế – Kỹ thuật Quận 12” được Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch Bảo vệ môi trường (số 309/GXN-UBND-TNMT ngày 17 tháng 01 năm 2017);

Tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải có giấy phép môi trường: “1. Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.
2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.”

Tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: “d. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này đã đi vào vận hành chính thức trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, giấy phép xử lý chất thải nguy hại, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi (sau đây gọi chung là giấy phép môi trường thành phần). Giấy phép môi trường thành

T.Đ.Ư.

phần được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết thời hạn của giấy phép môi trường thành phần hoặc được tiếp tục sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành trong trường hợp giấy phép môi trường thành phần không xác định thời hạn”.

Do đó, trường hợp Dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và quy mô dự án không có sự thay đổi so với nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được Ủy ban nhân dân Quận 12 xác nhận, đề nghị Trường Trung cấp Kinh tế – Kỹ thuật Quận 12 thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và gửi Ủy ban nhân dân Quận 12 xem xét, cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo Trường Trung cấp Kinh tế – Kỹ thuật Quận 12 được biết và thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND quận Quận 12;
- Lưu: VT, CCBVMT. Nhung.04

03b

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Mỹ

Số: 72101/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ VỀ VIỆC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU NHÀ CỦA NHÀ NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban Nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày ~~20/11/1993~~ 21/6/1994;
- Căn cứ Pháp lệnh nhà ở công bố ngày 26 tháng 3 năm 1991;
- Căn cứ Quyết định 297/CT ngày 02-10-1991 của ^{Chủ tịch} Hội đồng Bộ trưởng;
- Căn cứ ~~QUYẾT ĐỊNH SỐ 111/QĐ NGÀY 14.4.1977 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ~~

— Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nhà Đất tại công văn số 52083/CV-CT12 ngày 22 tháng 7 năm 1996;

QUYẾT ĐỊNH

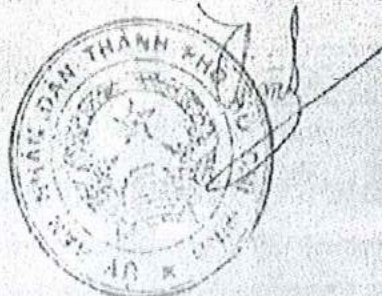
Điều 1: — Nay xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với:

Nhà số: 502 A
Đường (Ấp): ĐƯỜNG LỘ SỔ LẬP QUANG TRUNG
Phường (Xã, Thị trấn): XÃ TRUNG MỸ TÂY
Quận (huyện): HỒ CHÍ MINH TP. Hồ Chí Minh
Thuộc diện: NHÀ TỰ XÂY DỰNG BÀN VỐN HOÀN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 2: — Giao Sở Nhà Đất Thành Phố tổ chức thực hiện việc quản lý nhà nêu trên theo quy định.

Điều 3: — Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nhà Đất Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính Thành phố, Chủ tịch UBND Quận (Huyện) HỒ CHÍ MINH
Thủ trưởng cơ quan đơn vị quản lý nhà có trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
KỶ CHỦ TỊCH



Nơi nhận:
— Như điều 3.
— Lưu.

VÕ VIỆT THANH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5921/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về thành lập Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 54/2011/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 52/2011/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở mã ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở mã ngành đào tạo trình độ Trung cấp chuyên nghiệp;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 12 tại Tờ trình số 08/TTr-UBND-TTĐN ngày 09 tháng 4 năm 2012; của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2292/GĐĐT-TC ngày 28 tháng 8 năm 2012 và Công văn số 2609/GĐĐT-TC ngày 21 tháng 9 năm 2012 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 705/TTr-SNV ngày 12 tháng 10 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Dạy nghề quận 12 (thành lập theo Quyết định số 25/QĐ-UB-TL ngày 26 tháng 5 năm 1997 của Ủy ban nhân dân quận 12).

- Trụ sở chính: đặt tại số 592 đường Nguyễn Anh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12.

- Cơ sở 2: đặt tại HT11, đường Nguyễn Anh Thủ, Khu phố 3, phường Hiệp Thành, quận 12.

Điều 2. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 là cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập, được cấp kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

Điều 3. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 đào tạo nguồn nhân lực có trình độ trung cấp chuyên nghiệp các ngành theo quy định; tổ chức và hoạt động theo Thông tư số 54/2011/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường Trung cấp chuyên nghiệp. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định và quyết định cho phép mở mã ngành đào tạo theo quy định.

Điều 4. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép hoạt động giáo dục; đình chỉ hoạt động giáo dục; công nhận, không công nhận Hội đồng trường; bổ nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của Trường theo quy định và giao biên chế cho Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 trên cơ sở chỉ tiêu biên chế sự nghiệp được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số Quyết định số 25/QĐ-UB-TL ngày 26 tháng 5 năm 1997 của Ủy ban nhân dân quận 12 về thành lập Trung tâm Dạy nghề quận 12.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12, Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật quận 12 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Công an TP (PC.64);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước TP;
- VPUB: Các PVP;
- Các Phòng CV;
- Lưu VT (VX-Nh) P. 45



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận
* **Hứa Ngọc Thuận**

Số 2973/QĐ-GDDT-TC Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về bổ nhiệm công chức quản lý

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 27/2003/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo;

Căn cứ Thông tư số 47/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã Hội ban hành Quy định về Điều lệ Trường Trung cấp;

Căn cứ Thông báo số 244-TBNB/ĐU ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo về việc sắp xếp và điều động cán bộ;

Theo đề nghị của Ban Thường vụ và Trường phòng Tổ chức cán bộ tại Tờ trình số 3177/TTr-TCCB ngày 07 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều động, bổ nhiệm Ông: **Trần Nguyên Thục;**

Hiện là: Trưởng phòng;

Đơn vị: Phòng Chính trị, tư tưởng Sở Giáo dục và Đào tạo;

Giữ chức vụ: Hiệu trưởng;

Đơn vị: Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12;

Nhiệm kỳ: 5 năm (2019 - 2024).

Điều 2. Ông Trần Nguyên Thục có trách nhiệm bàn giao mọi công tác và nhận nhiệm vụ mới kể từ ngày 15/11/2019.

Ông Trần Nguyên Thục được hưởng phụ cấp chức vụ theo quy định hiện hành kể từ ngày nhận nhiệm vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục Chuyên nghiệp và Đại học, Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12 và Ông Trần Nguyên Thục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



Lê Hồng Sơn

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số : 00090 /2013/CT- TTHH-TBMST

Mẫu: 11-MSI
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

THÔNG BÁO MÃ SỐ THUẾ
NOTICE TAX IDENTIFICATION NUMBER (TIN)

Cục thuế thông báo mã số thuế của đơn vị/ cá nhân như sau :
Hereby, We would like to inform your TIN as follow:

Mã số thuế : 0306560658
Tax Identification Number

Tên đơn vị/ cá nhân : TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ
Name of Mission THUẬT QUẬN 12

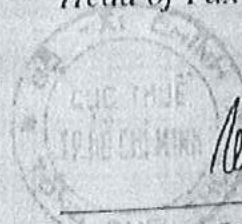
Địa chỉ trụ sở : 592 NGUYỄN ÁNH THỦ P.TRUNG MỸ
Address in Vietnam TÂY, , QUẬN 12

Ngày cấp mã số thuế : 13/01/2009
Date of issuing TIN

Yêu cầu đơn vị phải sử dụng mã số thuế theo đúng quy định kể từ ngày nhận được thông báo này.
You are required to use the TIN from receiving this notice

TP Hồ Chí Minh, Ngày 21 tháng 1 năm 2013
CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ
Head of Tax Department

Cơ quan thuế trực tiếp quản lý :
CHI CỤC THUẾ QUẬN 12



NGUYỄN ĐÌNH TẤN

Số: 2017 /TB-SXD-QLCLXD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2020

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng
các công trình dân dụng và công nghiệp

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD;

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án số 1570/QĐ-SXD-TĐDA ngày 27/10/2017 của Sở Xây dựng; Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình số 1291/QĐ-SXD-KTXD ngày 21/8/2018 của Sở Xây dựng;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình tại Văn bản số 02/BC-DDCN ngày 06/01/2020 của Ban Quản lý dự án các công trình Dân dụng và Công nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 16/PC07-Đ5 ngày 07/01/2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận việc nghiệm thu về PCCC đối với công trình Xây dựng mở rộng cơ sở 1 Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12, tại số 592 Nguyễn Anh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12;

Căn cứ Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 16/01/2020, hồ sơ khắc phục của chủ đầu tư theo Biên bản bổ sung hồ sơ kiểm tra công tác nghiệm thu ngày 05/02/2020;

Sở Xây dựng chấp thuận kết quả nghiệm thu của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp để đưa vào sử dụng đối với công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

- a) Tên công trình: **Xây dựng mở rộng cơ sở 1 Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12**
- b) Địa điểm xây dựng: số 592 Nguyễn Anh Thủ, P.Trung Mỹ Tây, Quận 12.
- c) Loại và cấp công trình: công trình dân dụng, cấp II.

d) Mô tả các thông số chính của công trình:

- Xây mới khu lớp học, thực hành:
- + Tầng cao: 05 tầng (01 trệt + 04 lầu);
- + Tổng diện tích sàn xây dựng: 9.022 m².
- + Chiều cao công trình (từ nền sân đến đỉnh mái): 23,5m
- Hạng mục công trình phụ:
- + Nhà bảo vệ: 01 tầng, 13m²;
- + Cổng – tường rào: dài 363m, cao 2,6m;
- + Cửa cổng chính inox xếp sắt có ray trượt bằng mô tơ rộng 8m và 02 cửa cổng phụ sắt mở rộng 4,5m.
- + Cột cờ inox cao 9m.
- + Bể nước ngầm sinh hoạt: 30m³ (thực tế 70m³).
- + Bể nước ngầm phòng cháy chữa cháy: 54 m³ (thực tế thi công 60m³);
- Công trình tháo dỡ: tổng diện tích sàn xây dựng 3.462m² bao gồm Văn phòng tư vấn (01 tầng); Văn phòng đăng ký – tiếp nhận (02 tầng); Khối hành chính – quản trị (02 tầng); Văn phòng khoa (03 tầng); Khối lớp học 1, 2, 3, 4, 5 (01 tầng); Kho thiết bị 1,2; Nhà vệ sinh giáo viên; Nhà vệ sinh học viên; Nhà xe.
- Hạ tầng kỹ thuật: đường nội bộ; sân trường; cây xanh; sân vườn; san lấp; cấp điện; cấp nước; thoát nước, môi trường; PCCC và chống sét; Các hệ thống kỹ thuật khác.

2. Yêu cầu đối với Chủ đầu tư

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.
- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.
- Tổ chức thực hiện bảo trì công trình theo đúng quy định; lập, phê duyệt và lưu trữ hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành, bảo trì công trình theo đúng quy định của pháp luật.
- Tổ chức, cá nhân tham gia nghiệm thu chịu trách nhiệm về nội dung do mình xác nhận khi nghiệm thu theo quy định Khoản 3 Điều 123 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Giám đốc SXD (để báo cáo);
 - Lưu: VT, P.QLCLXD, KH (05).
- ISO 2000006/TNHS-KTNT/2020



Nguyễn Bá Thành

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC TP. HỒ CHÍ MINH
Số: 194 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư
số 66/2014/TT-BCA,
ngày 16/12/2014

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ngày 10 / 01 / 2017 của:BQLĐT.XD các công trình thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Người đại diện là Ông/Bà: Nguyễn Đăng Đoàn..... Chức danh:.....Phó giám đốc.

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN:

Xây dựng mở rộng cơ sở 1 trường trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Quận 12.

Địa điểm xây dựng: Số 592 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: BQLĐT.XD các công trình thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH TVTK Kiến trúc và Xây dựng Nghi Hân.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Bắc chịu lửa công trình, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, bình chữa cháy;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm ... 2017
KT. GIÁM ĐỐC...

Nơi nhận:
C66-BCA; Chủ đầu tư;
Phòng CS PC&CC Quận 12;
- Lưu: VT, P2.



**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ...265/BQLĐT... ngày 02/05/2019 của: BQL Đầu tư Xây dựng các công trình thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Người đại diện là Ông/Bà: ...Phạm Quang Thảo... Chức danh: ...Phó Giám đốc...

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TP HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN:

Điều chỉnh thiết kế công trình Xây dựng mở rộng cơ sở 1 Trường trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Quận 12

Địa điểm xây dựng: ...Số 592 đường Nguyễn Ánh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TP. Hồ Chí Minh

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: BQL Đầu tư Xây dựng các công trình thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng CC

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn;
- Mặt bằng bố trí hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà; bình chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2019

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư: C07 - BCA;

- Công an Quận 12;

- Lưu: ...V3...D5



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Huỳnh Quang Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 309 /GXN-UBND-TNMT

Quận 12, ngày 17 tháng 01 năm 2017

BẢN SAO

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN “XÂY DỰNG MỞ RỘNG CƠ SỞ 1 TRƯỜNG TRUNG CẤP
KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12”**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc phân công Chủ tịch, các Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 25/TTr-TNMT ngày 12 tháng 01 năm 2017,

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng mở rộng cơ sở 1 Trường Trung cấp kinh tế - kỹ thuật Quận 12”: Ủy ban nhân dân Quận 12 xác nhận Ban Quản lý Đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng mở rộng cơ sở 1 Trường Trung cấp kinh tế - kỹ thuật Quận 12” tại địa chỉ số 592 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12 tại Ủy ban nhân dân Quận 12 vào ngày 26 tháng 12 năm 2016.

Ban Quản lý Đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.
3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu đối với các sự cố trong quá trình triển khai dự án, có các phương án ứng phó, khắc phục hậu quả khi sự cố xảy ra.

4. Tuân thủ các quy định hiện hành đối với việc xả nước thải vào nguồn nước.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án “Xây dựng mở rộng cơ sở 1 Trường Trung cấp kinh tế - kỹ thuật Quận 12” kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Ban Quản lý Đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện và được lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát.

Ghi chú: Giấy xác nhận này chỉ xác nhận về việc đăng ký thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của đơn vị, không có giá trị thay thế các giấy tờ pháp lý trong các lĩnh vực khác.

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND quận (PCT/ĐT);
- Phòng TNMT;
- UBND phường TMT;
- Ban QLĐT XD CCT thuộc Sở GDĐT;
- VP.HĐND và UBND quận;
- Lưu VT.
(TNMT/MT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đức

Số: 6314/GP-UBND-TNMT

Quận 12, ngày 18 tháng 8 năm 2020

GIẤY PHÉP
XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;
- Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;
- Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;
- Căn cứ Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Căn cứ Quyết định số 1111/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc phân công Chủ tịch, các Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;
- Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12 ngày 08 tháng 7 năm 2020 và các hồ sơ kèm theo;



Theo đề nghị của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1628/TTr-TNMT ngày 12 tháng 8 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cho phép Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12, địa chỉ trụ sở chính tại số 592 Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh; được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: công chung của khu vực.
2. Vị trí công trình xả nước thải: số 592 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh.
Tọa độ vị trí (VN 2000): X = 593.820, Y = 1.201.027
3. Phương thức và chế độ xả nước thải: tự chảy, xả thải liên tục.
4. Lưu lượng xả nước thải: Lớn nhất là 19m³/ngày đêm.
5. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải: nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1.
6. Thời hạn của giấy phép: 03 năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13; nghĩa vụ về nộp phí bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan theo quy định.
3. Thực hiện quan trắc nước thải như sau: Quan trắc lưu lượng nước thải xả ra nguồn tiếp nhận hàng ngày; quan trắc định kỳ theo tần suất 06 tháng/lần chất lượng nước thải sau xử lý tại vị trí cửa xả nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận với các thông số theo quy định tại khoản 5, Điều 1 của Giấy phép này.
4. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế, quy trình nêu trong hồ sơ, đảm bảo các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại khoản 5, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; vận hành việc xả thải hợp lý, phù hợp với điều kiện thủy văn khu vực, đảm bảo việc xả thải không gây ngập úng, ảnh hưởng đến tình trạng thoát nước chung của khu vực; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại khoản 5, Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Ủy ban nhân dân quận; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân quận trong trường hợp có sự cố gây ô nhiễm nguồn nước do việc xả nước thải gây ra.

6. Lập hồ sơ theo dõi tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc chất lượng nước thải và lưu lượng nước thải hàng ngày, định kỳ theo quy định tại khoản 3, Điều 2 của Giấy phép này.

7. Hằng năm (trước 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo gửi đến Ủy ban nhân dân quận về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định tại khoản 3, Điều 2 của Giấy phép này; tình hình thực hiện nghĩa vụ về nộp phí bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan theo quy định.

8. Thực hiện đúng quy định nêu trong giấy phép và các quy định hiện hành khác của nhà nước có liên quan.

Điều 3. Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12 được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1, Điều 38 của Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12 còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./

Nơi nhận:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND quận (PCT.ĐT);
- Phòng TNMT;
- UBND phường Trung Mỹ Tây;
- Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12;
- VP.HĐND và UBND quận; *thư*
- Lưu VT
(TNMT/MT). *thư*



Nguyễn Văn Đức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN
CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT
Số: 41/2023/HD-CTRSH-TC

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội;
Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội;
Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều;

Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt;

Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố và bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật quy định phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và giá tối đa dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước ban hành kèm theo tại Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Quyết định số 1425/QĐ-STNMT-CTR ngày 02/10/2018 của Sở TNMT về Quy trình kỹ thuật cung ứng dịch vụ chất thải rắn sinh hoạt;

Quyết định số 9157/UBND-TC ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân Quận 12 Về việc triển khai giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt năm 2023 trên địa bàn Quận 12;

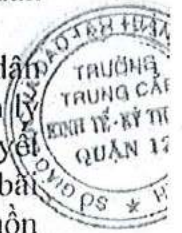
Các văn bản khác có liên quan.

PHẦN II. ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại Văn phòng Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 12, chúng tôi gồm:

BÊN THUÊ DỊCH VỤ (Bên A): TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12.

- Đại diện: Ông Trần Nguyên Thục
- Chức vụ: Hiệu Trưởng
- Địa chỉ: Số 592 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 028.3718.9289



- Mã số thuế: 0306560658
BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (Bên B): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 12.

- Đại diện: Ông Lê Tấn Tài
 - Chức vụ: Giám đốc.
 - Địa chỉ: Số 327, đường Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (028) 3717 0583

- Mã số thuế: 0301448003

Hai Bên cùng thỏa thuận với các nội dung sau:

PHẦN III. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Hôm nay, tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12, Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) tại nguồn, theo đó Bên A thuê Bên B thực hiện các công việc của hợp đồng này với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Nội dung và yêu cầu thực hiện Hợp đồng.

1.1 Nội dung Hợp đồng:

Bên A đồng ý thuê dịch vụ Bên B và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH tại nguồn với các nội dung cơ bản như sau:

a) Thu gom CTRSH tại 02 địa điểm: Số 592 Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Thời gian thực hiện thu gom trong khoảng từ 06 giờ đến 18 giờ.

c) Tần suất lấy rác: 03 lần/tuần.

d) Khối lượng rác khoán: 4.500 kg/tháng.

d) Phương tiện thu gom: Xe ép rác chuyên dụng.

1.2 Yêu cầu công việc:

Sử dụng xe ép rác chuyên dụng hoặc xe tải theo quy định dùng để thu gom toàn bộ CTRSH tại nguồn (trừ chất thải rắn công kênh) của Bên A và vận chuyển toàn bộ về điểm hẹn hoặc các Trạm trung chuyển theo đúng quy định.

Điều 2. Giá trị Hợp đồng và phương thức thanh toán.

2.1 Đơn giá thu gom, vận chuyển CTRSH: (Giá chưa bao gồm thuế VAT)

- Thu gom tại nguồn CTRSH : 364 đồng/kg.

- Thu hộ phí vận chuyển CTRSH: 135,6 đồng/kg.

2.2 Giá trị thu gom, thu hộ phí vận chuyển CTRSH hàng tháng:

Stt	Danh mục	Khối lượng (kg)	Đơn giá (đồng/kg)	Thành tiền (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)*(4)
1	Giá trị thu gom	4.500	364	1.638.000
	Thuế VAT 10%			163.800
	Tổng (1)			1.801.800
2	Giá trị thu hộ phí vận chuyển	4.500	135,6	610.200
	Thuế VAT 10%			61.020
	Tổng (2)			671.220
3	Cộng (1) + (2)			2.473.020

Bảng chữ: Hai triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn không trăm hai mươi đồng

⇒ Tổng giá trị thu hộ phí vận chuyển CTRSH nộp về Ủy ban nhân dân phường Trung Mỹ Tây.

Phương thức thanh toán: Sau khi Bên B gửi hóa đơn tài chính hợp lệ, Bên A sẽ thanh toán giá thu gom, vận chuyển CTRSH theo quý (3 tháng) bằng Chuyển khoản thông qua tài khoản ngân hàng:

- Chủ tài khoản: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 12.
- Số tài khoản: 060125699548
- Tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), PGD Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nội dung chuyển khoản: Nộp theo HĐ số 41/2023/HĐ-CTRSH-TC. ✓

Điều 3: Thời gian thực hiện Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện hợp đồng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Điều 4. Các trường hợp điều chỉnh Hợp đồng.

- Điều chỉnh mức phí thu gom, vận chuyển theo các quy định của thành phố.
- Thay đổi thời gian giao nhận và tần suất thu gom CTRSH.
- Bên A có nhu cầu thu gom CTRSH ngoài số lần nêu tại Khoản 1.1 Điều 1 hoặc khối lượng trong tháng phát sinh cao hơn khối lượng nêu tại Khoản 1.1 Điều 1 của Hợp đồng (phần phát sinh $\geq 10\%$) thì Bên A phải hỗ trợ cho Bên B phần chi phí phát sinh này theo đơn giá thỏa thuận giữa hai bên.

- Khi hai bên có sự thay đổi phải thông báo trước 10 ngày để thỏa thuận ký lại hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng. Trong thời gian 10 ngày phải hoàn thiện hợp đồng đã điều chỉnh. Đồng thời, vẫn phải đảm bảo việc thu gom CTRSH tại nguồn.

- Các nội dung khác tùy vào nhu cầu và khả năng của 02 bên.

Điều 5: Quyền và trách nhiệm của Bên B.

- Chịu trách nhiệm lấy CTRSH và đảm bảo đúng thời gian, tần suất theo quy định.
- Đảm bảo sử dụng phương tiện thu gom tại nguồn và toàn bộ quá trình vận chuyển, đổ chất thải đúng theo quy định về cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường trong lĩnh vực thu gom, vận chuyển CTRSH tại nguồn của Thành phố.

- Bên B có quyền không thực hiện thu gom chất thải không phải là CTRSH và không thực hiện phân loại chất thải theo đúng quy định. Sau ba (03) lần nhắc nhở mà vẫn không thực hiện việc phân loại CTRSH đúng quy định thì Bên B báo cáo về Ủy ban nhân dân Phường để có biện pháp xử lý theo quy định.

- Đối với giá thu gom tại Khoản 2.2 Điều 2, Bên B thực hiện nộp thuế GTGT theo quy định; Đối với giá vận chuyển CTRSH tại Khoản 2.3 Điều 2, Bên B thu hộ giá dịch vụ vận chuyển và thuế GTGT của Bên A và có trách nhiệm lập ủy nhiệm chi chuyển hết số tiền thu hộ giá dịch vụ vận chuyển đã thu được về Ủy ban nhân dân phường Trung Mỹ Tây theo Công văn số 9157/UBND-TC ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân Quận 12 theo đúng quy định.

Điều 6: Quyền và trách nhiệm của Bên A.

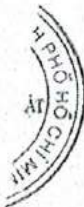
- Thực hiện phân loại, không trộn lẫn chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn xây dựng với CTRSH theo quy định.

- Sử dụng dụng cụ lưu chứa, lưu giữ CTRSH phù hợp với công nghệ thu gom, vận chuyển và để rác đúng vị trí đã thỏa thuận, thống nhất với Bên B.

- Thanh toán theo đúng như thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng này.

Điều 7: Giải quyết tranh chấp Hợp đồng.

- Khi có tranh chấp Hợp đồng, hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng.



- Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được, thì tranh chấp được giải quyết tại Tòa án nhân dân Quận 12 theo quy định của pháp luật, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên. Chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa án do bên có lỗi chịu.

Điều 8: Chấm dứt Hợp đồng.

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Bên B không còn điều kiện cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH.

- Bên A hết nhu cầu sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH và đề nghị

Bên B chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản.

- Hai bên thỏa thuận thay thế bằng một Hợp đồng khác.

- Một bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng.

Điều 9. Điều khoản chung.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng này.

- Trường hợp các quy định pháp luật liên quan có thay đổi, hai bên thực hiện

Hợp đồng theo tinh thần của văn bản pháp luật có hiệu lực mới nhất.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, có giá trị pháp lý như nhau và được lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản. /:/:/



Trần Nguyên Thục



Lê Tấn Tài



ISO
9001
Quality
Management

ISO
14001
Environmental
Management

OHSAS
18001
Occupational
Health & Safety
Management



ANAB
ACCREDITED

ISO 9001
ISO 14001
OHSAS 18001

NH – OANH/THN

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 1572/HD.MTĐT-NH/23.4.VX

V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại do Tổng Cục Môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/01/2020 (cấp lần hai), mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX;

Căn cứ Hợp đồng liên kết số 2086/HĐ.MTĐT-THN/17.V ký ngày 02/02/2017 và Phụ lục Hợp đồng số 1413/PL.MTĐT-THN/22.V ký ngày 15/09/2022 giữa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Tp.HCM và Công ty TNHH MTV Môi trường Tân Hồng Ngọc v/v thu gom, vận chuyển và xử lý;

Căn cứ Quyết định số 3170/QĐ-SGDDT ngày 30/12/2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2023, chúng tôi gồm có:

BÊN A: TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12

(Chủ nguồn thải)

Địa chỉ : 592 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp.HCM.

Điện thoại : 028 3718 9289

Mã số thuế : 0306560658

Tài khoản : 9527.2.1038348 tại Kho bạc Nhà nước Quận 12, Tp. HCM.

Đại diện : Ông **TRẦN NGUYỄN THỰC** Chức vụ: Hiệu Trưởng

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP HCM

(Chủ xử lý CTNH)

Địa chỉ : 42 – 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : 028.38 208 666

Fax: 028.38 202 769

Mã số thuế : 0300438813

Số tài khoản : 310 1000000 5651 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM.

Đại diện : Ông **TRẦN VĂN QUÂN** Chức vụ: Phó Giám Đốc

(Căn cứ Giấy ủy quyền số 01/GUQ-MTĐT ngày 01 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị TP.HCM)





Sau khi thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với các điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ

Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) cho Bên A:

1.1. Thời gian, tần suất, địa điểm thu gom CTNH

- Thời gian: Theo yêu cầu của chủ nguồn thải (trễ nhất trước 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng).
- Tần suất thu gom: 1 lần/năm và bên A thông báo cho bên B trước 07 ngày tính từ ngày thu gom.
- Địa điểm thu gom chất thải nguy hại: 592 Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp.HCM.

1.2. Phương tiện vận chuyển và địa điểm xử lý

- Đơn vị liên kết vận chuyển: Công ty TNHH MTV Môi trường Tân Hồng Ngọc
- Liên hệ: Ms Hồng Số điện thoại: 0916327389
- Phương tiện vận chuyển: xe chuyên dùng biển kiểm soát: 51C – 21759; 51C – 05012; 51C – 05013; 51C – 81460; 51C – 32520; 51C – 68599; 51D – 40713; 51D – 29933.
- Địa điểm xử lý: Nhà máy xử lý CTNH tại Đông Thạnh.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Danh sách các loại CTNH cần xử lý và đơn giá:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Điều kiện lưu chứa
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	Chứa trong bao riêng biệt
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 04	Chứa trong thùng riêng biệt
3	Giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	Chứa trong bao riêng biệt
4	Pin thải	Rắn	19 06 01	Chứa trong bao riêng biệt
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	Rắn	16 01 13	Chứa trong bao riêng biệt
6	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	Chứa trong bao riêng biệt
Tổng khối lượng			50 kg/năm	

2.2. Giá trị hợp đồng: Khoản 5.000.000 vnd/năm (Dịch vụ chưa bao gồm thuế VAT).

Bằng chữ: Năm triệu đồng.



ISO
9001
Quality
Management

ISO
14001
Environmental
Management

OHSAS
18001
Occupational
Health & Safety
Management



ANAB
ACCREDITED
MANAGEMENT SYSTEMS
CERTIFICATION BODY

NH – OANH/THN

Nếu bên A không bàn giao chất thải khi bên B đến thu gom mà không thông báo trước cho bên B (bằng văn bản) thì bên A vẫn phải thanh toán chi phí trên cho bên B.

Trường hợp phát sinh:

Nếu tổng khối lượng chất thải nguy hại bàn giao > 50 kg/năm (Trong đó bóng đèn > 05 kg/năm và các chất thải nguy hại khác > 45 kg/năm) thì chi phí xử lý cho phần thu gom vận chuyển xử lý khối lượng chất thải phát sinh sẽ được tính là:

Chi phí xử lý phát sinh = khối lượng bóng đèn huỳnh quang thải phát sinh x 50.000 vnd/kg.
+ khối lượng các chất thải nguy hại khác x 20.000 vnd/kg.

Chi phí vận chuyển phát sinh từ chuyến thứ 2 trở đi (nếu có) là: 1.000.000 vnd/chuyến.

2.3. Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

Bên A thanh toán 100% giá trị khoản là: **5.000.000 vnd** (Bằng chữ: Năm triệu đồng) và thuế giá trị gia tăng VAT (Thuế VAT được áp dụng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản pháp lý về thuế có hiệu lực hiện hành) trong vòng 30 ngày sau khi ký hợp đồng.

Hoá đơn tài chính sẽ được Bên B chuyển giao cho Bên A trong vòng 15-30 ngày kể từ ngày thanh toán cho Bên B.

Sau mỗi đợt chuyển giao CTNH, hai bên sẽ lập biên bản giao nhận, xác nhận khối lượng đã chuyển giao và làm cơ sở tính toán chi phí thu gom vận chuyển và xử lý phát sinh (nếu có).

Chi phí thu gom vận chuyển và xử lý phát sinh quy định ở điều 2.2 sẽ được thanh toán trong vòng 15 ngày sau khi Bên A nhận được hóa đơn tài chính từ Bên B.

Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Thông tin chuyển khoản:

- Chủ tài khoản: Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM
- Số tài khoản: **310 1000000 5651** – Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

Khi thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, Bên A chịu phí khi chuyển khoản và ghi đầy đủ nội dung chuyển khoản theo cú pháp như sau: "**Công Ty ... thanh toán Hợp đồng số ... (hoặc hóa đơn số) ... Về việc ...**"

Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM 2 BÊN

Bên A

1. Phải cung cấp bản sao sổ chủ nguồn thải, báo cáo, chứng từ quản lý CTNH và/ hoặc các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
2. Nơi lưu giữ CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy, mỗi loại CTNH phải được lưu giữ vào phương tiện chứa CTNH riêng biệt bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng. Bên A có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có).

9TH
HƯỚNG
NG C
TỔNG
CỤN
PS *



3. Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu Bên A. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của bên B.
4. Thông báo trước cho bên B trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí vận chuyển phát sinh (nếu có) do bên A chịu.
5. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của hợp đồng đã ký.
6. Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý khác.
7. Phải bàn giao đúng khối lượng và chủng loại CTNH theo biên bản thống nhất xác định khối lượng và chủng loại phát sinh tại chủ nguồn thải.
8. Bàn giao CTNH đúng thời hạn theo hợp đồng. Thời điểm cuối cùng bên A chuyển giao CTNH ít nhất trước 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng để hai bên có đủ thời gian hoàn thiện giấy tờ pháp lý liên quan.
9. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
10. Thanh toán chi phí thực hiện đúng thời hạn theo Điều 2.

Bên B

1. Ký vào chứng từ CTNH, biên bản giao nhận trên mỗi chuyến.
2. Phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu.
3. Vận chuyển, xử lý CTNH cho Bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.
4. Thu gom CTNH của bên A đã được chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của bên B.
5. Đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
6. Trong vòng 05 (năm) tuần sau khi nhận chất thải phải giao trả cho Bên A chứng từ CTNH đã xử lý. Nếu bên A vi phạm điều khoản thanh toán, hoặc gửi chứng từ trễ (chứng từ đã ký tên, đóng dấu) thì thời gian trả chứng từ sẽ cộng thêm tương ứng với thời gian bên A chậm thanh toán/ gửi chứng từ trễ.
7. Trong trường hợp xe hư hỏng, sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (48 giờ).
8. Từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.
9. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty
10. Có quyền từ chối tiếp nhận vận chuyển nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng theo Điều 2.



ISO
9001
Quality
Management

ISO
14001
Environmental
Management

OHSAS
18001
Occupational
Health & Safety
Management



NH – OANH/THN

ĐIỀU 4: GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH

- 4.1. Đối với bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng CTNH tăng quá nhiều, cần phải báo ngay cho bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyên để giải quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở Điều 1 (Báo trước 02 ngày về số Điện thoại: 0916327389 – Ms Hồng).
- 4.2. Đối với bên B, trong trường hợp máy móc, phương tiện gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho bên A, và tìm biện pháp giải quyết kịp thời, không để CTNH ứ đọng làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường trong khu vực của bên A.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 5.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ kết thúc vào ngày 31/12/2023.
- 5.2. Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trước thời hạn trong những trường hợp sau:
 - Nếu các bên đồng ý chấm dứt bằng văn bản.
 - Nếu bất cứ vi phạm trách nhiệm theo điều 3 không được khắc phục trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục từ Bên không vi phạm.
 - Bên A vi phạm điều khoản thanh toán theo Điều 2.
 - Bên A vi phạm bàn giao CTNH cho bên B theo Điều 1.
- 5.3. Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng Bên không vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên vi phạm và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
- 5.4. Bên B sẽ không hoàn trả số tiền bên A thanh toán trước (nếu có) nếu bên A vi phạm và hợp đồng chấm dứt trước thời hạn.
- 5.5. Trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo cho bên kia biết trước 01 (một) tháng.



ĐIỀU 6: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 6.1. Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- 6.2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1. Bất khả kháng là những sự kiện khách quan nằm ngoài sự kiểm soát của các bên bao gồm nhưng không giới hạn ở: dịch bệnh, động đất, bão, lũ lụt, gió lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hay đe dọa chiến tranh... hoặc các thảm họa khác không thể lường trước được; hoặc sự thay đổi của luật pháp bởi chính quyền Việt Nam.
- 7.2. Khi một bên không thể thực hiện tất cả hay một phần của nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra một cách trực tiếp, Bên này sẽ không được xem là vi phạm Hợp đồng nếu đáp ứng được tất cả những điều kiện sau:
 - Bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp của sự gián đoạn hoặc trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ;



- Bên bị gặp phải sự kiện bất khả kháng đã nỗ lực để thực hiện nghĩa vụ của mình và giảm thiểu thiệt hại gây ra cho Bên kia bởi sự kiện bất khả kháng.
- 7.3. Tại thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia cũng như cung cấp văn bản thông báo và giải thích về lý do gây ra sự gián đoạn hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

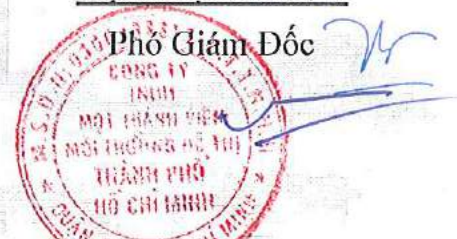
- 8.1. Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và 2 bên cùng có lợi.
- 8.2. Hợp đồng này tự thanh lý khi không còn bất kì tồn đọng, vướng mắc nào và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng theo điều 5.
- 8.3. Hợp đồng được lập thành 06 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau; bên A giữ 02 bản và bên B giữ 04 bản.
- 8.4. Hợp đồng này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai Bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A



TRẦN NGUYỄN THỤC

ĐẠI DIỆN BÊN B



TRẦN VĂN QUÂN



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - SỐ TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 688075

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12

Mã số thuế (Tax code): 0306560658

Địa chỉ (Address): 592 NGUYỄN ANH THỦ, PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY, QUẬN 12

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000348269

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
I	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2023 từ ngày 01/04/2023 đến ngày 15/04/2023 (kèm theo bảng kê số 576451310 ngày 15 tháng 04 năm 2023)	kWh	14.430	-	26.363.610
Cộng tiền hàng (Total amount):					26.363.610
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.636.361
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 28.999.971
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi tám triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 15/04/2023 16:17:44



CHI NIẢNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD
Số (No): 689120

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12

Mã số thuế (Tax code): 0306560658

Địa chỉ (Address): 592 NGUYỄN ÁNH THỦ, PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY, QUẬN 12

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000348269

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2023 từ ngày 16/04/2023 đến ngày 30/04/2023 (kèm theo bảng kê số 576725858 ngày 30 tháng 04 năm 2023)	kWh	12.443	-	22.733.361
Cộng tiền hàng (Total amount):					22.733.361
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.273.336
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 25.006.697

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi lăm triệu không trăm linh sáu nghìn sáu trăm chín mươi bảy đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 30/04/2023 17:53:10



CHI NIÊN TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD
Số (No): 886590

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12

Mã số thuế (Tax code): 0306560658

Địa chỉ (Address): 592 NGUYỄN ẦNH THỦ, PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY, QUẬN 12

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000348269

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2023 từ ngày 01/05/2023 đến ngày 15/05/2023 (kèm theo bảng kê số 579428446 ngày 15 tháng 05 năm 2023)	kWh	9.217	-	17.146.539
Cộng tiền hàng (Total amount):					17.146.539
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 1.714.654
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 18.861.193
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Mười tám triệu tám trăm sáu mươi một nghìn một trăm chín mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer):

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: GN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 15/05/2023 16:19:48



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bán thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD
Số (No): 887521

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12

Mã số thuế (Tax code): 0306560658

Địa chỉ (Address): 592 NGUYỄN ẨM THỦ, PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY, QUẬN 12

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000348269

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2023 từ ngày 16/05/2023 đến ngày 31/05/2023 (kèm theo bảng kê số 579725929 ngày 31 tháng 05 năm 2023)	kWh	13.791	-	25.692.633
Cộng tiền hàng (Total amount):					25.692.633
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.569.263
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 28.261.896
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi tám triệu hai trăm sáu mươi một nghìn tám trăm chín mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 31/05/2023 19:17:35



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-025

Địa chỉ (Address): Số 246 Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN PHÚ ĐÔNG - Số TK: 0271005466001 - Tại
NH: NH TMCP An Bình-PGD Bắc SG



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 15 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu (Serial): 1K23TPD

Số (No): 1076480

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12

Mã số thuế (Tax code): 0306560658

Địa chỉ (Address): 592 NGUYỄN ANH THỦ, PHƯỜNG TRUNG MỸ TÂY, QUẬN 12

Mã khách hàng (Customer's Code): PE16000348269

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2023 từ ngày 01/06/2023 đến ngày 15/06/2023 (kèm theo bảng kê số 582333429 ngày 15 tháng 06 năm 2023)	kWh	11.145	-	20.763.135
Cộng tiền hàng (Total amount):					20.763.135
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 2.076.314
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 22.839.449
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi hai triệu tám trăm ba mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN Tổng Cty Điện lực Tp.HCM
TNHH - Công ty Điện lực An Phú Đông
Ngày ký: 15/06/2023 15:44:40

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

DIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 01726742

THÁNG: 3 (20/02/2023 - 20/03/2023)

KHÁCH HÀNG: TRUONG TRUNG CAP KINH TE - KY THUAT QUAN 12

ĐỊA CHỈ: 592 NGUYEN ANH THU, PHUONG TRUNG MY TAY, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2201 322 2657

MÃ SỐ THUẾ: 0306560658

SHĐ:

MLT: TA35.2217.3225

MGB: 31

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 9760

CHỈ SỐ CŨ: 9327

TIÊU THỤ (m3): 433

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	433	13.000	5.629.000	281.450	1.125.800	112.580
Dịch vụ thoát nước	433	2.600	Tổng số tiền thanh toán: 7.148.830			
			Số tiền bằng chữ: Bảy triệu một trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm ba mươi đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 592 NGUYEN ANH THU, PHUONG TRUNG MY TAY, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 03 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 22/03/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3,
TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 02337514

THÁNG: 4 (20/03/2023 - 20/04/2023)

KHÁCH HÀNG: TRUONG TRUNG CAP KINH TE - KY THUAT QUAN 12

ĐỊA CHỈ: 592 NGUYEN ANH THU, PHUONG TRUNG MY TAY, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2201 322 2657

MÃ SỐ THUẾ: 0306560658

SHĐ:

MLT: TA35.2217.3225

MGB: 31

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 10263

CHỈ SỐ CŨ: 9760

TIÊU THỤ (m³): 503

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	503	13.000	6.539.000	326.950	1.307.800	130.780
Dịch vụ thoát nước	503	2.600	Tổng số tiền thanh toán: 8.304.530			
			Số tiền bằng chữ:			
			Tám triệu ba trăm lẻ bốn nghìn năm trăm ba mươi đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 592 NGUYEN ANH THU, PHUONG TRUNG MY TAY, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 04 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Ký ngày: 21/04/2023

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV

Số 1 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

DIỆN THOẠI: (028) 3829 1777 - FAX: (028) 3824 4644

MÃ SỐ THUẾ: 0301129367

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA
TĂNG
(TIỀN NƯỚC)

Ký hiệu: 1K23TCT

Số: 02871184

THÁNG: 5 (20/04/2023 - 20/05/2023)

KHÁCH HÀNG: TRUONG TRUNG CAP KINH TE - KY THUAT QUAN 12

ĐỊA CHỈ: 592 NGUYEN ANH THU, PHUONG TRUNG MY TAY, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

SDB: 2201 322 2657

MÃ SỐ THUẾ: 0306560658

SHĐ:

MLT: TA35.2217.3225

MGB: 31

ĐMKH: 0

MTT:

CHỈ SỐ MỚI: 622

CHỈ SỐ CŨ: 263

TIÊU THỤ (m3): 359

Tiền nước	Lượng nước tiêu thụ (m ³)	Đơn giá (đồng/m ³)	Tiền nước		Tiền dịch vụ thoát nước	
			Thành tiền	Thuế GTGT (5%)	Thành tiền	Thuế GTGT (10%)
			(1)	(2)	(3)	(4)
	359	13.000	4.667.000	233.350	933.400	93.340
Dịch vụ thoát nước	359	2.600	Tổng số tiền thanh toán: 5.927.090			
			Số tiền bằng chữ: Năm triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn không trăm chín mươi đồng.			

Địa chỉ lắp đặt đồng hồ nước: 592 NGUYEN ANH THU, PHUONG TRUNG MY TAY, QUAN 12, TP. HO CHI MINH, VN

Ghi chú: Tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 06 năm 2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 22 tháng 05 năm 2023

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TNHH MTV
Ký ngày: 22/05/2023

Số: 5676/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng
và công nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Kết luận số 386-KL/TU ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ban Thường vụ Thành ủy về Đề án sắp xếp lại các Ban Quản lý các dự án của thành phố, quận - huyện, Ban Quản lý đầu tư các khu đô thị, Ban Quản lý đầu tư các dự án ODA;

Căn cứ Quyết định số 4719/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án sắp xếp lại các Ban Quản lý các dự án của thành phố, quận - huyện, Ban Quản lý đầu tư các khu đô thị, Ban Quản lý đầu tư các dự án ODA;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4484/TTr-SNV ngày 22 tháng 11 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố trên cơ sở hợp nhất Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Y tế, Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và sáp nhập vào Ban Quản lý Đầu tư - Xây dựng công trình Nâng cấp đô thị, do Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp quản lý.

Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

Trụ sở đặt tại: số 5 Phùng Khắc Khoan, phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ban có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng nhà nước để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp

1. Vị trí

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, hoạt động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định, chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự kiểm tra, thanh tra và hướng dẫn về chuyên môn của Sở quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

2. Chức năng

- Làm chủ đầu tư một số dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp và các dự án khác sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi được giao;

- Tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn để đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, Ban quản lý dự án quy định tại Điều 68, Điều 69 của Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014 và quy định của pháp luật có liên quan;

- Bàn giao công trình xây dựng hoàn thành cho chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình khi kết thúc xây dựng hoặc trực tiếp quản lý, khai thác sử dụng công trình hoàn thành theo yêu cầu của người quyết định đầu tư;

- Nhận ủy thác quản lý dự án của các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu và có đủ năng lực để thực hiện trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ quản lý các dự án đã được giao;

- Đầu tư xây dựng các dự án (theo chức năng, lĩnh vực chuyên môn của Ban) bằng các nguồn vốn huy động theo phương thức xã hội hóa, hợp tác công tư hoặc phương thức khác được pháp luật cho phép;

- Thực hiện các chức năng khác khi được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn

a) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng gồm:

- Lập kế hoạch dự án: lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm, trong đó phải xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện;

- Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng; thực hiện các thủ tục liên quan đến quy hoạch xây dựng, sử dụng đất đai, tài nguyên, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ cảnh quan, môi trường, phòng chống cháy nổ có liên quan đến xây dựng công trình; tổ chức lập dự án, trình thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định; tiếp nhận, giải ngân vốn đầu tư và thực hiện các công việc chuẩn bị dự án khác;

- Các nhiệm vụ thực hiện dự án: thuê tư vấn thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng và trình thẩm định, phê duyệt hoặc tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng (theo phân cấp); chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có) và thu hồi, giao nhận đất để thực hiện dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; giám sát quá trình thực hiện; giải ngân, thanh toán theo hợp đồng xây dựng và các công việc cần thiết khác;

- Các nhiệm vụ kết thúc xây dựng, bàn giao công trình để vận hành, sử dụng: tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành; vận hành chạy thử; quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình và bảo hành công trình;

- Các nhiệm vụ quản lý tài chính và giải ngân: tiếp nhận, giải ngân vốn theo tiến độ thực hiện dự án và hợp đồng ký kết với nhà thầu xây dựng; thực hiện chế độ quản lý tài chính, tài sản của Ban quản lý dự án theo quy định;

- Các nhiệm vụ hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình: tổ chức văn phòng và quản lý nhân sự Ban quản lý dự án; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, viên chức thuộc phạm vi quản lý; thiết lập hệ thống thông tin nội bộ và lưu trữ thông tin; cung cấp thông tin và giải trình chính xác, kịp thời về hoạt động của Ban quản lý dự án theo yêu cầu của người quyết định đầu tư và của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Các nhiệm vụ giám sát, đánh giá và báo cáo: thực hiện giám sát đánh giá đầu tư theo quy định pháp luật; định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện dự án với người quyết định đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng gồm:

- Tổ chức thực hiện các nội dung quản lý dự án theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

- Phối hợp hoạt động với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án để bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn và bảo vệ môi trường;

- Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án khác do người quyết định đầu tư, chủ đầu tư giao hoặc ủy quyền thực hiện.

c) Nhận ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ký kết với các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu, phù hợp với năng lực hoạt động của mình.

d) Giám sát thi công, tư vấn xây dựng công trình khi đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật.

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 3. Về tổ chức bộ máy

1. Lãnh đạo Ban

- Ban có Giám đốc và không quá 03 Phó Giám đốc.
 - Giám đốc là người đứng đầu, chỉ đạo, điều hành toàn diện các mặt hoạt động của đơn vị, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của đơn vị.
 - Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc chỉ đạo một số lĩnh vực công tác, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, Phó Giám đốc được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các hoạt động của đơn vị.
 - Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách đối với Giám đốc Sở và Phó Giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý cán bộ của thành phố.
 - Giám đốc quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng và phó của cấp trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ban theo quy định hiện hành.
- Riêng những vấn đề phát sinh ngoài nhiệm vụ, quyền hạn của Ban thì Giám đốc Ban sẽ xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố trước khi thực hiện.

2. Các tổ chức trực thuộc Ban

- Văn phòng;
- Phòng Kế hoạch và Đầu tư;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Kỹ thuật - Chất lượng;
- Phòng Chính sách - Pháp chế;
- Các Ban Quản lý dự án trực thuộc;
- Các đơn vị trực thuộc (nếu có).

Trong quá trình hoạt động, căn cứ quy mô, số lượng, điều kiện cụ thể của các dự án được giao quản lý. Giám đốc Ban quyết định tổ chức số lượng và tên gọi các phòng (ban) trực thuộc.

Số lượng người làm việc của Ban được xác định trên cơ sở Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được phê duyệt.

Điều 4. Số lượng người làm việc được chuyển giao nguyên trạng về Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp chịu trách nhiệm sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí nhân sự các phòng, ban của đơn vị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả trên cơ sở Đề án vị trí việc làm.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các Ban Quản lý dự án tiếp tục khẩn trương thực hiện thanh, quyết toán hoàn tất công trình cũng như thực hiện dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ tài liệu, hồ sơ, pháp nhân đối với dự án, đến thời điểm bàn giao, các Ban Quản lý dự án bàn giao theo nguyên tắc “nguyên canh nguyên cư” cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp để tiếp tục thực hiện thanh, quyết toán hoàn tất công trình theo nguyên tắc kế thừa trách nhiệm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của dự án đã thực hiện, nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện dự án cho đến thời điểm bàn giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

2. Thời gian thực hiện việc chuyển tiếp là 03 tháng, kể từ khi quyết định này có hiệu lực. Các Ban Quản lý dự án sử dụng con dấu đến thời điểm hoàn thành bàn giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp và phải nộp lại con dấu cho Công an thành phố theo quy định. Trong quá trình bàn giao, việc thi công công trình vẫn đảm bảo xuyên suốt, liên tục, không gián đoạn. Lãnh đạo Ban hiện hữu có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, giải quyết khó khăn vướng mắc cho các dự án phụ trách cho đến khi hoàn tất việc bàn giao.

3. Trong giai đoạn đầu, để giải quyết chế độ chính sách, tạo điều kiện ổn định đi vào hoạt động, số lượng cấp phó lãnh đạo Ban có thể vượt quá số lượng quy định và sẽ giảm dần để đảm bảo thực hiện đúng quy định.

4. Đối với những trường hợp đã được bổ nhiệm giữ chức vụ người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị trước ngày Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp có hiệu lực, nếu sau khi sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu tổ chức của các đơn vị để thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp mà thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc được bổ nhiệm vào chức vụ mới có phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ thì được hưởng bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo quy định tại Quyết định số 140/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với các chức danh lãnh đạo trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại bộ máy.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan để tổ chức sắp xếp lại lực lượng công chức, viên chức; hướng dẫn thực hiện tinh giản số lượng người làm việc của các đơn vị;

- Hướng dẫn Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm, Quy chế tổ chức và hoạt động trình các cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật;

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc Ban. Thực hiện bổ nhiệm Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp theo đúng thẩm quyền được ủy quyền;

- Hướng dẫn Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp giải quyết các nội dung có liên quan tới chế độ chính sách đối với công chức, viên chức, lao động hợp đồng sau khi thành lập.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các đơn vị chuyển chủ đầu tư các dự án đang thực hiện, thanh quyết toán các dự án đã xây dựng xong;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước thành phố hướng dẫn các sở - ngành, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện trình tự, thủ tục thanh quyết toán các dự án thực hiện đến thời điểm bàn giao; rà soát tổng hợp tài chính, tài sản, công nợ (nếu có) để bàn giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;

- Chủ trì, phối hợp các sở - ngành, đơn vị có liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố cân đối, bố trí kinh phí để Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp hoạt động ổn định, hiệu quả theo Đề án thành lập. Hướng dẫn Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp về thủ tục, hồ sơ theo quy định trong việc tiếp nhận, bàn giao quản lý tài chính, tài sản; xây dựng Quy chế quản lý tài chính trình cấp có thẩm quyền quyết định và giải quyết các nội dung liên quan tài chính, tài sản theo đúng quy định của pháp luật;

- Với vai trò là cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo 167 thành phố, trên cơ sở đề xuất của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan bố trí, sắp xếp trụ sở của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp (nếu có).

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở - ngành, đơn vị liên quan có dự án sử dụng nguồn vốn ODA làm việc với các Nhà tài trợ vốn ODA để thông báo kết quả tổ chức lại các Ban Quản lý dự án và thống nhất các nội dung, thủ tục cần triển khai với các Nhà tài trợ sau khi Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp được thành lập.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Xây dựng kế hoạch đầu tư dự án xây dựng các công trình trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan hướng dẫn các đơn vị rà soát trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao chủ đầu tư dự án, chuyển chủ đầu tư các dự án đã và đang thực hiện (bao gồm cả các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng chưa quyết toán và các tài khoản chưa tất toán tại cơ quan thanh toán).

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở - ngành, đơn vị liên quan có dự án sử dụng nguồn vốn ODA làm việc với các Nhà tài trợ vốn ODA để thông báo kết quả tổ chức lại các Ban Quản lý dự án và thống nhất các nội dung, thủ tục cần triển khai với các Nhà tài trợ sau khi Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp được thành lập.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ các qui định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp đô thị, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Y tế, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, Thủ trưởng các sở - ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- BQLDAĐT xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp thành phố;
- Công an thành phố;
- Kho bạc nhà nước thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nội vụ (3b);
- VPUB: các PCVP;
- Các Phòng Chuyên viên;
- Lưu: VT, (VX/Dn) TV.35

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Phong

PQT/Số: HA.21.3252

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12**
 Số 592, Đường Nguyễn Ảnh Thủ, Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp.HCM
2. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
HA.21.3252	Khu vực cổng	Theo phương pháp thử

3. Ngày nhận mẫu: 05/07/2021

Ngày trả kết quả: 12/07/2021

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
1	Bụi ^(*)	mg/m ³	TCVN 5067 – 1995
2	Độ ồn ^(*)	dBA	TCVN 7878 – 2 – 2010
3	SO ₂ ^(*)	mg/m ³	TCVN 5971 – 1995
4	NO ₂ ^(*)	mg/m ³	TCVN 6137 – 2009
5	CO ^(*)	mg/m ³	HD – CO

5. Kết quả thử nghiệm:

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
HA.21.3252	60,1	0,11	0,060	0,052	<6
QCVN 26:2010/BTNMT	6h – 21h: 70 21h – 6h: 55	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT	--	0,3	0,35	0,2	30

 Ghi chú: ^(*) Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Phòng Thử Nghiệm


 Nguyễn Thùy Diễm



PQT/Số: HA.21.3253

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng: **TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12**
Số 592, đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp.HCM
- Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
HA.21.3253	Tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải	Theo TCVN 5999 – 1995, TCVN 6663 – 3:2016, TCVN 6663 – 1:2011, TCVN 8880 - 2011

3. Ngày nhận mẫu: 05/07/2021

Ngày trả kết quả: 12/07/2021

4. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột B
				HA.21.3253	
1	pH ^(*)	--	TCVN 6492 – 2011	6,81	5 – 9
2	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625 – 2000	17	100
3	BOD ₅ ^(*)	mgO ₂ /L	TCVN 6001 – 1 – 2008	29	50
4	COD ^(*)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220 – C – 2017	58	--
5	N-NO ₃ ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E-2017	14,3	50
6	P-PO ₄ ³⁻ (*)	mg/L	TCVN 6202 – 2008	3,6	10
7	N-NH ₄ ⁺ (*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F-2017	3,9	10
8	Tổng Coliform ^(*)	MPN/100ml	TCVN 6187 – 2 – 1996	4.600	5.000

 Ghi chú: ^(*)Chỉ tiêu được chứng nhận Vimecerts

Phòng Thử Nghiệm


 Nguyễn Thùy Diễm


 P. Giám đốc
 Phan Bảo Quỳnh

PQT/Số: HA.21.8612

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12**
Số 592, đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp.HCM
2. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
HA.21.8612	Khu vực công	Theo phương pháp thử

3. Ngày nhận mẫu: 07/12/2021

Ngày trả kết quả: 14/12/2021

4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
1	Bụi ^(*)	mg/m ³	TCVN 5067 – 1995
2	Độ ồn ^(*)	dB(A)	TCVN 7878 – 2 – 2010
3	SO ₂ ^(*)	mg/m ³	TCVN 5971 – 1995
4	NO ₂ ^(*)	mg/m ³	TCVN 6137 – 2009
5	CO ^(*)	mg/m ³	HD – CO

5. Kết quả thử nghiệm:

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn (dB(A))	Bụi (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
HA.21.8612	59,0	0,10	0,062	0,053	< 6
QCVN 26:2010/BTNMT	6h – 21h: 70 21h – 6h: 55	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT	--	0,3	0,35	0,2	30

 Ghi chú: ^(*) Chỉ tiêu được chứng nhận Vincerts

Phòng Thử Nghiệm



Nguyễn Thùy Diễm



P. Giám đốc


Phan Bảo Quỳnh

PQT/Số: HA.21.8613

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: **TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12**
Số 592, đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Tp.HCM
2. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu
HA.21.8613	Tại hố ga sau hệ thống xử lý nước thải	Theo TCVN 5999 – 1995, TCVN 6663 – 3:2016, TCVN 6663 – 1:2011, TCVN 8880 – 2011

3. Ngày nhận mẫu: 07/12/2021

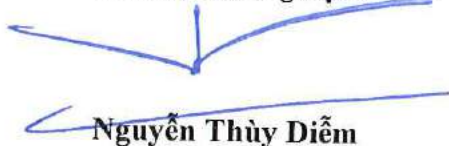
Ngày trả kết quả: 14/12/2021

4. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột B
				HA.21.8613	
1	pH ^(*)	--	TCVN 6492 – 2011	7,08	5 – 9
2	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625 – 2000	14	100
3	BOD ₅ ^(*)	mgO ₂ /L	TCVN 6001 – 1 – 2008	30	50
4	COD ^(*)	mgO ₂ /L	SMEWW 5220 – C – 2017	56	--
5	N-NO ₃ ^{-(*)}	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E-2017	14,2	50
6	P-PO ₄ ^{3- (*)}	mg/L	TCVN 6202 – 2008	3,2	10
7	Amoni (Tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .F:2017	3,4	10
8	Tổng Coliform ^(*)	MPN/100ml	TCVN 6187 – 2 – 1996	4.300	5.000

 Ghi chú: ^(*)Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

Phòng Thử Nghiệm



Nguyễn Thùy Diễm



P. Giám đốc

Phan Bảo Quỳnh

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo đạc.

Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải), không lưu (đối với mẫu khí, vi sinh)

Số: 35/KQTN/2022/52 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 09/06/2022

- 1 Địa điểm lấy mẫu : TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12
- 2 Địa chỉ : Số 592 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, Tp.HCM
- 3 Ngày lấy mẫu : 02/06/2022 Thời gian thử nghiệm: 02/06 – 09/06/2022
- 4 Người lấy mẫu : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
- 5 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 6 Loại mẫu : Không khí
- 7 Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Tiếng ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
Khu vực cổng	60,5	0,15	0,058	0,085	6,45
QCVN 26:2010/BTNMT	≤ 70	-	-	-	-
QCVN 05:2013/BTNMT	-	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 26: 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

PHÒNG THỬ NGHIỆM



TRẦN THỊ THÙY NHUNG



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ HUYỀN

- Số: 35/KQTN/2022/52** **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 09/06/2022
- 1 Địa điểm lấy mẫu : TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12
 - 2 Địa chỉ : Số 592 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, Tp.HCM
 - 3 Ngày lấy mẫu : 02/06/2022 Thời gian thử nghiệm: 02/06 – 09/06/2022
 - 4 Người lấy mẫu : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
 - 5 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
 - 6 Loại mẫu : Nước thải
 - 7 Ký hiệu và mô tả mẫu : NT01: Nước thải tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải - Nước trong ít cặn.
 - 8 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999 : 1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3 : 2008 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.

9 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột A	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01		
1.	pH	-	6,08	5 – 9	TCVN 6492:2011
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	11	50	TCVN 6625:2000
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	48	-	SMEWW 5220C:2017
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	21	30	TCVN 6001-1: 2008
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	3,52	5	TCVN 6179 – 1 : 1996
6.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	4,63	6	SMEWW 4500-P.D:2017
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	14,1	30	SMEWW 4500- NO ₃ ⁻ .E:2017
8.	Tổng Coliform	MPN /100mL	27x10 ²	3.000	TCVN 6187-2:2009

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Sinh hoạt.

Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG THỬ NGHIỆM



TRẦN THỊ THỦY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN

Số: 106/KQTN/2022/55 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 23/11/2022

- 1 Địa điểm lấy mẫu : TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12
- 2 Địa chỉ : Số 592 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, Tp.HCM
- 3 Ngày lấy mẫu : 16/11/2022 Thời gian thử nghiệm: 16/11 – 23/11/2022
- 4 Người lấy mẫu : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
- 5 Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, gió nhẹ
- 6 Loại mẫu : Không khí
- 7 Kết quả đo đạc, phân tích :

Vị trí đo	Tiếng ồn (dBA)	Bụi (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)	CO (mg/m ³)
Khu vực cổng	60,0	0,10	0,060	0,076	5,5
QCVN 26:2010/BTNMT	≤ 70	-	-	-	-
QCVN 05:2013/BTNMT	-	≤ 0,3	≤ 0,2	≤ 0,35	≤ 30
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010	TCVN 5067:1995	TCVN 6137:2009	TCVN 5971:1995	HD.CV.03

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 05 : 2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
- QCVN 26: 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

PHÒNG THỬ NGHIỆM


TRẦN THỊ THỦY NHUNG


GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ HUỖN

- Số: 106/KQTN/2022/55** **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 23/11/2022
- 1 **Địa điểm lấy mẫu** : TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT QUẬN 12
 - 2 **Địa chỉ** : Số 592 đường Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, Tp.HCM
 - 3 **Ngày lấy mẫu** : 16/11/2022 **Thời gian thử nghiệm:** 16/11 – 23/11/2022
 - 4 **Người lấy mẫu** : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
 - 5 **Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
 - 6 **Loại mẫu** : Nước thải
 - 7 **Ký hiệu và mô tả mẫu** : NT01: Nước thải tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải - Nước trong có cặn.
 - 8 **Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999 : 1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3 : 2008 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.

9 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01	QCVN 14:2008/ BTNMT Cột A	
1.	pH	-	6,12	5 – 9	TCVN 6492:2011
2.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	15	50	TCVN 6625:2000
3.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	46	-	SMEWW 5220C:2017
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	23	30	TCVN 6001-1: 2008
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	3,2	5	TCVN 6179 – 1 : 1996
6.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	2,6	6	SMEWW 4500-P.D:2017
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	12,8	30	SMEWW 4500- NO ₃ ⁻ .E:2017
8.	Tổng Coliform	MPN /100mL	24x10 ²	3.000	TCVN 6187-2:2009

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải Sinh hoạt.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

PHÒNG THỬ NGHIỆM



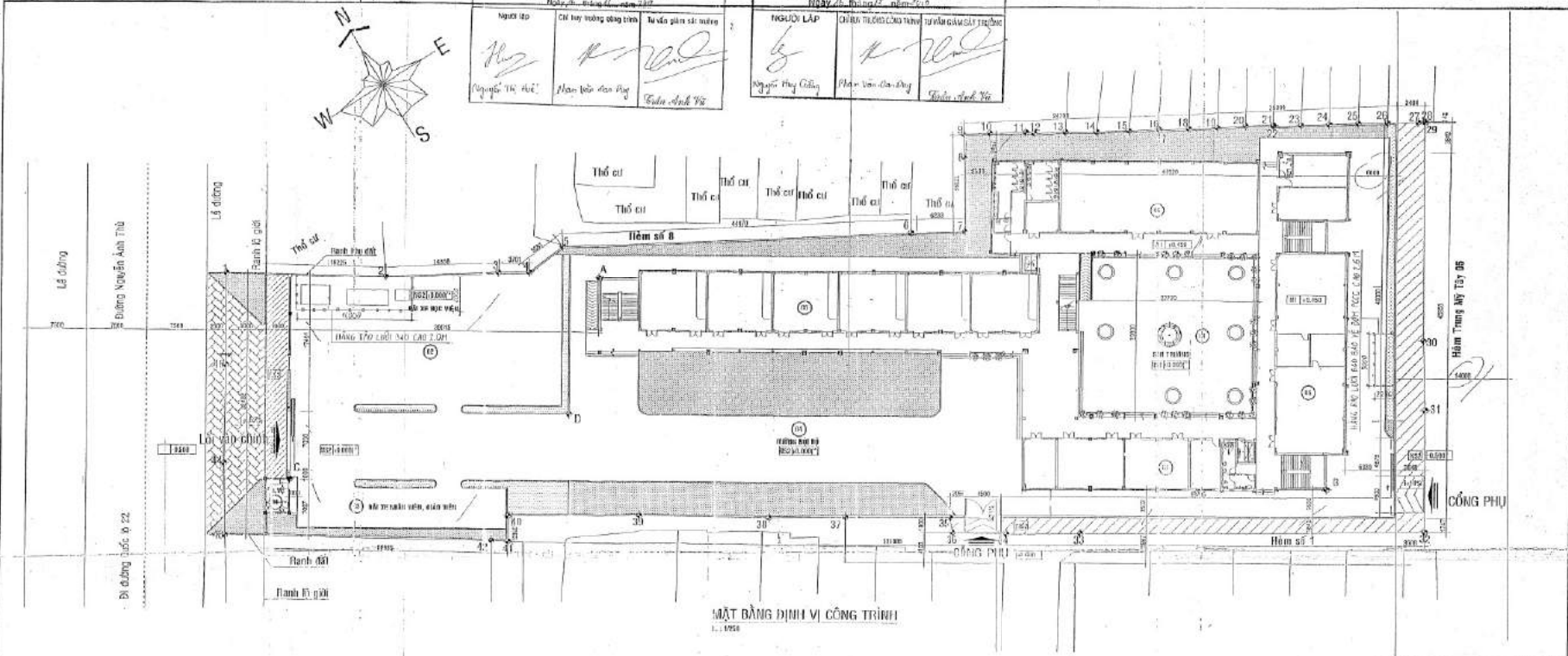
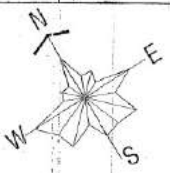
TRẦN THỊ THÙY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN

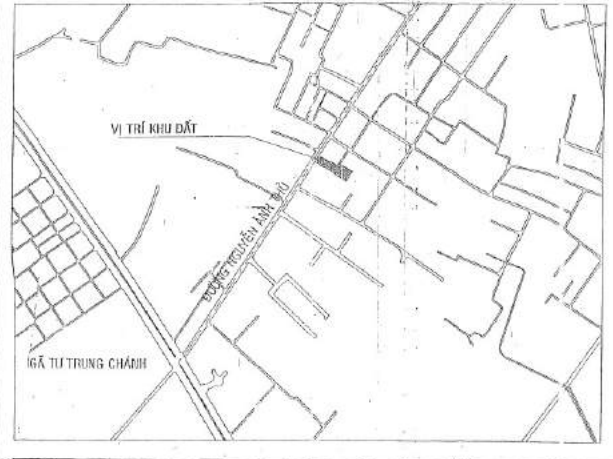
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày... tháng... năm 20...
Người lập: Nguyễn Thị Huệ
Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật
Hạn báo: Phan Văn Sơn
Hạn báo: Trần Anh Vũ

CÔNG TY TNHH SX - TM XÂY DỰNG HÙNG VIỆT
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày... tháng... năm 20...
Người lập: Nguyễn Huy Cường
Chức vụ: Phó Giám đốc Kỹ thuật
Hạn báo: Phan Văn Sơn
Hạn báo: Trần Anh Vũ



MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH
1:1/2000

SƠ ĐỒ CHỈ DẪN
1:2/10000



BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ GÓC BÊN
(Theo hệ tọa độ VN-2000)

Số biên điểm	Toạ độ (X(m), Y(m))		Cạnh (m)	Số lượt	Toạ độ (X(m), Y(m))		Cạnh (m)
	X(m)	Y(m)			X(m)	Y(m)	
1	1201035.80	603832.04	20.26	21	1200077.36	603808.50	3.47
2	1201028.20	603841.06	14.91	20	1200075.54	603803.64	3.61
3	1201087.20	603801.01	14.91	20	1200072.61	603806.70	3.61
4	1201045.15	603819.27	3.83	27	1200071.03	603809.91	3.89
5	1201045.73	603817.00	5.26	28	1200071.25	603809.80	0.86
6	1200993.87	603846.54	43.74	29	1200071.13	603809.70	0.13
7	1200930.38	603811.51	0.52	30	1200047.25	603808.70	26.16
8	1200930.38	603811.41	0.36	30	1200039.84	603805.47	8.48
9	1200930.38	603824.90	3.04	31	1200039.84	603805.47	14.90
10	1200993.32	603823.82	3.32	32	1200037.30	603803.49	42.45
11	1200936.09	603821.75	1.02	34	1200035.36	603808.83	9.57
12	1200936.09	603829.55	3.00	36	1200035.58	603803.10	7.07
13	1200904.28	603801.89	3.40	38	1200041.11	603803.89	1.82
14	1200927.23	603805.21	4.00	37	1200048.25	603802.71	10.37
15	1200904.16	603809.23	3.85	38	1200045.37	603807.49	9.95
16	1200904.28	603812.89	3.85	39	1200042.37	603804.44	10.26
17	1200904.14	603812.88	0.14	40	1200040.84	603804.24	16.42
18	1200904.20	603815.31	2.74	41	1200040.28	603803.24	3.10
19	1200904.42	603819.32	3.71	41	1200040.28	603803.24	2.84
20	1200921.41	603801.62	3.49	42	1200040.28	603803.57	32.85
21	1200911.05	603805.58	3.44	43	1200040.00	603803.56	6.74
22	1200909.90	603805.50	0.17	44	1200040.56	603803.90	11.03
23	1200909.13	603805.51	2.47	45	1200040.51	603803.84	19.81

BẢNG THỐNG KÊ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH

STT	Mã định mức	Tên hạng mục công trình	Đơn vị tính	Số lượng
01	(M)	ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH		
02	(M)	ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH		
03	(M)	ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH		
04	(M)	ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH		
05	(M)	ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH		
06	(M)	ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH		
07	(M)	ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH		

BẢNG LIỆT KÊ TOA ĐỘ CÔNG TRÌNH
(Theo hệ tọa độ VN-2000)

Số biên điểm	Toạ độ (X(m), Y(m))
A	1204061.20 / 603805.00
B	1204061.67 / 603801.58
C	1204071.58 / 603804.52
D	1204040.80 / 603803.81

SƠ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 385/SXD-KTĐ
Ngày... tháng... năm 20...
Ký tên: [Signature]

THẨM TRA
Theo Văn bản số.../SXD-KTĐ
Ngày... tháng... năm 20...
Ký tên: [Signature]

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH
HOẶC SỬ DỤNG VÀ DẪN DẪO

Địa chỉ: 224 Nguyễn Văn An, Quận 1, TP. HCM

CÔNG TY TNHH SX - TM XÂY DỰNG HÙNG VIỆT
Số 12 Nguyễn Văn An, Quận 1, TP. HCM

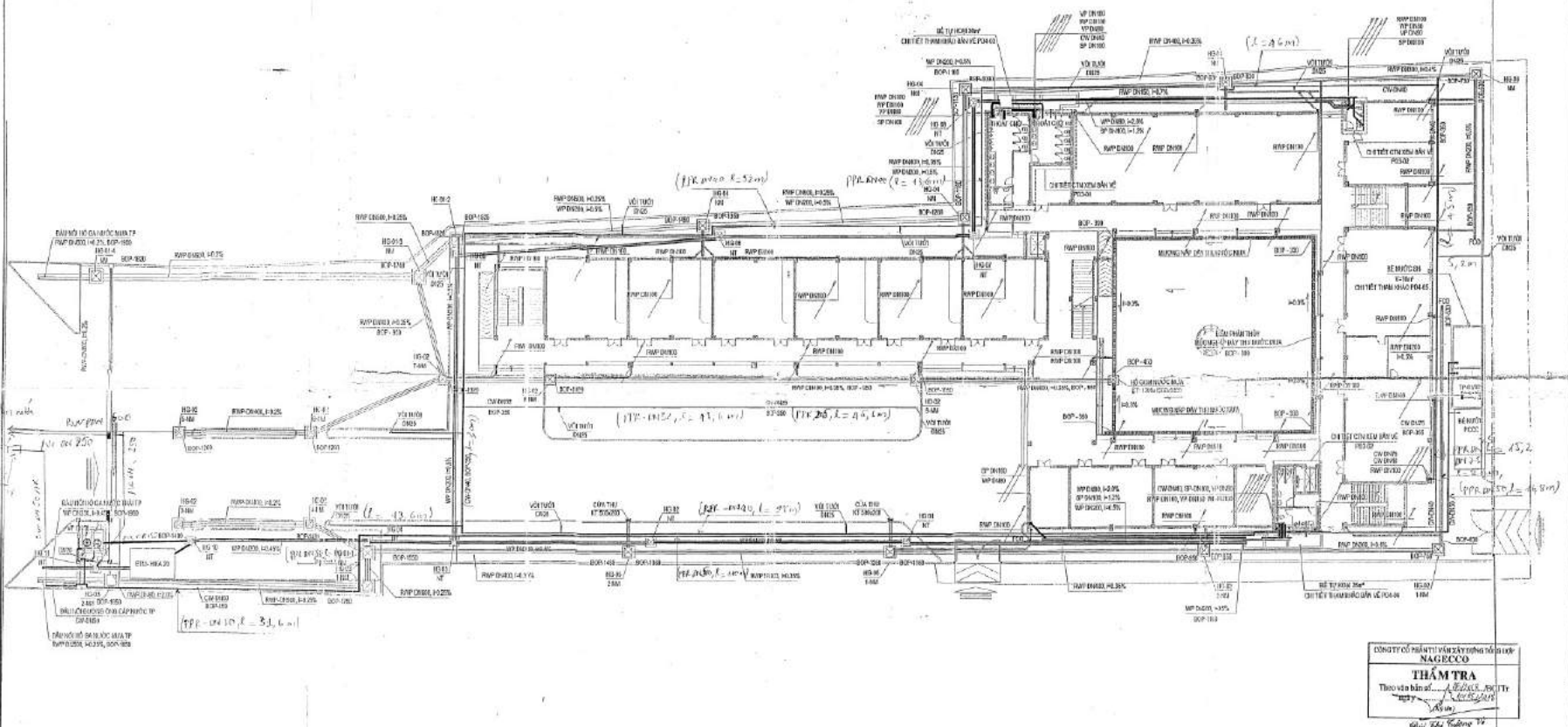
Địa chỉ: 224 Nguyễn Văn An, Quận 1, TP. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH
Số 12 Nguyễn Văn An, Quận 1, TP. HCM

Địa chỉ: 224 Nguyễn Văn An, Quận 1, TP. HCM

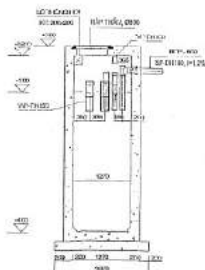
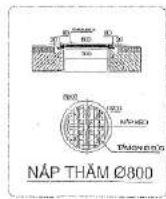
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH
Tỷ lệ: 1:2000
Số vẽ: 02/0
Ngày ký: 20/05/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÙ AN THỊNH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày lập: <i>10/10/2018</i>	Cad hay bằng công thức: <i>1/50</i>	Tên của giám sát trưởng: <i>Trần Anh Vũ</i>
<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	<i>Phạm Văn Sơn</i>	<i>Trần Anh Vũ</i>
Người lập:	Người kiểm tra:	Giám sát trưởng:

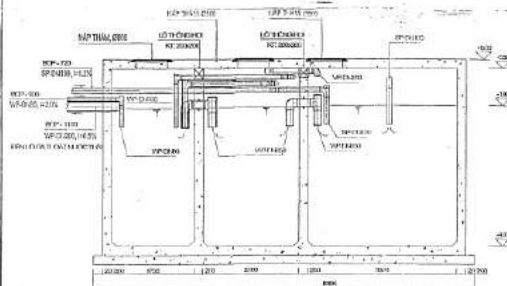


CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ	
NAGECCO	
THẨM TRA	
Thẩm tra bởi: <i>Trần Anh Vũ</i>	
Ngày: <i>10/10/2018</i>	
Bản kỹ thuật	

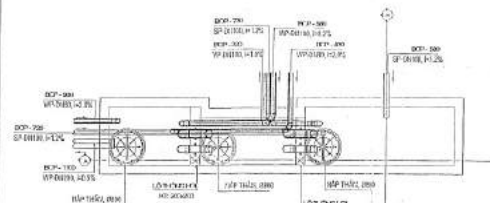
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ THẠCH SƠN GIÀO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Địa chỉ: 10/10/2018		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ THIẾT KẾ NAGECCO Địa chỉ: 10/10/2018	Công việc: CẤP THOÁT NƯỚC TỔNG THỂ Ngày lập: 10/10/2018



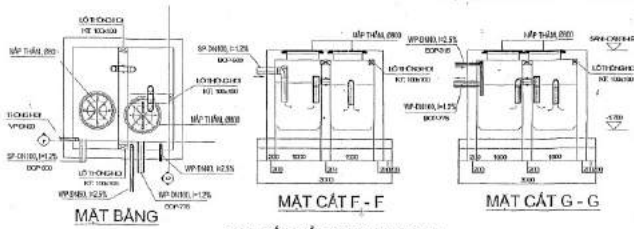
MẶT CẮT B - B



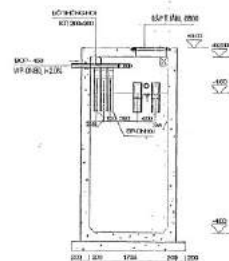
MẶT CẮT A - A



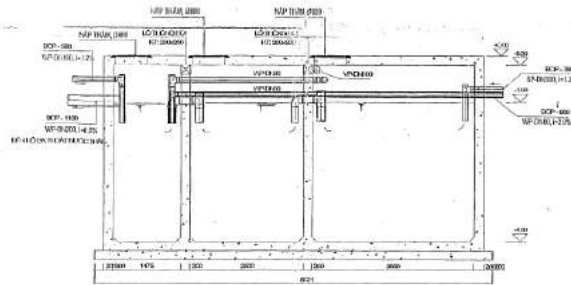
MẶT BẰNG
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI V=25m³



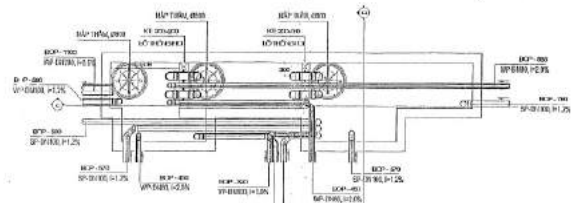
MẶT CẮT F - F
MẶT CẮT G - G
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI V=3m³



MẶT CẮT D - D

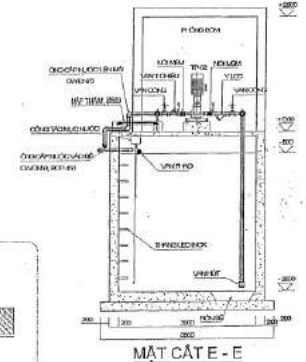


MẶT CẮT C - C

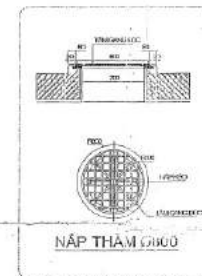


MẶT BẰNG
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI V=30m³

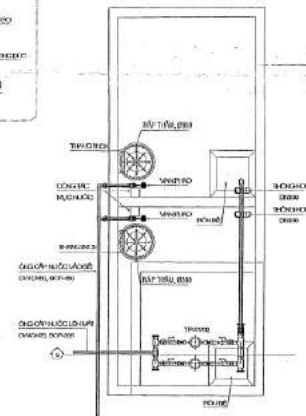
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày 24 tháng 12 năm 2018		
Họ và tên: <i>Nguyễn Văn Cường</i>	Chức vụ: Trưởng công trình	Tên và chữ ký: <i>Nguyễn Văn Cường</i>
		Tên và chữ ký: <i>Trần Anh Vũ</i>



MẶT CẮT E - E



NÁP THÂM Ø800



MẶT BẰNG

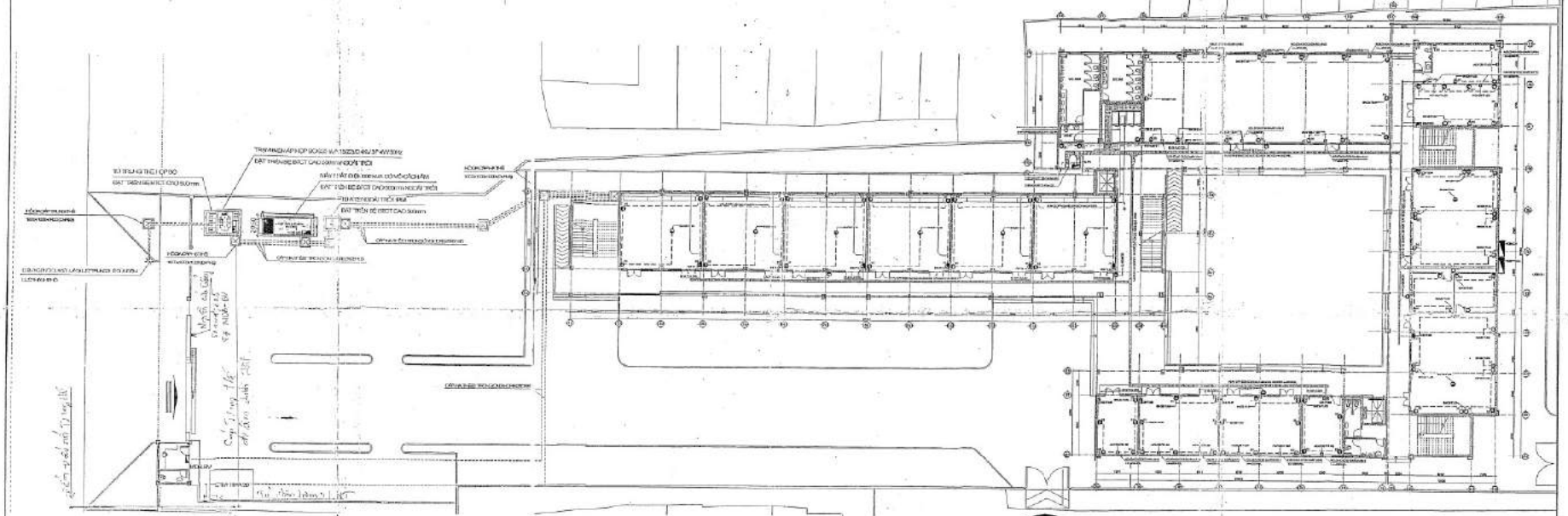
MẶT BẰNG
CHI TIẾT BỂ CHỨA NƯỚC SẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH
THẨM TRA
Theo yêu cầu của *...* ngày *...*

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH 10/10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM Điện thoại: 0903.123.456 Website: www.panthinh.com.vn	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH CHỖ TRƯỞNG CÔNG TRÌNH Nguyễn Văn Cường	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH CHỖ KIỂM TRA Trần Anh Vũ
	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH CHỖ THIẾT KẾ Nguyễn Văn Cường	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH CHỖ KIỂM TRA Trần Anh Vũ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH CHỖ THIẾT KẾ Nguyễn Văn Cường	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH CHỖ KIỂM TRA Trần Anh Vũ	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH CHỖ KIỂM TRA Trần Anh Vũ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÙ AN THỊNH
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày 18 tháng 04 năm 2018

Người lập: Nguyễn Đình Khoa
 Chủ dự án: Nguyễn Đình Khoa
 Tư vấn giám sát: Trần Minh Tuấn



MẶT BẰNG CẤP NGUỒN + 0 CẦM TẦNG 1 (TỔNG THỂ)
 T.1: 1/1000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ
NAGECO
THẨM TRA
 Theo văn bản số 20.2211/SLCTV ngày 10/05/2014
 Nguyễn Văn Tuấn
 Tư vấn giám sát

CHỈ CHU :

Hình	Chức năng
	10. Cửa ra vào
	11. Cửa sổ kính
	12. Cửa sổ kính có rèm
	13. Cửa sổ kính có rèm có tay nắm

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ NAGECO

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÙ AN THỊNH

THÀNH PHẦN: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÙ AN THỊNH

Địa chỉ: 10 Đường Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM

Ngày: 18/04/2018

Scale: 1/2000

Project Name: BẢN VẼ THI CÔNG

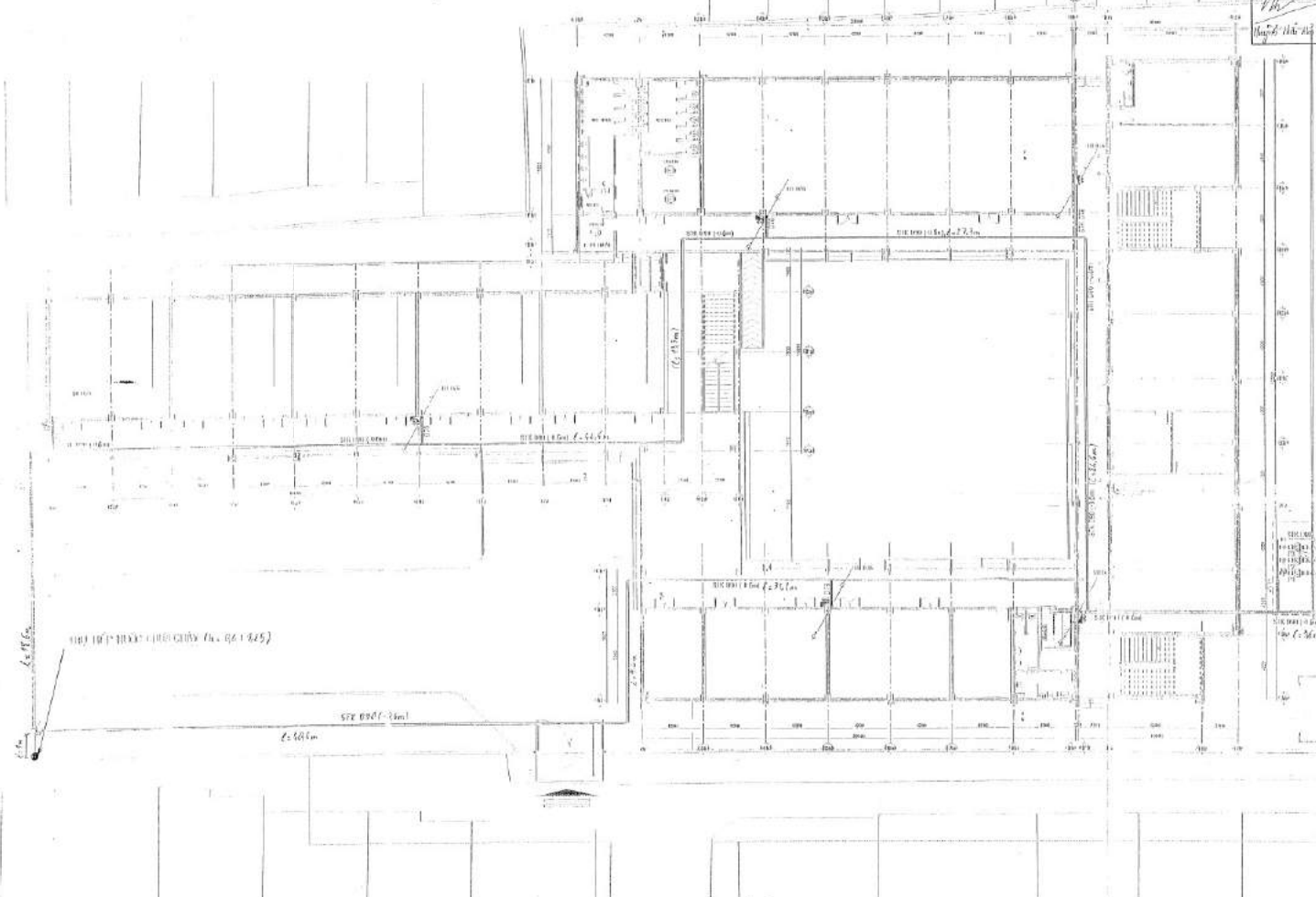
Date: 20-04-2018

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Nhảy 1/6, tháng 1/2 năm 2018

Họ và tên	Chức vụ	Tên viết tắt
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
Nguyễn Văn A	Nguyễn Văn B	Nguyễn Văn C



MẶT BẰNG CHỮA CHÁY TỔNG THỂ

ĐỂ NƯỚC CC 64 m3
±3.5m - mực nước 3m

TRỤ TIẾP NƯỚC CHỮA CHÁY
k. 94.425

CÔNG ANH THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CHỮA CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
YẾU TỐ CHỮA CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
SỐ 24/TU-POCC NGÀY 20/04/2018

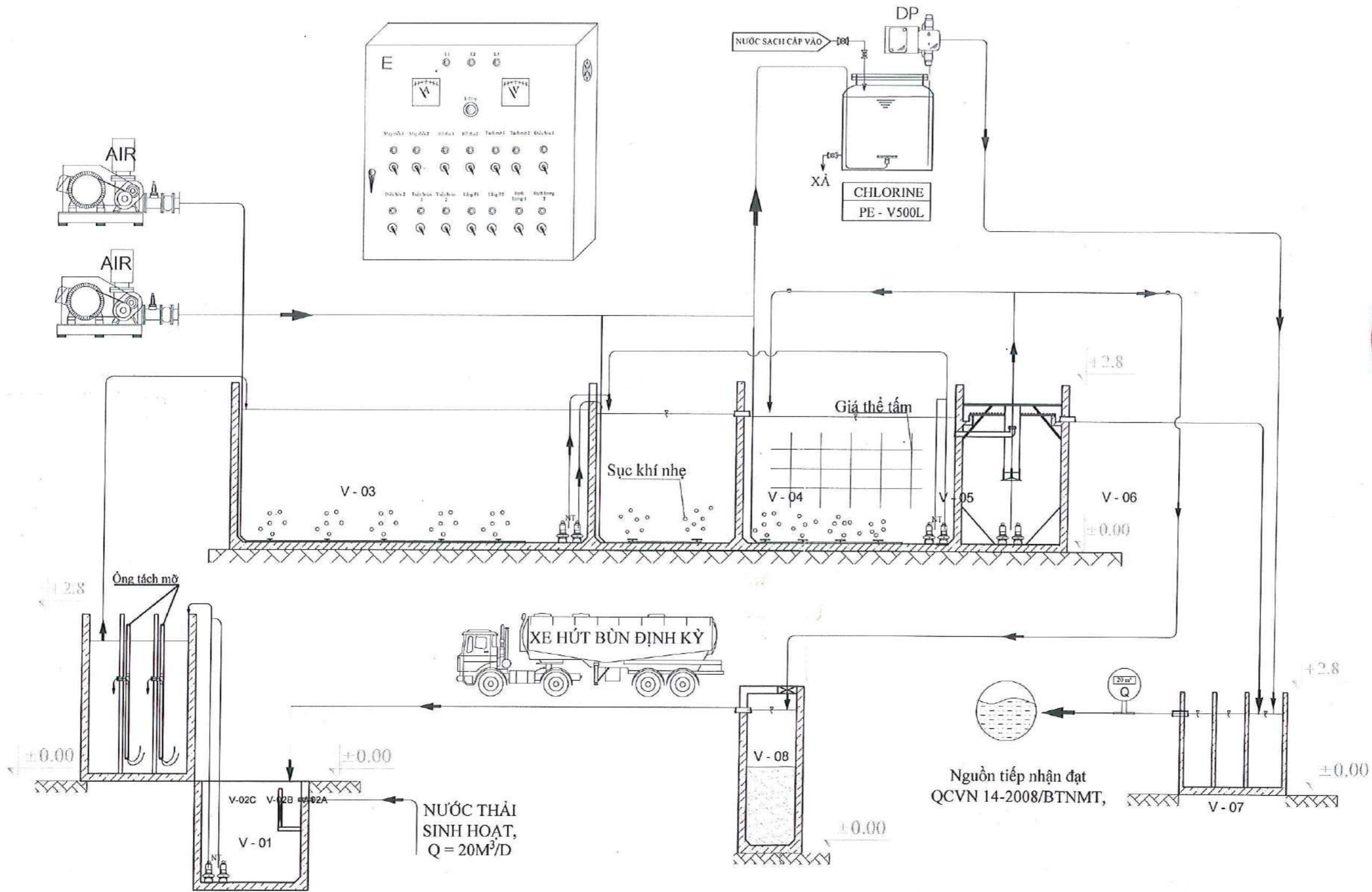
CÁN BỘ THẨM DUYỆT
[Signature]
Châu Thị Ngọc Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH SỐ 10/10 ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG THẠCH KHANH, QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ <i>[Signature]</i> NGUYỄN VĂN A	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚ AN THỊNH SỐ 10/10 ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG THẠCH KHANH, QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI CHỖ ĐÓNG DẤU VÀ CHỮ KÝ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ <i>[Signature]</i> NGUYỄN VĂN B	Công trình: XÂY DỰNG NHÀ CẤP SỐ 1 ĐƯỜNG THẠCH KHANH, K. 10 PHƯỜNG THẠCH KHANH, QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI Hình thức: NHÀ CẤP SỐ 1	
		1110 1115	1110 1115

MẶT BẰNG CHỮA CHÁY TỔNG THỂ

Ngày 20/04/2018

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 20 M³/NGÀY ĐÊM



CHÚ THÍCH:

DP	Bơm định lượng	—w—	Đường ống dẫn nước	V - 01	HỒ THU	V - 05	BỂ AEROTANK
FC	Van 1 chiều	—s—	Đường ống dẫn bùn	V-02A	BỂ TÁCH MỠ 1	V - 06	BỂ LẮNG 2
NT	Bơm nước thải	—cl—	Đường ống dẫn Chlorine	V-02B	BỂ TÁCH MỠ 2	V - 07	BỂ KHỬ TRÙNG
S	Bơm bùn	—AIR—	Đường ống dẫn khí	V-02C	BỂ TÁCH MỠ 3	V - 08	BỂ BÙN SINH HỌC
Q	Đồng hồ lưu lượng	⊠	Nắp thăm	V - 03	BỂ ĐIỀU HÒA	Dùng vật liệu Inox304 dày 3mm, phủ Composite mặt trong	
AIR	Máy thổi khí	E	Tủ điện	V - 04	BỂ ANOXIC		

LẦN BAN HÀNH	NGÀY
LẦN 1	19/09/2019
LẦN 2	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ

TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ
KỸ THUẬT QUẬN 12

VỊ TRÍ LẬP DẠT:

ĐỊA CHỈ: 592, Nguyễn Ảnh Thủ, P.Trung Mỹ Tây, Q.12

TEL:

FAX:



CÔNG TY TNHH MTV
TRUNG THỊNH PHONG

ĐỊA CHỈ: 55/10 Đường TÀI 11, P.Thới An, Q.12, TP.HCM

TEL: (+84) 2862 567 705 - (+84) 918 385 947

EMAIL: trungthinhphong@gmail.com

GIÁM ĐỐC



TRẦN VĂN TRUNG

QUẢN LÝ KÍ	TRẦN VĂN TRUNG
THIẾT KẾ	TRẦN VĂN TRUNG
KIỂM TRA	TRẦN VĂN TRUNG
NGƯỜI VẼ	TRẦN VĂN TRUNG

TÊN CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 20M³/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM:

HẠNG MỤC:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 20M³/NGÀY ĐÊM

TÊN BẢN VẼ:

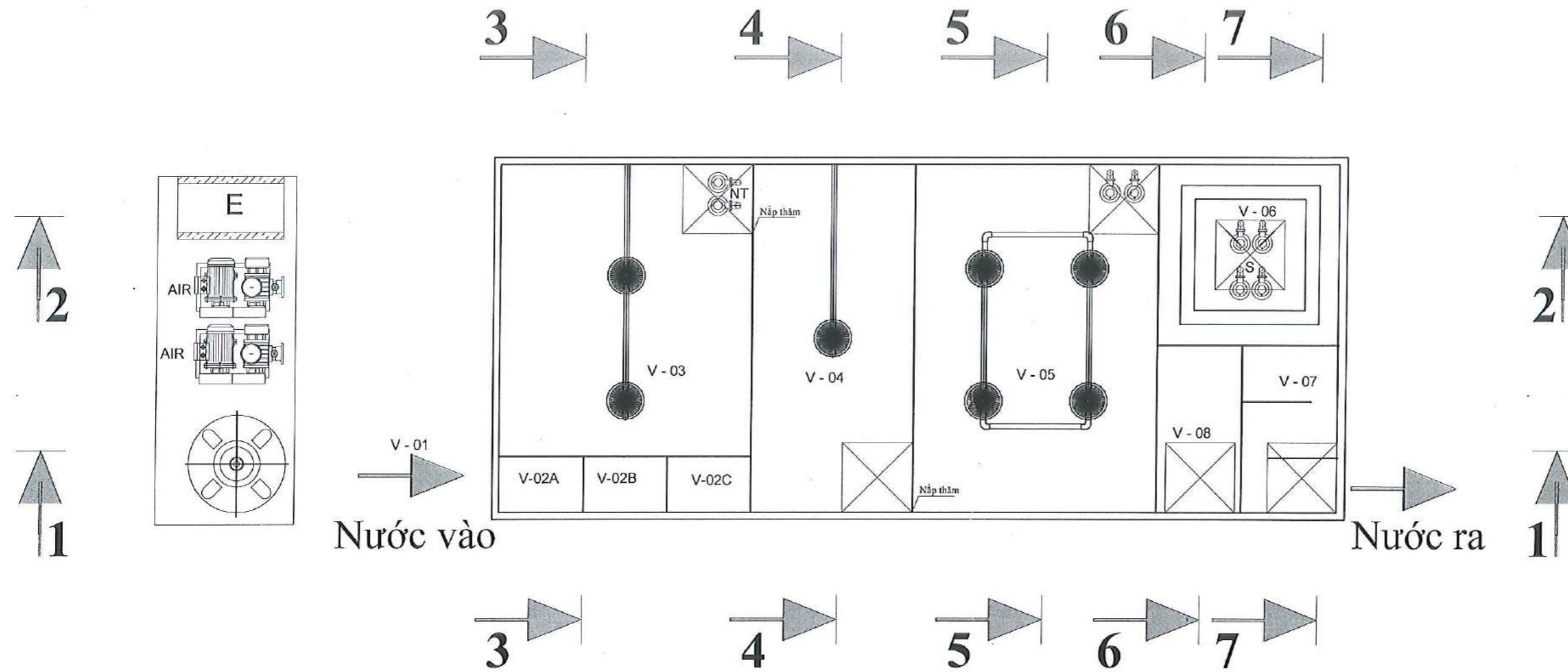
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ
NƯỚC THẢI SINH HOẠT

<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ SƠ BỘ	<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ CHI TIẾT
<input type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT	<input checked="" type="checkbox"/> HOÀN CÔNG

TỶ LỆ:	KÝ HIỆU:
SCALE:	BVCN: 01

NGÀY:	19/09/2019
-------	------------

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 20 M³/NGÀY ĐÊM

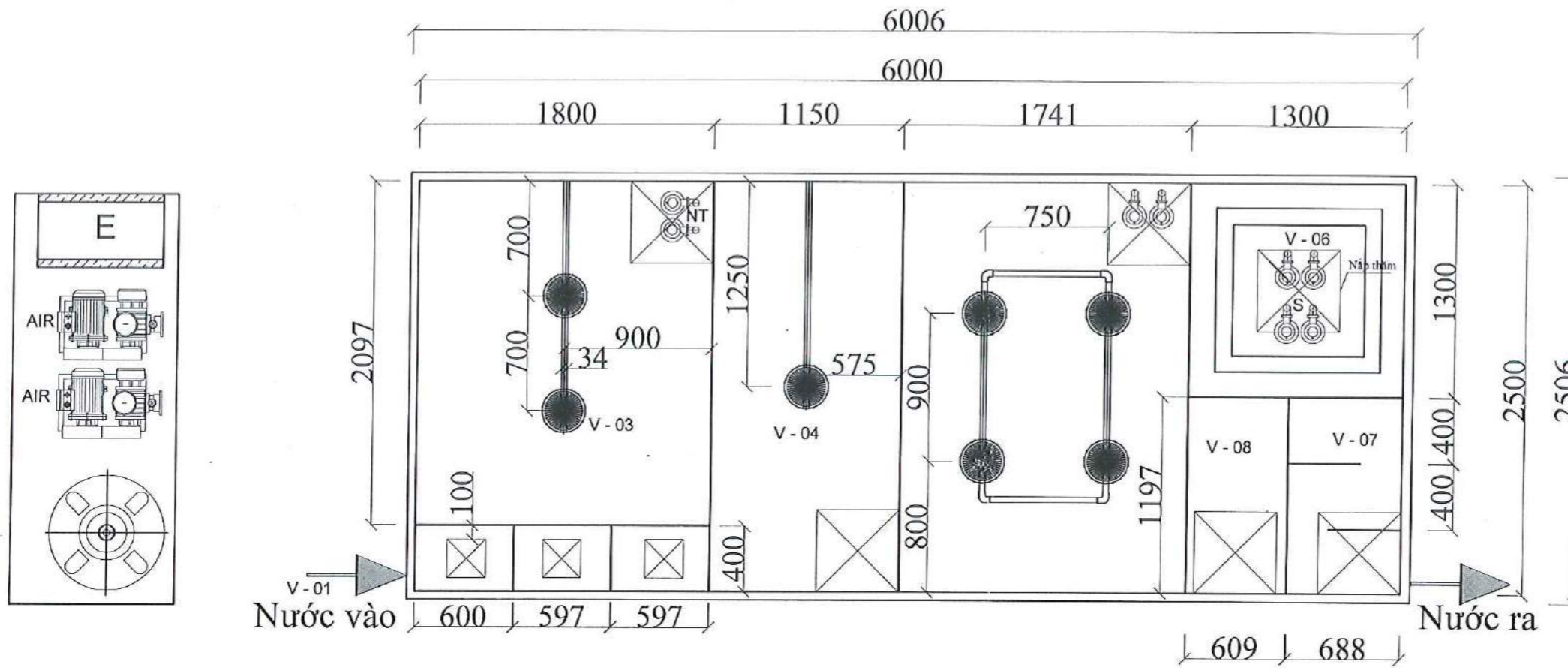


CHÚ THÍCH:

NT	Bơm nước thải	V - 01	HỒ THU	V - 05	BỂ AEROTANK
S	Bơm bùn	V-02A	BỂ TÁCH MỠ 1	V - 06	BỂ LẮNG 2
Q	Đồng hồ lưu lượng	V-02B	BỂ TÁCH MỠ 2	V - 07	BỂ KHỬ TRÙNG
AIR	Máy thổi khí	V-02C	BỂ TÁCH MỠ 3	V - 08	BỂ Bùn SINH HỌC
E	Tủ điện	V - 03	BỂ ĐIỀU HÒA	Dùng vật liệu Inox304 dày 3mm, phủ Composite mặt trong	
⊠	Nắp thăm	V - 04	BỂ ANOXIC		

LẦN BAN HÀNH	NGÀY
LẦN 1	19/09/2019
LẦN 2	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ	
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ KỸ THUẬT QUẬN 12	
VI TRÍ LẬP ĐẠT:	
ĐỊA CHỈ: 592, Nguyễn Ánh Thủ, P.Trung Mỹ Tây, Q.12	
TEL:	FAX:
 TRẦN NGUYỄN THỰC ĐƠN VỊ THI CÔNG	
CÔNG TY TNHH MTV TRUNG THỊNH PHONG	
ĐỊA CHỈ: 55/10 Đường TA11, P.Thới An, Q.12, TP.HCM	
TEL: (+84) 2862 567 705 - (+84) 918 385 947	
EMAIL: trungthinhphong@gmail.com	
 TRẦN VĂN TRUNG	
QUẢN LÝ KT	TRẦN VĂN TRUNG
THIẾT KẾ	TRẦN VĂN TRUNG
KIỂM TRA	TRẦN VĂN TRUNG
NGƯỜI VẼ	TRẦN VĂN TRUNG
TÊN CÔNG TRÌNH	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 20M ³ /NGÀY ĐÊM	
ĐỊA ĐIỂM:	
HẠNG MỤC:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 20M ³ /NGÀY ĐÊM	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT	
<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ SƠ BỘ	<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ CHI TIẾT
<input type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT	<input checked="" type="checkbox"/> HOÀN CÔNG
TỶ LỆ:	KÝ HIỆU:
SCALE:	BVCN: 02
NGÀY:	19/09/2019

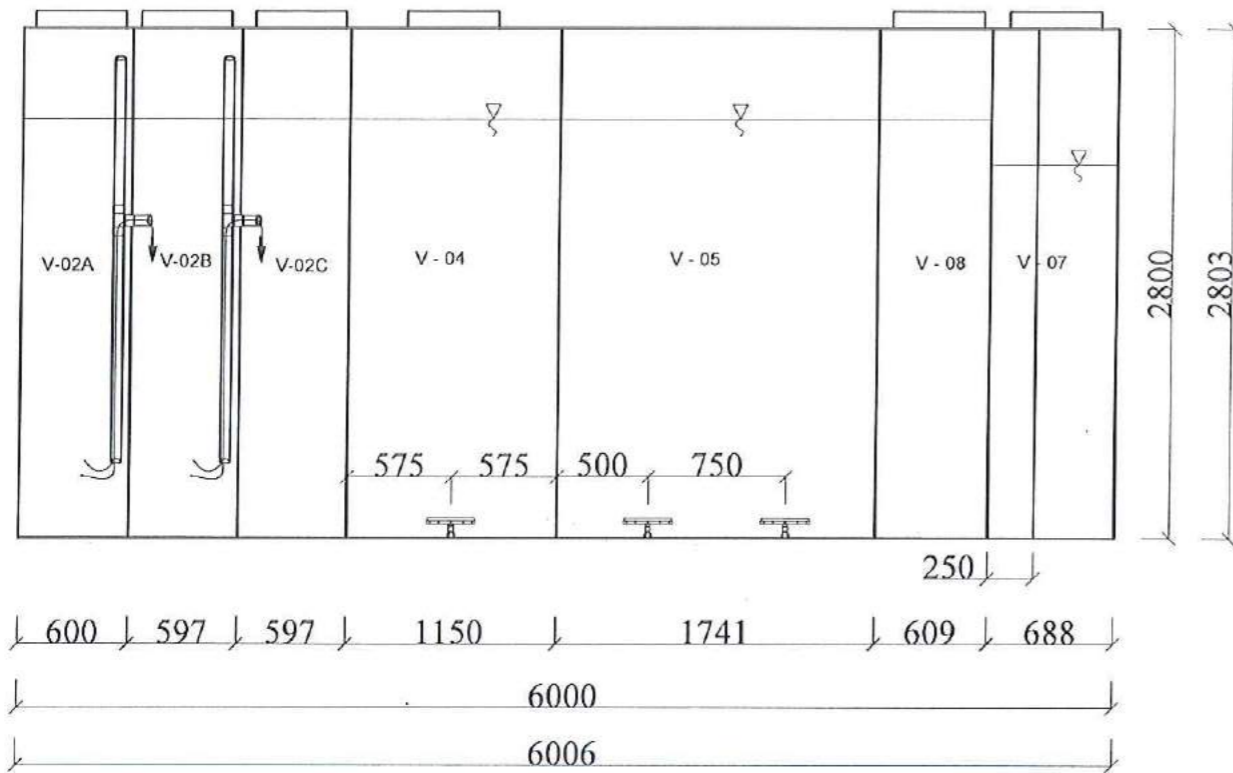
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 20 M³/NGÀY ĐÊM



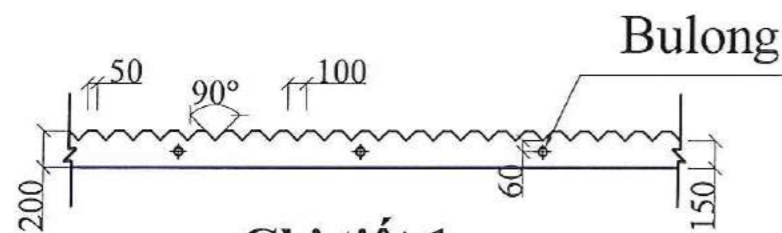
CHÚ THÍCH:

NT	Bơm nước thải	V - 01	HÓ THU	V - 05	BỂ AEROTANK
S	Bơm bùn	V-02A	BỂ TÁCH MỠ 1	V - 06	BỂ LẮNG 2
Q	Đồng hồ lưu lượng	V-02B	BỂ TÁCH MỠ 2	V - 07	BỂ KHỬ TRÙNG
AIR	Máy thổi khí	V-02C	BỂ TÁCH MỠ 3	V - 08	BỂ BÙN SINH HỌC
E	Tủ điện	V - 03	BỂ ĐIỀU HÒA	Dùng vật liệu Inox304 dày 3mm, phủ Composite mặt trong	
☒	Nắp thăm	V - 04	BỂ ANOXIC		

LẦN BAN HÀNH	NGÀY
LẦN 1	19/09/2019
LẦN 2	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ	
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ KỸ THUẬT QUẬN 12	
VỊ TRÍ LẬP DẠT:	
ĐỊA CHỈ: 592, Nguyễn Ảnh Thủ, P.Trung Mỹ Tây, Q.12	
TEL:	FAX:
 TRẦN NGUYỄN THỤY	
ĐƠN VỊ THI CÔNG	
CÔNG TY TNHH MTV TRUNG THỊNH PHONG	
ĐỊA CHỈ: 55/10 Đường TA11, P.Thới An, Q.12, TP.HCM	
TEL: (+84) 2862 567 705 - (+84) 918 385 947	
EMAIL: trungthinhphong@gmail.com	
 TRẦN VĂN TRUNG	
QUẢN LÝ KT	TRẦN VĂN TRUNG
THIẾT KẾ	TRẦN VĂN TRUNG
KIỂM TRA	TRẦN VĂN TRUNG
NGƯỜI VẼ	TRẦN VĂN TRUNG
TÊN CÔNG TRÌNH	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 20M ³ /NGÀY ĐÊM	
ĐỊA ĐIỂM:	
HẠNG MỤC:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 20M ³ /NGÀY ĐÊM	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT	
<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ SƠ BỘ	<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ CHI TIẾT
<input type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT	<input checked="" type="checkbox"/> HOÀN CÔNG
TỶ LỆ:	KÝ HIỆU:
SCALE:	BVCN: 03
NGÀY:	19/09/2019



MẶT CẮT 1-1

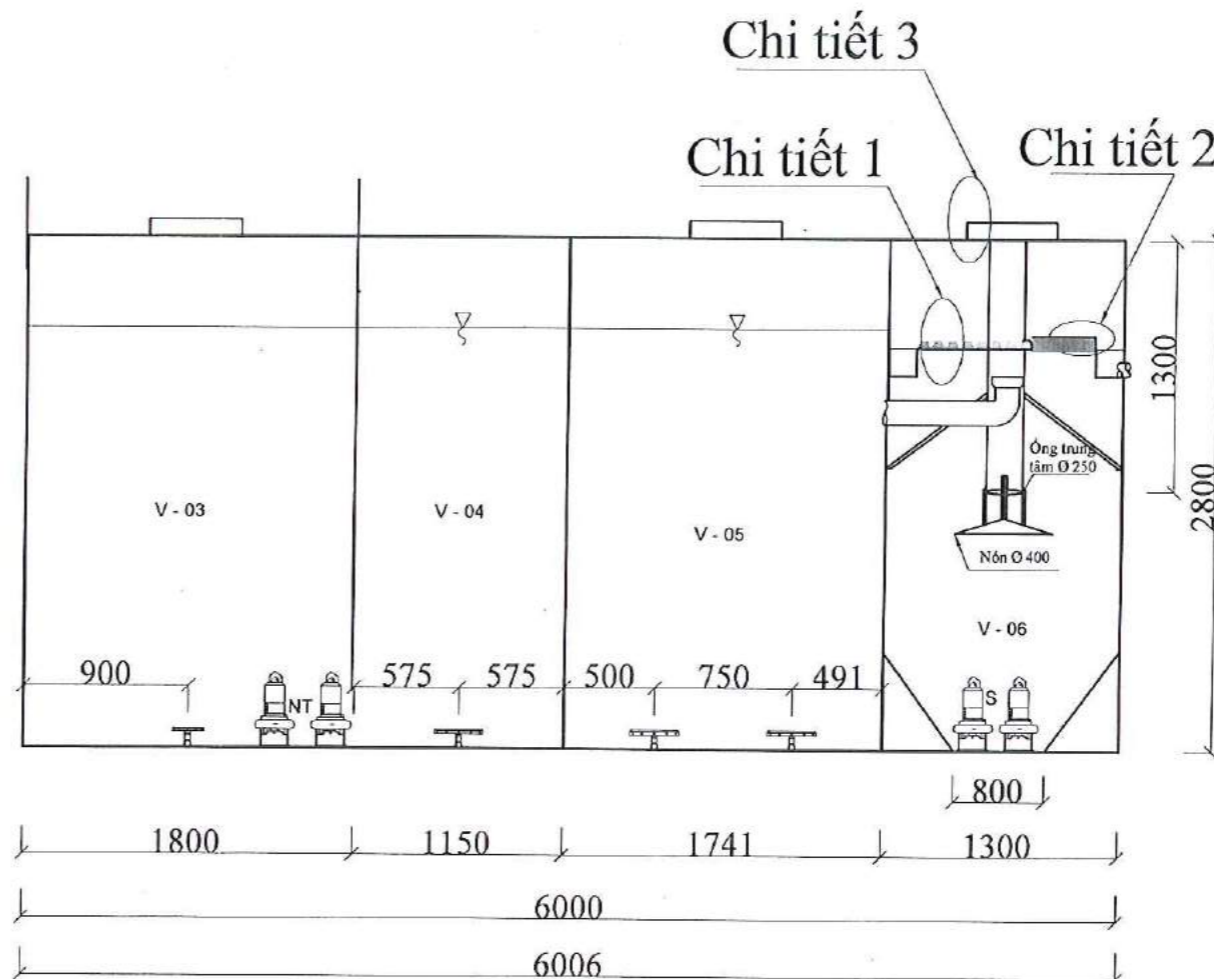
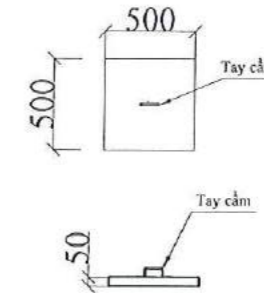


Chi tiết 1
Máng rãnh thưa
Tỷ lệ: 1/25

Chi tiết 2
Tấm chắn bọt
Tỷ lệ: 1/25



Chi tiết 3
Nắp thăm Inox
Tỷ lệ: 1/1

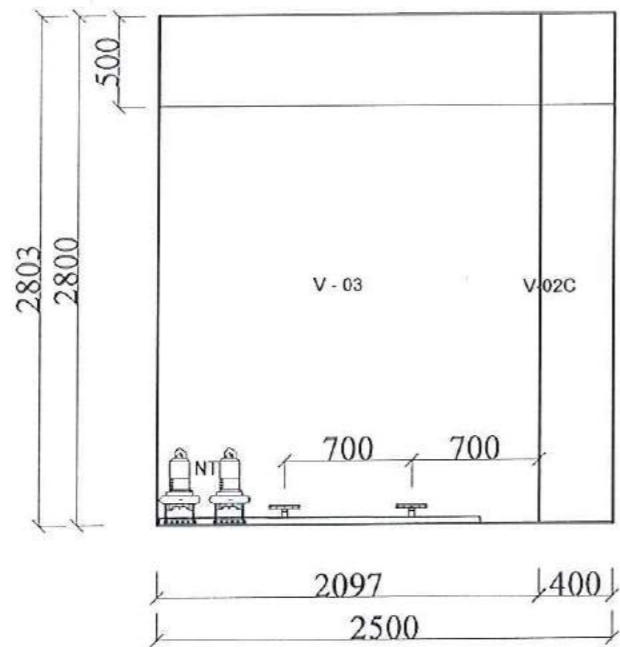


MẶT CẮT 2-2

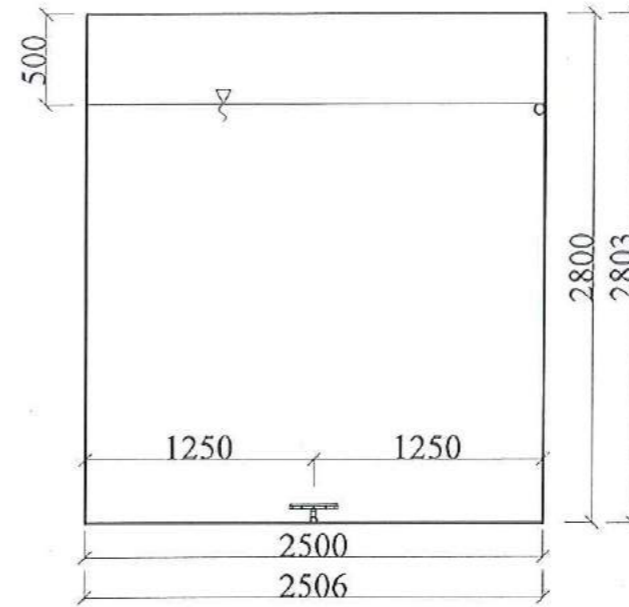
CHÚ THÍCH:

NT	Bơm nước thải	V - 01	HÓ THU	V - 05	BỂ AEROTANK
S	Bơm bùn	V-02A	BỂ TÁCH MỠ 1	V - 06	BỂ LẮNG 2
Q	Đồng hồ lưu lượng	V-02B	BỂ TÁCH MỠ 2	V - 07	BỂ KHỬ TRÙNG
AIR	Máy thổi khí	V-02C	BỂ TÁCH MỠ 3	V - 08	BỂ BÙN SINH HỌC
E	Tủ điện	V - 03	BỂ ĐIỀU HÒA	Dùng vật liệu Inox304 dày 3mm, phủ Composite mặt trong	
☒	Nắp thăm	V - 04	BỂ ANOXIC		

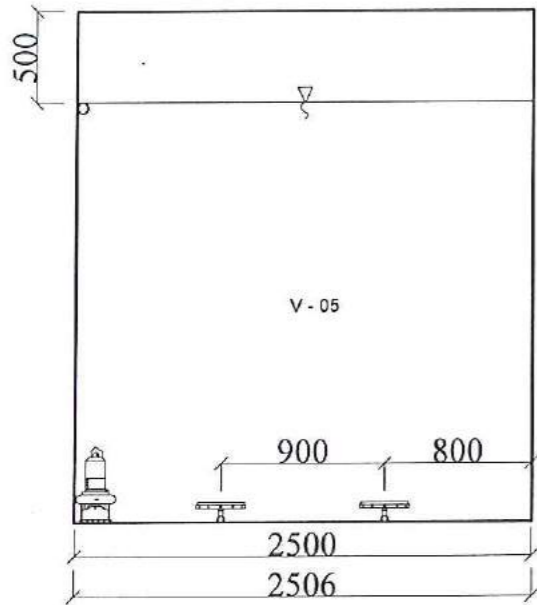
LẦN BAN HÀNH	NGÀY
LẦN 1	19/09/2019
LẦN 2	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
CHỦ ĐẦU TƯ	
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ KỸ THUẬT QUẬN 12	
VI TRÍ LẬP ĐẤT:	
ĐỊA CHỈ: 592, Nguyễn Ảnh Thủ, P. Trung Mỹ Tây, Q12	
TEL:	FAX:
EMAIL:	
CÔNG TY TNHH MTV TRUNG THỊNH PHONG	
ĐỊA CHỈ: 55/10 Đường TAI1, P.Thới An, Q12, TP.HCM	
TEL: (+84) 2862 567 705 - (+84) 918 385 947	
EMAIL: trungthinhphong@gmail.com	
GIÁM ĐỐC	TRẦN VĂN TRUNG
QUẢN LÝ KT	TRẦN VĂN TRUNG
THIẾT KẾ	TRẦN VĂN TRUNG
KIỂM TRA	TRẦN VĂN TRUNG
NGƯỜI VẼ	TRẦN VĂN TRUNG
TÊN CÔNG TRÌNH	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 20M³/NGÀY ĐÊM	
ĐỊA ĐIỂM:	
HẠNG MỤC:	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT CÔNG SUẤT 20M³/NGÀY ĐÊM	
TÊN BẢN VẼ:	
CHI TIẾT MẶT CẮT MẶT CẮT 1 - 1; MẶT CẮT 2 - 2	
<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ SƠ BỘ	<input type="checkbox"/> THIẾT KẾ CHI TIẾT
<input type="checkbox"/> TRÌNH DUYỆT	<input checked="" type="checkbox"/> HOÀN CÔNG
TỶ LỆ:	KÝ HIỆU:
SCALE:	BVCN: 04
NGÀY:	19/09/2019



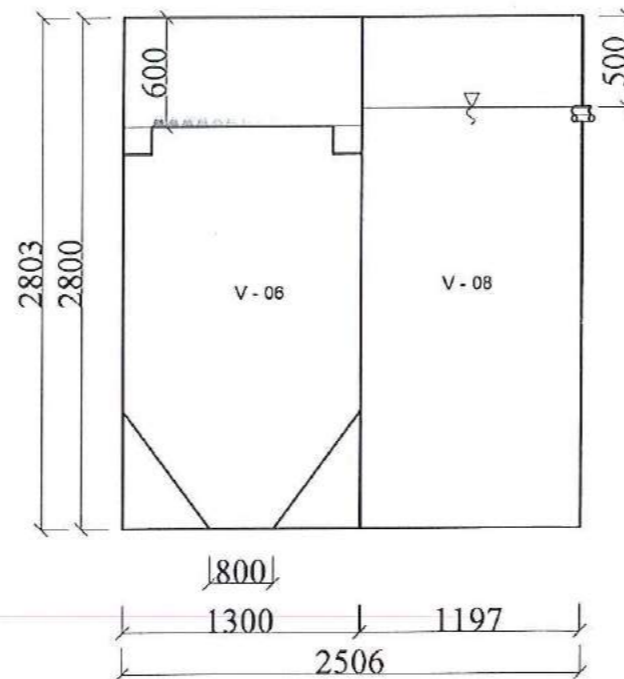
MẶT CẮT 3-3



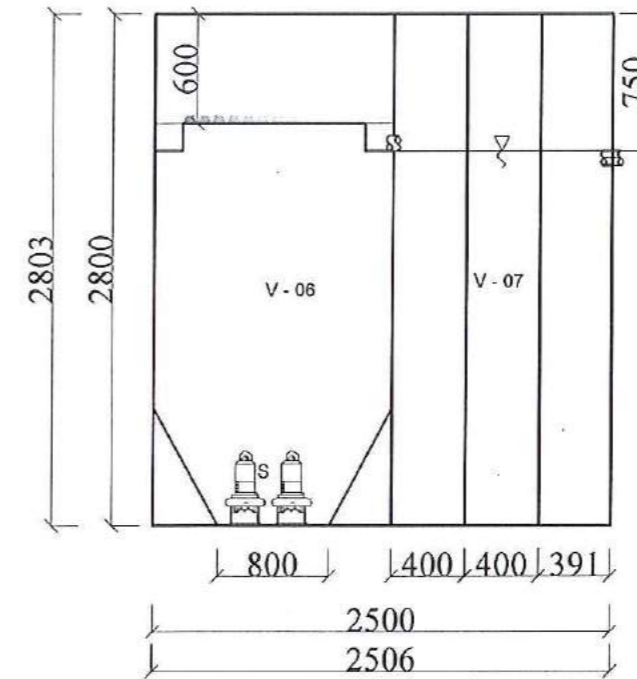
MẶT CẮT 4-4



MẶT CẮT 5-5



MẶT CẮT 6-6



MẶT CẮT 7-7

CHÚ THÍCH:

NT	Bơm nước thải	V - 01	HÓ THU	V - 05	BỂ AEROTANK
S	Bơm bùn	V-02A	BỂ TÁCH MỠ 1	V - 06	BỂ LẮNG 2
Q	Đồng hồ lưu lượng	V-02B	BỂ TÁCH MỠ 2	V - 07	BỂ KHỬ TRÙNG
AIR	Máy thổi khí	V-02C	BỂ TÁCH MỠ 3	V - 08	BỂ BÙN SINH HỌC
E	Tủ điện	V - 03	BỂ ĐIỀU HÒA	Dùng vật liệu Inox304 dày 3mm, phủ Composite mặt trong	
☒	Nắp thăm	V - 04	BỂ ANOXIC		

LẦN BAN HÀNH	NGÀY
LẦN 1	19/09/2019
LẦN 2	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CHỦ ĐẦU TƯ
**TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ
KỸ THUẬT QUẬN 12**

VỊ TRÍ LẬP ĐẶT:
ĐỊA CHỈ: 592, Nguyễn Ảnh Thủ, P.Trung Mỹ Tây, Q.12
TEL: FAX:

TRƯỜNG
TRUNG CẤP
KINH TẾ - KỸ THUẬT
QUẬN 12
Trần Nguyên Thục
ĐƠN VỊ THI CÔNG

**CÔNG TY TNHH MTV
TRUNG THỊNH PHONG**

ĐỊA CHỈ: 55/10 Đường TA11, P.Thới An, Q.12, TP.HCM
TEL: (+84) 2862 567 705 - (+84) 918 385 947
EMAIL: trungthinhphong@gmail.com

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
TNHH
MỘT THÀNH VIÊN
TRUNG THỊNH PHONG
TRẦN VĂN TRUNG

QUẢN LÝ KT	TRẦN VĂN TRUNG
THIẾT KẾ	TRẦN VĂN TRUNG
KIỂM TRA	TRẦN VĂN TRUNG
NGƯỜI VẼ	TRẦN VĂN TRUNG

TÊN CÔNG TRÌNH
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 20M³/NGÀY ĐÊM**

ĐỊA ĐIỂM:
HẠNG MỤC:
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 20M³/NGÀY ĐÊM**

TÊN BẢN VẼ:
**CHI TIẾT MẶT CẮT
MẶT CẮT 3-3; MẶT CẮT 4-4;
MẶT CẮT 5-5; MẶT CẮT 6-6; MẶT CẮT 7-7**

THIẾT KẾ SƠ BỘ THIẾT KẾ CHI TIẾT
 TRÌNH DUYỆT HOÀN CÔNG

TỶ LỆ:
KÝ HIỆU:
SCALE: BVCN: 05

NGÀY: 19/09/2019